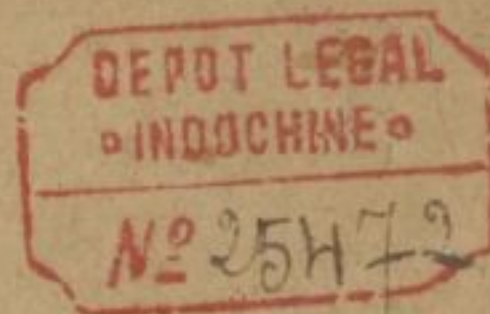


16°
Indoch
3L

GIẢNG NGHĨA KINH



KIM - CU' O' NG

Biên dịch : Thiệu - Chử

CHÂN KHÔNG RIỆU CHỈ

« Th ự c -
h à n h n h ữ n g
phép bổ - thí, tri -
giới, nhãn - nhục, tinh -
tiên, thuyền - định, trí - tuệ,
đề tự - giác giác - tha mà không
chấp - trước ngã - tướng, nhân - tướng,
chúng - sinh - tướng, thọ - giả - tướng,
pháp - tướng, phi - pháp - tướng,
ấy là đước - tuệ soi cho ta
đến cõi Kim - cương
bát - nhã ba - la -
mật vậy ».

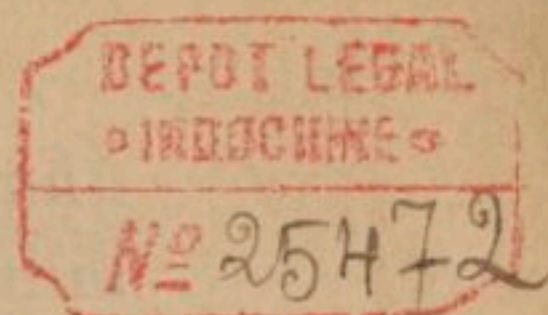
1939

IN TẠI NHÀ IN ĐUỐC-TUỆ
73, Rue Richaud, 73
HANOI

In lần thứ hai

Giá đặc biệt 0\$50

KIM-CƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT LƯỢC GIẢNG



Vì nhân-duyên gì mà tôi dịch kinh Kim cương? Khách có người hỏi Tịnh-liễu (1) rằng : Sao anh không dịch kinh Kim-cương? - Tịnh-liễu cau chán mà đáp rằng: Kinh ấy nói nhảm lắm, vì ông Cưu-ma-la-thập tu chưa thoát-tục, không rõ chính-lý của Phật nên ông dịch không ra nghĩa gì cả

Khách có người đến hỏi Lạc-khổ (2) rằng : Sao anh không dịch kinh Kim cương? Lạc-khổ búi ngủ, tỏ vẻ vô cùng hối hận mà đáp rằng : Kinh Kim-cương là kinh Phật nói cho những bậc đại-thừa, cho những bậc tối-thượng-thừa, tôi là phàm-phu biết thế nào mà dịch, bao giờ tôi học tôi tu được như ngài Cưu-ma-la-thập thì tôi mới dám dịch.

Đầu mùa xuân năm nay, tôi đang ngồi cắm cổ viết, bỗng có hai ông khách cũ lại chơi chúc mừng năm mới, thấy tôi ngày tết không hưởng cảnh tết mà ngồi do đó trong phòng cắm cổ mà viết, lấy làm ngạc nhiên mới hỏi rằng : Thiều-Chửu viết gì mà bỏ cả tết thế? Tôi bèn bỏ quăn bút xuống, nhìn lên mặt bạn phì cười đáp rằng : Tôi đang dịch bộ Kim-cương đây. Khách sững sốt nói : Ô hay ! mấy năm xưa tôi dực anh dịch anh không dịch sao bây giờ lại sốt sắng quá thế? Tôi chấp tay A-di-đà Phật mời khách ngồi rồi thông thả nói rằng :

Hai bạn trách tôi trước sau bất nhất, điều đó tôi xin cam chịu, mà lại rất hoan-hỷ mà chịu nữa. Hai bạn hãy đến ngồi để tôi xin trình bày mọi lẽ vì nhân-duyên gì mà tôi dịch kinh Kim-cương. Cứ như ý tôi bây giờ, không những bây giờ, mà từ hai mươi năm về trước, cũng chưa từng bao giờ có chí dịch kinh Kim-cương. Sao thế? — Vì rằng kinh này là chúa cả các kinh, là mẹ cả chư Phật, nghĩa-tý nguyên-vi, văn-chương cổ-kinh, học

(1) Biệt-hiệu của tôi hồi 18,19 tuổi. (2) Biệt-hiệu của tôi hồi 25,26 tuổi



như tôi, tu như tôi thì đã biết gì mà dám dịch cho lẫn
 mình lại lẫn người nữa. Hai bạn cứ xét ngay những
 câu tôi giả lời hai bạn từ xưa tới nay, cũng đủ rõ lắm
 rồi. Cũng vẫn một người tôi đây; mà lần thứ nhất thì
 mặt-sát cả kinh cả người dịch kinh, lần thứ hai thì lo
 sợ vì cao sâu quá mà không dám dịch, thế là mới có mấy
 năm trời mà tôi đã tựa hồ như hai đời người, như hai
 thái-cực rồi. Sao thế ? — đó là vì kinh này có nhiều
 nghĩa lắm, nguyên văn chữ Phạm dịch ra chữ Hán, có
 đến sáu bản dịch khác nhau, các nhà chú-giải thì có hàng
 mấy trăm nhà, hiện còn có văn-tự lưu-truyền lại cũng
 tới tám mươi hai nhà, mỗi nhà đều sở đắc một nghĩa,
 đều có vẻ cao siêu huyền-diệu cả, nhất là bộ Kim cương
 huyền-nghĩa của Cụ Cát tạng lại càng mông mênh bát-
 ngát, như trời như bể, bởi thế mà các Tổ xưa kia mới
 bảo rằng kinh này là kinh Vô-lượng nghĩa, là kinh không
 thể lấy văn chữ nói năng mà hình-dung được. Đó, hai
 bạn thử nghĩ coi : Các Tổ học-vấn uyên-bác là những
 nào, chơn-giải thâm-mật là những nào, mà còn kêu
 là khó, là không thể lấy văn chữ nói năng mà hình-
 dung ra được, thì tôi, tôi là một kẻ học kém đực bạc,
 có bao giờ dám cầm bút mà dịch nữa không ? Hai bạn
 tôi nghe nói đến chỗ đó liền ngạc nhiên nói rằng : Thế
 anh trước kia không dịch, là vì công tu học còn kém,
 khinh miệt kinh Phật, mặt-sát người dịch mà không học
 không dịch, phải rồi, sau đó nhờ công tu học, biết trước
 là lẫn, mà xám-hối mà chuyên-trì, nhưng vì thấy nghĩa-
 lý cao sâu quá nên không dám dịch, cũng là phải rồi,
 vậy bây giờ anh lại dịch, thì tất có một cái cơ gì quan-
 trọng lắm chứ ? ngày xuân nhân-hạ, tôi xin ngồi đây
 cho đến tối, cho đến thâu đêm suốt sáng nữa để nghe
 cho rõ cái cơ ấy, xin anh cứ nói hết cho nghe. — Vâng,
 hai bạn đã có lòng yêu, tôi cũng xin nói, nhưng chỉ e

nói ra lại làm cho hai bạn mất cả hứng-thú mà thôi. Song, dù có dốt nát có sai lạc nữa, nhưng bạn đã quá gêu, tôi cũng xin nói, sai thì người ta biết gương xấu của tôi mà lánh, mà đúng thì tôi cũng có thể chuộc được tội lỗi xưa chút đỉnh và càng vun thêm được một chút tin-căn. Số là trong mấy năm nay, vì có hội Phật-giáo ra đời, phong-trào Phật-học sôi nổi, thập-phương trí-thức đua nhau nghiên-cứu kinh-điển mà phần nhiều đều thích đọc Kim-cương đều phán nài rằng: kinh Kim-cương đã khó mà các nhà chú-giải lại thêm huyền-bí, khiến cho người mới học càng học càng thêm rối trí, nên không mấy ngày là tôi không tiếp được thư của các giáo hữu khuyến miến tôi nên theo lối giáo-khoa mà dịch mà giảng cho dễ học, đó là một cơ.

Thượng-tọa Thanh-Hòa trụ ở hội quán hội Phật-giáo đã lâu, cảm thấy chư-tăng hậu-liến chăm chỉ học hàn, muốn làm một công-đức lớn để tưởng-lệ thêm, ngài lại thấy các thiên-nam tin-nữ đều khát-ngưỡng kinh Kim-cương mà không đủ học lực để nghiên-cứu kinh chữ Hán nên ngài mới đại phát bồ-đề-tâm, cúng cả món tiền khắc bản chữ Nho và bằng lòng khi in xong rồi thì cúng cả cho ban Tăng-già học-giới bảo-trợ, thập-phương hồi-hướng được bao nhiêu, đều để cúng-dâng chư tăng học-sinh thụ-dụng, mà bố-thí cho tôi khởi-công dịch-thuật, coi việc ấn-hành, đó là hai cơ.

Tôi học Kim-cương trong ngót hai mươi năm trời, về phần lý-trí mẫu-nhiệm thì thiệt chưa hiểu được chút gì, nhưng tôi nhận thấy cái công-đức quả-báo của kinh này thật là bất-khả tư-nghị, quả như lời kinh nói: « Cho chỉ nghe chương câu kinh này, sinh ra mỗi niệm thanh-tịnh trừnq trong một mỗi-niệm cũng được công-đức như bậc đã gieo mầm lành hàng vô-lượng ngàn vạn Phật

(phận thứ sáu)...Rằng nếu thiện-nam tin-nữ noo thụ trì đọc tụng kinh này, mà bị người khinh dể, thế là tội-nghiệp kiếp trước của người ấy đáng phải đọa vào ác-đạo, vì nay bị người khinh dể, tội-nghiệp trước liền tiêu-diệt ngay, lại sẽ chứng được đạo vô-lượng nữa (phận 16) đủ biết kinh này công-đức vô lượng. thụ trì đọc tụng kinh này, mau tiêu sạch nghiệp-chướng, dù chưa hiểu đó, mà cứ tin-ngưỡng tụng đọc, cũng sẽ tiêu dần nghiệp-chướng mà có ngày hiểu được, đó là ba cơ ;

Ngài Thái-hư pháp-sư, là một bậc cao-tăng đại-đức bên Tàn bây giờ. Ngài từng đi du-lịch khắp các nước Âu Mỹ diễn-dạng cổ-độn, lập ra hội Phật-học khắp thế-giới, được cả các bậc trí thức trong ngoại đều hướng-mộ, đủ biết ngài cũng đã chứng giải được cái nghĩa diệu-hành vô trụ của Phật rồi, nên mới làm được những công quả tốt đẹp như thế. Tôi lại được đọc bản Kim-cương giảng-lục của ngài, đọc đi đọc lại, Tôi thấy tuy còn giản-lược, chưa được thực no lòng mãn-ý cho người cầu học, nhưng những chỗ bí-tủy của Phật, thì ngài cũng đã dùng được những câu văn giản-dị mà phát huy được cả rồi, đó thực là do công thực-hành mà tới, chứ không phải là lấy lý mà đoán phỏng vậy. Vì thế mà tôi cứ y theo nghĩa của ngài mà diễn dịch ra, chắc cũng có lợi cho các giáo-hữu mới học Phật nhiều, đó là bốn cơ ;

Ấy, tôi sợ dĩ dịch kinh Kim-cương là vì có bốn cơ đó. Vì bốn cơ đó hoàn-toàn là lợi tha, mà lại nhờ có bản giảng nghĩa của ngài Thái-hư làm mực-thước, cho nên tôi mới dám quá bạo mà khởi-công diễn-dị h mà ấn-hành ra đời. Song tôi xin thú thực rằng, bản dịch kinh Kim-cương này tuy là chính tay tôi viết ra, nhưng thiệt không phải là tôi viết, không phải là của Thiệu-Chữn tôi tự viết

ra, mà lại hoàn toàn là của ngài Thái hư viết ra, mà lại hoàn toàn là của các giáo hữu viết ra.... Vì sao tôi nói là của các giáo-hữu viết ra? — Vì rằng Bát-nhã chân-tri, ai nấy đều đủ cho nên Phật mới bảo rằng hết thấy chúng sinh đều là Phật, vì chúng sinh nào cũng có cái bát nhã chân-tri ấy, ngộ thời là Phật, mê thời là chúng-sinh, chứ chúng sinh có phải là chúng sinh thực đâu. Bản kinh Kim-cương bát-nhã ba-la-mật ra đời, các giáo-hữu tụng đọc thụ-trì, phá tan tứ-tướng ngã, nhân, chúng-sinh thọ giả, liễu cả nhân pháp điều là không, có không đều sai lạc, lại quy về chỗ chân-như bản lai thường trụ, hưởng thú thường-lạc ngã-tĩnh, bấy giờ thấy mình tức là Kim-cương bát nhã. Kim-cương bát nhã tức là mình, đó tức là của mình vẫn có, chỉ vì vô minh che lấp, cũng như người vẫn có mắt, mà vào trong chỗ tối, nên mới không trông thấy gì cả, nay được đọc hình Kim-cương bát-nhã, sạch hết vô minh, cũng như người đã có mắt lại có ánh sáng mặt trời chiếu tỏ thì còn cái gì là không trông thấy nữa vậy.

Vì sao tôi nói rằng không phải là tôi dịch? — Vì những nghĩa lý trong kinh này là do Phật nói ra, là do ngài Cưu-ma-thập dịch ra Hán-văn, lại do ngài Thái hư diễn-giảng ra từng đoạn, đối với tôi, hoàn toàn không có một câu nào, vì tôi tứ-lương vẫn còn nguyên, nhân cũng to mà pháp cũng lớn, vẫn hoàn toàn là kẻ phàm phu, thì diễn-dịch Kim-cương bát-nhã thế nào được. Và chàng tôi lại còn biết bao mối ngờ như sau này :

1. Phận thứ hai : bản ta thường tụng thì chép là **vân hà** **ưng trụ vân-hà hàng phục kỳ tâm** Tôi xem trong đại-tạng và bản dịch của cụ Chân-đế cụ Huyền-trang đều chép là : **Ưng vân hà trụ vân hà hàng phục kỳ tâm**. Chữ **ưng** dễ lên trên có lẽ phải hơn. Vì đoạn này là hỏi

về công-phu làm đạo, mà **phận 17** thì **vân** hà **ưng** trụ là hỏi rằng đã vô-ngã thì ai làm, ý nghĩa có khác nhau và văn tự cũng phải phép hơn.

2 **Chữ tắc** với **chữ tặc** vì bản cũ kiêng tên húy vua Cao-ly (bản ta theo là thuộc về tạng Cao-ly cả) nên hay đổi làm **tắc**, **chữ tặc** với **chữ tắc** tuy ý nghĩa có chiều giống nhau mà thiệt có ý khấn-thiết và sơ sai khác nhau, chưa thật thấu hiểu, khó mà quyết được phải chăng.

3. **Phận thứ ba** : bản ngài Cưu-ma-la-thập thì dịch là **Chư bồ-tát ma-ha-tát ưng như thị hàng phục kỳ tâm**, mà các bản dịch của đời Trần đời Đường thì đều dịch là **ưng sinh như thị tâm**. Theo ngài La-thập thì chữ **Như-thị** là chỉ xu ng các phận ở dưới, là phép **tiệm** ; theo các ngài Bồ đề ngài lưu-chi Chá -để cụ Huyền-trang cụ Nghĩa-tĩnh thì chữ **Như thị** là chực chỉ chân tâm kiến tính thành Phật là phép **đốn**, đó cũng là một chỗ rất quan-trọng, chưa biết bên nào hơn vậy.

4. **Phận thứ tư** : Ngài La-thập dịch là **Như - lai thuyết đệ nhất ba - la - mật phi đệ nhất ba-la-mật, thị danh đệ nhất ba-la mật**. Các bản Trần Đường dịch thì lại dịch là : **Như-lai thuyết đệ nhất ba-la-mậ giả bỉ vô lượng chư Phật, diệc thuyết ba-la mật, thị danh đệ nhất ba-la-mật**, thì hai nghĩa khác hẳn nhau mà chỗ khác ấy cực kì quan trọng, vì một bên nhận có một bên nhận **không** rất là khó quyết.

5. **Phận thứ hai mươi bốn** : **Như tích vi Ca-lợi vương cát tiệt thân thể, ngã ư nhĩ thời, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng** các bản Trần Đường thì có hai câu : **vô tướng diệc phi vô tướng**, song với phận thứ 6 **vô pháp tướng diệc vô phi pháp tướng**, có lẽ trọn vẹn hơn.

6 *Phân thứ hai mươi sáu* : Bốn câu kệ **Nhược dĩ sắc kiến ngã v. v** bản cụ Bồ-đề Lưu-chi có bốn câu nữa là : **bĩ Như-lai riệu thể, tức pháp thân chư Phật, pháp thể bất khả kiến, bỉ thục bất năng tri** thì càng dễ hiểu hơn câu trên lắm. Bản dịch của ngài Huyền Trang cụ Nghĩa-lĩnh thì dịch là : **Chư gĩ sắc quán ngã, gĩ âm thanh tâm ngã bĩ sinh lý tà đoán, bất năng đương kiến ngã. Ưng quán Phật pháp tính, tức đạo sư pháp thân. Pháp tính phi sở thức, cố bĩ bất năng liễu** thì lại càng rõ nghĩa hơn và có thể tin rằng bài này chính bản Phạm có tám câu nữa. Ngoài ra cũng có nhiều chỗ khác nhau, nhưng không quan-trọng lắm. nên tôi không trích ra đây, mà nói ngay như bản của ngài La-thập, tôi xem bản trong Đại tạng với bản ta thường tụng cũng có nhiều chỗ khác nhau, cho nên trên bản chữ Nho cũng có chỗ tôi chép theo trong Tạng, nên có khác nhau đôi chút. Nói tóm lại thì cái nghĩa chân không mâu nhiệm, không thể lấy cái tri-kiến phàm-trần mà phán-đoán được; mà cũng không thể cậy ở các bản chú-thích mà hiểu rõ đích sắc được, mà phải chú-trọng ở công tu-hành, chừng nào thấy tỏ chân-như, bấy giờ sẽ ngộ được sẽ làm được, chứ không phải là chỉ học ở nơi văn-tự mà được, vì thế nên tôi giải bày hết tâm-khúc của tôi từ lúc mới đọc Kim-cương cho đến bây giờ, trước là để xám hỏi tội lỗi của tôi, sau là để các đệ-đi biết rõ cái lầm của tôi mà tránh trước, đừng có cậy cái tri-kiến thấp hẹp của mình mà vội phán-đoán thánh-hiền, mà hãy cứ thực-hành bốn chữ tri-giới tu-phúc, xả hết của mình mà cống-hiến cho chúng-sinh, bỏ mạng quyết chết mà giữ lấy giới-luật, rồi mới có ngày nói Kim-cương bát-nhũ ba-la-mật được.

Nam-mô Bản-sư Thích-ca mâu-ny Phật,

Nam-mô cầu xám-hối bồ-tát ma-ha-lát.

Thiền-Chửu bài chí

GIẢNG NGHĨA KINH

Kim-cương bát-nhã ba-la-mật

Trước khi giảng kinh này, tôi xin giảng tên kinh trước, rồi sau sẽ giảng đến kinh văn. Tên kinh có tám chữ là Kim-cương bát-nhã ba-la-mật kinh. **Kinh** là phép thường ; những phép thường của Phật nói ra, đều gọi là **kinh Ba-la-mật** nguyên là tiếng phạn : **Mật** nghĩa là đến, **ba-la** nghĩa là bờ bên kia , **ba-la-mật** tức là bờ bên kia cũng như người qua sông, do bờ này mà đến bờ bên kia vậy. Ba-la-mật có nghĩa là việc làm đã trôi lọt, phạm sự gì đã làm được tới chốn viên-mãn cứu-kính, đều gọi là **ba-la-mật Bát-nhã**, nguyên là tiếng Phạn, nghĩa là trí-tuệ. **Kim-cương** là tên một vật ở mỏ, rất rắn, rất sắc, hết thầy mọi vật không phá được nó, mà nó phá được hết thầy mọi vật, vả lại cái chất rắn, sắc của nó, nguyên lai vẫn đầy đủ thể, không phải bởi vật ngoài gây nên, cũng không phải nhờ các vật khác rèn đúc nên, cho nên Phật lấy nó mà ví dụ như cái trí-tuệ của người ta, từ vô thủy trở lại, ai cũng đều có, khi thành thành nó cũng không thêm chút nào, lúc là phàm phu nó cũng không kém một chút nào ; nó đã không bị vô-minh từ vô-thủy làm chìm đắm được, mà lại còn chiếu tỏ phá tan cái vô-minh, y như gió quét mây bay, nắng tan sương móc ; tuy lặng yên chiếu tỏ như-như, mà lại không phải là lặng yên, là chiếu tỏ ; tuy không phải là lặng yên, là chiếu tỏ, mà lại vẫn thường lặng yên, thường chiếu tỏ ; Thế tức là Kim-cương bát-nhã vậy. Nếu không có đủ Kim-cương bát-nhã, thì việc làm quyết không đến chỗ viên-mãn cứu-kính được, cho nên cần phải có Kim-cương bát-nhã mới có thể ba-la-mật được vậy. Nay hãy nói ngay đến việc thế-gian mà xem, bất luận là làm một việc gì, không có cái trí-tuệ tất không làm nên ; không có cái trí-tuệ sáng hơn, dù làm cũng không được thành công, đó là một điều người đời ai cũng thấy rõ cả. Nay lại nói đến phép niệm Phật là phép xuất

thế kia, nếu người niệm Phật, chưa được nhờ một vị đại-đức nào chỉ bảo cho rõ cái chân-lý niệm Phật, thì tất không biết cách niệm mà có niệm cũng không thành công vãng-sinh cực-lạc được. Sao thế? -- Vì rằng không thể được Kim-cương bát-nhã, tất không đạt đở được tả-đạo mà hộ-trì chánh-pháp được. Ngày xưa có một người tu phép niệm Phật, nhân khi người bạn cứ gọi tên mình luôn mãi, liền phát câu bảo người bạn rằng : « Sao anh cứ gọi tên tôi mãi thế ? » Người bạn nói : « Tôi mới kêu tên anh có vài trăm tiếng, anh đã phát câu, thế thì anh niệm A-di-đà Phật mỗi ngày đến hàng nghìn hàng vạn tiếng, biết đâu đức A-di-đà ngài không phát câu ư ? » Người kia nghe bạn nói thế, quả nhiên ngờ vực, cho rằng niệm Phật là làm nhảm Phật, từ đó không niệm nữa. Lại có một người niệm Phật, gặp một vị tu thuyền hỏi vặn rằng : « Người niệm Phật ấy là ai ? » Người kia ngờ ngác, không biết trả lời làm sao, rồi cũng cho rằng niệm Phật vô-ích, thôi không niệm nữa. Đó đều là vì không có đủ Kim-cương bát-nhã, cho nên vừa mới gặp duyên ngoài ngăn cản, tức thì bị đổ ngay. Lại có một người, cũng hơi am hiểu lời Phật nói rằng : « ở bên phương tây có Phật, gọi là đức A-di-đà, hiện nay đang thuyết pháp. Nếu có người nào niệm đến tên ngài, một ngày, cho chí năm bảy người, một lòng kháng khí không rối loạn, thì tới lúc chết, liền được vãng-sinh sang cõi Phật ». Vì thế mới niệm luôn cả ngày cả đêm, không hề sao nhãng. Một hôm có một vị tu thuyền bảo rằng : « Trước khi cha mẹ chưa sinh thì mình là ai, sau khi chết rồi thì ai vãng-sinh ». Người kia nghe rồi đâm bối rối, từ đó càng phụ niệm Phật bị gián-đoạn » đó không phải là có cơ gì lạ cả đâu, chỉ là vì không thể được Kim-cương bát-nhã, không phá nổi người, mà lại bị người phá đổ mình vậy. Nếu đã thể được Kim-cương bát-nhã, biết rõ tâm với Phật là một, niệm Phật tức là niệm tâm, không có người đã niệm, cũng không có ông Phật để niệm, niệm luôn mà vẫn như không có niệm, mình với Phật viên-

đúng, không có chúng-sinh, cũng không có Phật, thế tức là vãng-sinh cực lạc thế-giới, tức là đức A-di-đà Phật rồi, còn có ai nói đồ được mình nữa, thế tức là công việc niệm Phật đến chốn viên-mãn cứu-kính rồi vậy. Song cái chỗ viên-mãn cứu-kính của kinh này, thì lại có cái nghĩa cao sâu đặc biệt nữa, kinh này là kinh nói những phép lớn giáo-hóa bậc bồ-tát, chỉ bảo cho các bồ-tát hành lục-độ vạn-hạnh, chứng được quả bồ-đề niết-bàn, mới thực là viên-mãn cứu-kính. Bậc nhithừa chứng được sinh-không trí-quả, tuy trừ được ngã-chấp, nhưng vẫn còn pháp-chấp, chưa thể gọi là viên-mãn cứu-kính được ; Ông Tu-bồ-đề, nguyên là bậc Thanh-văn, vì không thích phép tiểu thừa, muốn lên đại-thừa, mới ân cần cầu xin phép màu tốt bậc, để giúp con đường tu-tiến. Cho nên đức Thế-tôn tới rừng Kỳ-đà, đối trước 1250 vị đại tử-khưu nói rõ kinh này, khiến cho ai nấy đều hiểu thấu Kim-cương bát-nhã ấy mà thẳng tới cõi vô-thượng bồ-đề và cứu-kính niết-bàn. Trong kinh nói những phép màu-nhiệm mở lòng bồ-đề, làm lục-độ vạn-hạnh, mà không chấp-chước hình-tượng, tức là cái hành-tướng Kim-cương bát-nhã, cũng tức là cái pháp-màu chứng tới quả Phật tốt bậc vậy. Hễ hiểu được như thế, thì sẽ biết được Kim-cương bát-nhã ba-la-mật là thế nào vậy.

Trên kia là giảng về tên kinh, nay xin giảng đến kinh-văn. Kinh này chính ở nơi Kim-khâu của đức Thích-ca mâu-ni ngài nói ra, mà ngài A-nan kết tập lại. Nguyên văn viết bằng chữ Phạm. Khi truyền sang Tàu Ngài Cưu-ma-la-thập mới dịch ra chữ Tàu. Cưu-ma-la-thập cũng là tiếng Phạm, nghĩa là người tuổi còn trẻ mà đã có đức lớn như bậc lão thành. Lại gọi Ngài là Tam-tạng pháp-sư. Tam-tạng tức là ba tạng kinh-luật-luận, nghĩa là người đã thông hiểu cả kinh-luật-luận, lại đem nghĩa kinh-luật-luận mà giảng bảo người. Kinh này có nhiều người dịch, nhưng bản dịch của ngài rõ ràng dễ hiểu hơn, cho nên được thông dụng hơn vậy.

Kim-cương bat-nhã ba-la-mật

KINH

Một hồi kia, chính tôi cùng với 1250 vị đại tỷ-khuru được nghe Phật nói kinh Kim-cương này ở trong vườn ông Cấp-cô-độc bên rặng cây ông Kỳ-đà thái-tử. thuộc nước Xa-vệ. Bấy giờ sắp đến giờ ăn, đức Thế-tôn mặc áo cầm bát, vào trong thành Xa-vệ xin ăn. Ngài ở trong thành, lần lượt xin đủ rồi, liền trở về chốn cũ, ăn cơm xong, cất áo bát, rửa sạch chân. rồi giải tòa ngồi đề ngồi.

GIẢI

I. PHÁP HỘI NHÂN DO

(Nguyên nhân khởi ra pháp hội)

法會因由分第一

« Kinh này nguyên không có chia ra chương mục gì cả.
« sau ngài Chiêu-minh thái-tử nhà Lương chia làm 32 phần,
« Song, tuy chia làm 32 phần, mà nghĩa vẫn thi vẫn một mạch
« liên quán nhau, không thể cắt đứt từng đoạn được. Chia ra
« từng phần cho người mới học dễ nhớ mà thôi, còn người
« học tinh thì phải nghiên cứu cho tinh mà dung-hóa cả làm
« một mới có thể hiểu được (1). Phần thứ nhất này. gọi là
« phần. «Pháp-hội nhân do», là vì khi nào Phật họp các đệ-
« tử lại để thuyết pháp, thì gọi là pháp-hội, mà phạm khi mở
« pháp hội thuyết pháp tất có hiện ra các điềm như phóng hào-
« quang, đất dung động v. v. Hội này thì khác hẳn. Hội này

(1) Vì những lẽ này nên nguyên văn không đề tên từng phần.

« lại lấy cái nguyên-nhân cầm bát xin ăn, rửa chân giải tỏa ngồi
« ngay ở nơi hàng ngày thường trụ mà thuyết-pháp. Nếu y
« theo cách Tam-phận phán-kinh, thì phận này hoàn toàn là
« phần tựa. Tựa có hai lối ; một là thông, hai là biệt. Từ **Như**
« **thị ngã văn đến thiên nhị bách ngũ thập** là thông
« tự ; Từ **Nhĩ** thời đến **phụ tòa nhi tọa** là biệt tự ..

Từ **Như thị ngã văn** trở xuống là lối tựa thông thường.
Lối tựa thông thường có sáu mục, gọi là sáu thứ thành tự
(lục trùng thành tự). Mục thứ nhất : **Như** thị là nói rõ những
phép đã nghe. **Như** nghĩa là quyết định, **thị** tức là chỉ vào
kinh này vậy. Hai chữ **như thị** này là bao quát tất cả tôn-chỉ
trong kinh, tức là nêu tỏ cái trống chân thiết của mọi pháp, tức
là nêu tỏ Kim-cương bát-nhã, tức là nêu tỏ cái đạo cứu-kính vô
thượng bồ-đề, cho nên nói rằng **như thị** ; Mục thứ hai : **Ngã**
văn. **Ngã** đây tức là lời ngài A-nan tự xưng ; **Văn** tức là tai
nghe, nghĩa là chính tai tôi được nghe, chứ không phải là nghe
ai thuật lại. Ôi, **ngã** nguyên chỉ là cái hình tướng giả dối do tứ-
đại và ngũ-uẩn hóa-hợp liên tiếp nhau mà thành ra, tại là cái hình
giả dối ngoài ngũ-căn, lúc không có thức thì còn làm gì có nghe,
thế mà sao đây lại xưng là tôi nghe ? — Đó là vi thuận theo
tục đời, cho nên nói là tôi nghe, cũng không phải là lầm. Nếu y
theo cái nghĩa tột bực, thì tức là nhân-duyên nghe, là không
nghe mà vẫn nghe, là nghe mà không có chỗ nào là nghe;
cho nên nói rằng người nói không nói không bảo chỉ mà người
nghe cũng không nghe không được chỉ vậy ; Mục thứ ba : **Nhất**
thời mục này là nói về thời-kỳ nói kinh, **nhất** là chỉ về số
lượng : **thời** tức là thời-gian, nghĩa là một thời-gian đức
Thích-Ca nói kinh này ở Kỳ-hoàn tinh-xá trong khoảng mấy giờ
khắc đó vậy ; Mục thứ tư : **Phật**, đây là chỉ rõ người nói kinh.
Phật nguyên là tiếng Phạm, nói đủ thì phải nói là Phật-dà.
Nghĩa là giác ngộ, là tự giác ngộ rồi lại làm cho người khác
cũng giác ngộ, cho đến cái công giác ngộ được viên mãn, tức
là một cái huy-hiệu để xưng hô một vị đã do Kim cương bát

nhà cho đến cửa kinh viên-mãn đây đủ muôn đức vậy; Mục thứ năm : **Tại Xá vệ quốc kỳ thụ Cấp-cô độc viên** Tại nghĩa là ở, Xá-vệ quốc kỳ thụ cấp cô độc viên là nói về chỗ nói kinh. Chỗ có hai chỗ, một là chỗ thông thường. hai là chỗ đặc biệt. Nước Xá-vệ tức là chỗ thông thường Cây Kỳ đà vườn Cấp cô độc là chỗ đặc-biệt. Nước Xá-vệ thuộc về nước Trung thiên-Trúc. Phật nhận lời ông Tu-đạt trưởng giả mời đến, cho nên ở đây. Kỳ thụ Cấp-cô độc viên tức là chỉ vào cái kỳ-hoàn tinh-xá. Bấy giờ vua nước Xá-vệ là Ba-tư-nặc, có một vị đại thần tên là Tu-đạt, nhà giàu mà tính ông hay bố-thí cho kẻ hóa bùa côi cút, cho nên gọi là Cấp-cô-độc, nhân khi kén đất làm nhà để mời đức Thế-tôn thuyết pháp hóa độ quần-sinh thì tìm ngay được cái vườn của Kỳ-đà thái-tử. Cái vườn ấy ở ngay ngoài thành, đất bằng phẳng, cây cối um xùm ; rất là hợp cách. Thái-tử bảo rằng : nếu đem vàng giải khắp cả vườn thì sẽ bán cho. Ông Tu-đạt y lời đem vàng giải kín cả vườn, chỉ còn thiếu có một quăng, định xe giải nốt, thì Thái-tử nói rằng : đó là tôi nói đùa đó thôi, xin trả lại vàng ông. Ông Tu-đạt không nghe và nói : Nếu Thái-tử làm thế, sẽ bị cả nước trê cười là Thái-tử nói đùa, sau này làm vua sao được. Thái-tử bất đắc dĩ mới bảo rằng : Thế thì thôi, đừng tải vàng lại nữa, vườn thì của ông, mà cây thì của tôi, cùng cúng Phật cả, được chăng ? Ông Tu-đạt nghe lời, vì thế nên Phật mới bảo lấy cả tên hai người mà đặt tên chỗ Phật thuyết pháp để cho đời sau ghi nướ công-đức. Mục thứ sáu : **Giữ đại Tỉ-khuu chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.** Mục này nói rõ những người cùng nghe kinh này. Tỉ-khuu nguyên là tiếng Phạm. Tàu dịch là Khất-sĩ, hàm có hai nghĩa, một là trên thì cầu Phật pháp để nuôi tâm ; hai là dưới thì xin đồ ăn để nuôi thân. **Đại** là bậc có đức cao danh lớn ở trong hàng tỷ-khuu. **Chúng** tức là tăng. **Tăng** không phải là cái tên của một người, phải có bốn người trở lên, mới gọi là Tăng, đại khái cũng như ta gọi một đoàn-thể vậy **Thiên**

nhị bách ngũ thập nhân là kể cái tổng số tăng chúng cùng ở với Phật trong thời ấy. Trong kinh Nhân-quả nói rằng : « Đồ đảng của con ông Gia-xá trưởng-giả 50 người, thầy trò bọn ông Ưu-lâu tần-loa Ca-diếp 500 người ; Thầy trò bọn ông Na-đề Ca-diếp, Gia-giả Ca-diếp đều có 250 người ; Thầy trò bọn ông Xá-lợi-Phất, ông Mục-kiền-Liên đều có 100 người, cộng là 1250. Song, nếu kể số người trong pháp-hội, thì không thể tính hết được, chỉ có bọn các ông này, nguyên trước tu về ngoại-đạo, được gặp Phật trước, cũng được độ trước, vì thế cảm cái ơn lớn của Phật đã độ cho mình ra khỏi tam-giới, giải-thoát sinh-tử, cho nên thường theo hầu luôn bên mình để mà báo ơn vậy. **Câu** nghĩa là cùng ở cả đấy. Có đủ cả sáu mục kể trên, tức là cái tạng chứng nêu tỏ những sự tích xưa kia, đích không phải là ngài A-nan tự ý bịa đặt ra vậy.

Nhĩ thời **Thế** - **tôn** **thực** **thời**, **trước** **ý** **tri** **bát**, **nhập** **Xá-vệ** **đại** **thành** **khất** **thực**, **ư** **kì** **thành** **trung**, **thứ** **đệ** **khất** **gĩ**. Từ đây trở xuống là phần biệt tự. Phần này chia làm hai chương. Chương thứ nhất nói rõ về việc đi xin ăn ; Chương thứ hai nói rõ về việc giải tòa ngồi. Đây tức là chương thứ nhất : **Nhĩ thời** tức là lúc Phật cùng với cả bọn 1250 vị đại tử-khưu cùng ở vườn Kỳ-thụ Cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ. **Thế-tôn** nghĩa là một bậc tôn quý nhất đời, chỉ có Phật mới xứng đáng cái tên ấy. **Thực** **thời** chính là lúc đi xin ăn, cũng đúng vào lúc các nhà tại gia đã làm xong cơm nước. Các người tại gia ăn uống có giờ, sớm thời thối nấu chưa xong, muộn thì ăn đã xong rồi, đều không phải là thì giờ xin ăn cả. Không phải là cái thì giờ đi xin ăn mà đi xin, không những người xin không xin được cái gì mà người cho cũng không có cái gì mà cho nữa, với mình với người, hai bên đều phiền não cả. Cho nên đức Thế-tôn trong hàm đức tốt, ngoài thì phúc lành, dù đến sự nhất cử nhất động rất mọn mọn, cũng đều làm lợi cả hai bên. **Trước** **ý** nghĩa là mặc áo. Áo có ba thứ thượng, trung, hạ, lúc ở thường mặc thứ hạ, lúc

vào làm pháp-sự trong chúng mặc thứ trung, lúc vào tỉnh thành lớn hay tiếp các vua chúa thì mặc thứ thượng, đó là nêu tỏ cái vẻ nghi-dong tề-chỉnh, không phải như bọn ăn mày đi xin ăn : **Tri bát** nghĩa là tay cầm bình bát. Bát là đồ đựng đồ ăn, hoặc làm bằng sắt, hoặc nung bằng đất, cũng gọi là úng khí, nghĩa là bình bát lớn bé vừa với sức ăn vậy. Xá-vệ tức là một tỉnh thành lớn, tức là kinh đô nước Xá-vệ. Vi vườn Phật ở, ở ngoài thành, nên nói rằng nhập - thành khất - thực, **Dĩ** nghĩa là song rồi, là sự đi xin ăn đã song rồi ; **Thứ đệ khất** nghĩa là cứ lần lượt mà xin, không bỏ nhà nghèo chỉ sang nhà giàu, cũng không bỏ nhà giàu chỉ đến nhà nghèo, để nêu tỏ cái đạo bình-dẳng vậy.

Hoàn chí bản xứ, phạn thực ngật, thụ y bat, tẩy túc dĩ, phu toa nhi tọa Đây là nói rõ những việc sau khi xin ăn được đủ đồ ăn rồi liền về Kỳ-hoàn tỉnh xá mà ăn, chứ không xin đâu ăn đó ; **Ngật** tức song rồi. Ăn song rồi, vắt áo cất bát rửa sạch bụi đất ở chân. **Phu** tức là bày biện, bày biện tòa ngồi. thụ nhiếp nghi - dong, rồi mới tịnh tâm tĩnh tọa vào cõi tam muội mà sẽ thuyết - pháp Vậy. Ôi Phật, bồ-tát, la - hán, công phu tự - tu đã thành-tựu cả, nói ngay như bậc la hán, sinh diệt còn tùy ý tự chủ được, huống chi là Phật, hà tất phải đi xin ăn ? Thế mà Phật nay lại đi xin ăn là vì sao ? Đó là vì ngài thực hành cái đạo du-hành giáo-hóa để làm lợi ích cho chúng sinh, thực hành thành tựu chúng sinh bồ-thí ba-la-mật mà báo cái ơn của chúng-sinh, thế cho nên công tu của mình đã xong rồi cũng vẫn không ngày nào là không đi làm những việc phương-tiện cho chúng sinh khiến cho kẻ chưa phát tâm biết phát tâm, kẻ phát tâm rồi chóng thành thực, kẻ đã thành thực rồi chóng được giải-thoát, được chứng ngay tới chốn cứu-kính viên-mãn bát-nhã ba-la-mật, yên trụ ở nơi thanh tịnh pháp giới, bấy giờ mới lại nói kinh « Kim cương bát nhã ba la mật » này để tỏ cái thể Kim-

cương bát - nhã chúng sinh vẫn có sẵn mà thấy cái còng-dụng vạn hạnh vô trụ Kim-cương bát-nhã là rất thần diệu.

Đã được Kim-cương bát - nhã, thì sự gì cũng không trở ngại, phép gì cũng thông tỏ hết, nhưng sự làm tâm thường hàng ngày là Phật pháp, đi đứng nằm ngồi cũng là Phật pháp, cái tâm bình thường cũng lại không gì không là Phật pháp, thần thông biến hóa đã là phần diệu dụng tốt bậc của Phật pháp, mà ngay đến sự vui cười gắt mắng, cũng không gì không là cách phương tiện khéo léo của Phật pháp cả. Nếu chưa tỏ được Kim-cương bát-nhã, dù có cái thần thông dời núi lấp bể, cũng chỉ là cái tà thuật của yêu ma ngoại đạo ; dù tu được đến cõi thuyềnh định sống muôn năm, cũng vẫn là cái quả chưa viên-mãn trong cõi trời cõi người, nghiệp báo hết rồi, vẫn không thoát khỏi cái khổ luân-hồi năm ngả. Các ngài độc giả, nên đề tâm kỹ lưỡng, mà nghiên cứu cái Kim cương bát nhã ấy nguyên là ai ai cũng có đầy đủ, chán khắp pháp giới, không phải là ở trong, không phải là ở ngoài, không phải là ở giữa, mà vẫn không rời nơi trong ngoài và giữa không thể nghĩ nghĩ được, không thể chấp trước được, làm mãi làm mãi, công phu tinh thuần, tự khắc có ngày ngộ được, Trái lại cứ chạy theo bề ngoài, thấy nói Phật có những thần thông biến hóa, phóng hào quang, đất rung động kia mà cứ chấp rằng có thần-thông biến hóa như thế mới là Phật, thành ra không phân biệt được với ngoại-đạo, thế thì sai một ly đi một dặm mất rồi, phải cẩn thận lắm, phải cẩn thận lắm mới được.

KINH

Bấy giờ có một vị trưởng lão tên là Tu-bồ-đề, đang ngồi trong chúng, tức thì đứng dậy, trảy vai áo bên phải, đầu gối bên phải quý sát đất, chắp tay cung kính mà bạch Phật rằng : Bạch

đức Phế-tôn ! ngài là một vị hiếm có ở trên đời, vì ngài đã khéo hộ - niệm cho các bồ-tát, khéo phó-chúc cho các bồ-tát. Bạch đức Thế-tôn ! thiện nam tín-nữ mở lòng a - lốc đa-la tam-riều tam bồ-đề thì phải an trụ cái tâm thế nào, hàng phục cái tâm thế nào ?

Phật nói : hay lắm, hay lắm thay ! ông Tu-bồ-đề ơi ! quả như lời nói ấy, Như lai thực khéo hộ-niệm cho các bồ-tát, thực khéo phó-chúc cho các bồ-tát, Ông nên nghe kĩ, ta sẽ nói cho ông hay : Thiện nam tín nữ nào, mở lòng a lốc đa la tam riều tam bồ đề, thì phải an-trụ cái tâm như thế này, hàng-phục cái tâm như thế này.

— Vâng, lạy đức Thế-tôn ! con muốn được nghe lắm.

GIẢI

II NGÀI THIỆN-HIỆN BẠCH ĐỨC THẾ-TÔN CẦU XIN THUYẾT PHÁP

善現啟請分第二

« Phận này cũng còn thuộc về Tự-phận. Thiệu-hiện tức là « ngài Tu-hồ-đề. Tu-bồ-đề, nguyên là tiếng Phạm, Tàu dịch « là Thiệu-hiện, hoặc dịch là Thiệu-cát hay là Không-sinh. Vì « lúc sinh ngài thì kho đụn đều hóa ra không cả. Người nhà « xem bói nói rằng, đã lành lại tốt, cho nên đặt tên là Thiệu- « cát hay Thiệu-hiện. Lại vì ngài Tu-bồ-đề thường thích tu vào « cõi Không-định, để phân biệt các nghĩa, cũng là một bậc hiểu « cái nghĩa không thứ nhất, cho nên gọi là Không-sinh ».

Thời Trưởng-lão Tu-bồ đề, tại đại chúng trung, túc

tòng tòa khởi thiên đản hữu kiên, hữu tất chước địa, hợp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn : Đoạn này là tả rõ cái uy-ngli thỉnh pháp. **Trưởng lão Tu-bồ đề,** ngài Tu-bồ-đề, trong ần cái hạnh bồ-tát, ngoài hiện cái tướng Thanh-văn, ngôi cao đức trọng, cho nên kêu là trưởng-lão. Khi sắp thỉnh Phật thuyết pháp, trước phải tỏ lòng thành kính, đề tiêu biểu cái ý tôn trọng, nên bấy giờ ngài đang ngồi trong chúng đại-tử-khuru, rời tòa ngồi đứng dậy, trầy vai áo bên phải ra, đề tỏ ý rằng có thể gánh vác được đạo pháp lớn, đầu gối bên phải quỳ sát đất, đề tỏ ý xin trụ ở nơi chân thật, chắp tay cung kính, là tỏ cái ý khuất-khúc phục-lòng không dám sai trái rồi mới trình bạch với đức Thế-tôn, đề tiêu biểu cả ba nghiệp thân miệng và ý đều cung kính. đứng dậy trầy vai áo, đầu gối quỳ sát đất và chắp tay là thân nghiệp kính : bạch Phật là khẩu nghiệp kính, lại hỏi đến cái pháp mẫu tốt bực từ chỗ phát tâm cho chí kết quả của Thiện-nam Tín nữ là ý nghiệp kính, nói tóm lại toi nhất cử nhất động, không cái gì không là khuôn phép rất mực, thiết là không thể nghĩ nghĩ được.

Hỷ hữu Thế tôn ! Như-lai thiện hộ niệm chư bồ-tát, thiện phó chúc chư bồ-tát Đoạn này là tán thán cái đức của Phật. Thế tôn, như-lai đều là cái danh hiệu thường gọi của Phật. **Như** nghĩa là chứng được chỗ tướng chân thiết của mọi phép đúng như chân-như bất động. **Lai** nghĩa là lại tam-giới mà rũ lòng giáo-hóa. Lại có nghĩa là chư Phật quá-khứ lại trở lại, cho nên kêu là như-lai. **Hỷ-hữu** nghĩa là hiếm có, ý nói đức Thế-tôn vút bỏ ngôi vua, xuất-gia tu-hành, đầy đủ ba đức « pháp thân, giải-thoát, bát-nhã » hóa-độ chúng-sinh, vào thế-gian mà vẫn vượt ra ngoài thế-gian; rất là hiếm có vậy. Bồ-tát nguyên là tiếng Phạm, gọi đủ phải gọi là Bồ-đề tát-đỏa, Bồ-đề nghĩa là giác-ngộ. Tát-đỏa nghĩa là giống có tình, tức là người tu-hành giác-ngộ cho loài có tình vậy. Thế cho nên hễ ai mở lòng bồ-đề đều có

thể gọi là Bồ-tát cả. **Hộ-niệm** : hộ là hộ-vệ ; Niệm là thể niệm. Vì muốn cho « đức trong » thành tựu nên mới hộ-niệm cho, như mẹ với con vậy. Mẹ có niệm đến thì mới thành, không niệm đến thì tất hoại. Bồ-tát cũng thế, Phật có hộ-niệm cho thì mầm lành mới thành tựu, mà không hộ-niệm cho thì mầm lành tất tổn hại vậy. **Phó-chúc** phó là phó thác, chúc là dặn dò. Vì muốn cho « đức ngoài » thành tựu, nên mới phó chúc. Cũng như cha mẹ thế-gian đem cơ nghiệp nhà mà phó thác cho con mà dặn dò cho thành-lập được. **Thiện** nghĩa là khéo léo phương tiện, ý nói đức Thế-tôn tùy cơ đặt cách giáo-hóa, cho rằng bồ-tát đáng gánh vác được pháp-bảo, nên hộ-niệm phó-chúc cho ngay, nên ngài liền ban cho pháp-bảo tột bậc và thường thường hộ-niệm phó-chúc nữa vậy.

Thế tôn ! Thiện nam tử thiện nữ-nhân, phat a-lôc đa la tam-riểu tam-bồ-đề tâm vân (1) hà ưng trụ vân hà hàng phục kỳ tâm ? Đoạn này là nói tỏ những sự đã hỏi ra : **A-lôc đa la tam-riểu tam-bồ-đề**, nguyên là tiếng Phạm, Tàu dịch là vô-thượng chính-đẳng chính-giác, (giác ngộ chân chính tột bậc), nói cho dễ hiểu tức là quả Phật, tức là cái quả bởi giác-ngộ thành-thục vậy. Phạm-phu vì vô-minh che lấp, không thể gọi là giác được, ngoại-đạo Tiểu-thừa, không phải là chính-giác ; bồ-tát tuy đã tới cõi chính-giác mà vẫn chưa được tột-bực, cho nên cái cõi vô-thượng chính-đẳng chính-giác ấy chỉ duy có Phật là thành-tựu được thôi vậy. Đây là ngài Tu-bồ-đề hỏi đức Thế-tôn rằng : Phạm các con trai có căn lành và các con gái có căn lành chưa mở được lòng bồ-đề thì làm thế nào mà mở được lòng bồ-đề, đã mở được lòng bồ-đề rồi thì phải làm thế nào mà an-trụ được lòng bồ-đề, lại làm thế nào mà hàng-phục được cái lòng

(1) Phần nhiều chép là Ưng-vân hà-trụ, cũng cùng một nghĩa nhưng cứ nghĩa văn ở đây thì đề chữ **ưng** lên trên hay hơn.

phiền-não, cho nó khỏi hại cái lòng bồ-đề. Đó tức là cái đạo cốt-yếu do từ chỗ mở lòng trông nhân cho đến lúc chứng cái quả giác-ngộ thành-thực vậy.

Phật ngôn : **Thiện tai ; thiện tai ! Tu-bồ-đề như như sở thuyết, như lai thiện hộ niệm chư bồ tát, thiện phó chúc chư bồ tát.** Đoạn này là lời Phật khen ngợi lời thỉnh của ngài Tu-bồ-đề. Vì ngài Tu-bồ-đề nguyên là bậc Thanh-văn mà lại biết hỏi đến hạnh bồ-tát, cho nên Phật mới nói luôn hai tiếng thiện tai thiện tai mà khen ngợi rằng : Như-lai đối với các bồ-tát, khéo hộ-niệm khéo phó chúc đúng như lời ông đã nói vậy.

Như kim để thính, đương vị như thuyết : Thiện nam tử thiện nữ nhân, phát A lôc đa la tam riêu tam bồ đề tâm, ưng như thị trụ như hị hàng phục kỳ tâm. Dục nhiên, Thế-tôn ! nguyện nhạo dục văn,

Đoạn này là Phật đáp lại câu hỏi của ngài Tu-bồ-đề. **Để** nghĩa là đích sắc, nghĩa là nay ông nên nhất tâm mà nghe cho đích sắc, ta sẽ nói cho ông hay. Chữ **thị** « ưng như **thị** trụ », đây, tức là chỉ xuống phạn thứ tư ; Chữ **thị** « như **thị** hàng phục kỳ tâm » tức là chỉ xuống phạn thứ ba. Nghĩa là thiện-nam tín-nữ, nếu mở lòng bồ-đề, nên theo như nghĩa **trụ vô sở trụ, vô sở hàng phục nhi hàng phục** ở dưới này mà **trụ** mà **hàng phục**, chứ không phải riêng khỏi cái tâm nào mà trụ riêng khỏi cái tâm nào để hàng-phục vậy. Nếu muốn khỏi riêng cái tâm khác để mà hàng-phục cái vọng-tâm và phiền-não tâm, thì lại càng thêm vọng mãi lên, không thể nào mà hàng phục được. Ngày xưa ngài Nhị-tổ hỏi ngài Đạt-ma cái phép yên tâm. Ngài Đạt-ma nói : Người đem tâm người ra đây ta sẽ yên cho. Ngài Nhị-tổ nói : Con tìm tâm không thấy đâu cả. Ngài Đạt-ma nói : Thế là ta yên tâm cho người rồi đó. Đó tức là cái ý này vậy. **Dục nhiên** là một lời vâng rất mau, là tỏ ý tin nhận lời bảo là phải mà vui vẻ dốc lòng nghe vậy.

KINH

Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Các bồ tát ma-ha-tát, nên hàng-phục cái tâm như thế này : « Nội hết thầy các loài chúng-sinh, như loài đẻ trứng, loài đẻ bọc, loài nở chỗ ướt, loài hóa sinh, loài có hình sắc, loài không có hình sắc, loài có tư tưởng, loài không tư tưởng, loài không phải có tướng không phải không tướng, ta đều khiến cho biết đường vào cõi vô dư niết bàn mà diệt-độ cả. Diệt-độ cho vô-lượng vô-số vô biên chúng-sinh như thế, mà thiết không thấy có một chúng-sinh nào được ta diệt-độ cho hết. Tại sao thế? — Ông Tu-bồ-đề này ! Vì rằng nếu bồ tát mà còn có ngã-tướng nhân-tướng, chúng-sinh tướng, thọ-giả tướng, tức không phải là bồ-tát.

GIẢI

III PHẦN CHÍNH TÔNG ĐẠI THỪA

大乘正宗分第三

« **Thừa** nghĩa là vận tải đi, cũng như cái xe vận tải hàng hóa đi từ chỗ này đến chỗ kia : **Đại** là phân biệt với tiểu, ý nói bồ-tát vận tải bằng cỗ xe lớn bát-nhã này mà thẳng tới quả Phật, khác hẳn cỗ xe nhỏ bé của tiểu-thừa chỉ biết bỏ cõi sinh-tử chạy sang niết-bàn thôi vậy. **Chính tông**, tức là phần tôn chủ chân-chính, nghĩa là phần này là phần tôn chủ chân-chính của đại-thừa. Song xét kỹ thì cái phần tôn chủ chân-chính không cứ chỉ một phần này, phần này chẳng qua là cái đường mỗi cho phần chính-tông của đại-thừa, cho nên mới gọi là đại thừa chính-tông vậy.

Phật cáo tu **Bồ-đề** ! **chư** **bồ** **tát** **ma** **ha** **tát**, **ưng** **như** **thị** **hàng** **phục** **kỳ** **tâm** ; **Sở** **hữu** **nhất** **thiết** **chúng** **sinh** **chi** **loại**, **nhược** **noãn** **sinh**, **nhược** **thai** **sinh**, **nhược** **thấp** **sinh**, **nhược** **hóa** **sinh**, **nhược** **hữu** **sắc**, **nhược** **vô** **sắc**, **nhược** **hữu** **tướng**, **nhược** **vô** **tướng**, **nhược** **phi** **hữu** **tướng** **phi** **vô** **tướng**, **ngã** **giai** **linh** **nhập** **vô** **dư** **niết** **bàn** **nhĩ** **diệt** **độ** **chi**.

Đoạn này là nói rõ cái chỗ phát-tâm **Ma ha** nghĩa là lớn **Như** **thị** đây tức là chỉ những lời nói ở dưới đây. Chúng-sinh chia làm chín loài : 1. Loài đẻ trứng, nghĩa là ở trong trứng mà sinh ra, như các loài gà vịt v. v. 2. Loài đẻ bọc, nghĩa là ở trong bào-thai mà sinh ra, như loài người và các loài trâu dê v. v. 3. Loài nở chỗ ướt, nghĩa là nường vào hơi nước ẩm ướt mà sinh ra, như các loài vi trùng vậy ; 4. Loài hóa-sinh, nghĩa là bởi biến-hóa mà sinh ra, như những loài bọ gậy hóa ra muỗi, cỏ nạt hóa ra đom đóm v. v. ; Loài có hình sắc, nghĩa là những chúng-sinh ở trong cõi sắc-giới có hình có sắc có thể trông thấy được ; 6. Loài không hình sắc, nghĩa là những chúng-sinh trong cõi vô sắc không thấy có hình-sắc ; 7. Loài có tư-tướng tức là chúng-sinh trong cõi trời sơ-thuyền nhị-thuyền, tam-thuyền không có hình sắc chỉ còn có tư-tướng thôi ; 8. Loài không tư-tướng, tức là chúng-sinh trong cõi trời tứ-thuyền, không những không có hình-sắc, lại không có tư-tướng nữa, vì thấy chúng-sinh trong cõi **Dục** phải chịu biết bao khổ não, đều bởi tư-tướng cả, mới tu vào cõi định vô-tướng, tự cho thế đã là giải-thoát, mà thiệt chưa giải-thoát, vì trải qua năm trăm kiếp, rồi vẫn đọa vào vòng sinh-tử luân-hồi ; 9. Loài không phải có tư-tướng không phải không tư-tướng, tức là chúng-sinh trong tầng trời phi-phi-tướng ở trong cõi vô-sắc. Chúng-sinh ở trong cõi này, đã không cả thân-thể thế giới, cũng như hư-không, chỉ có định mà không có tuệ, trải tám vạn kiếp lại phải đọa lạc. Đang đời Phật đã có một người tu phép định

ấy, vì nghe thấy chim hót cá nhảy. phiền nhiễu không chịu nổi đâm ra giận tức tự nói rằng ta sẽ ăn thịt hết các giống chim cá này để trừ sạch các sự chướng-ngại. Tu mãi cũng đã vào cõi định. Sau khi Phật đắc đạo rồi, ngài định độ cho ngay, vì chạp mất một ngày. người ấy đã sinh lên cõi trời phi-phi-tưởng rồi, ngài bèn than thở và ghi lại rằng : Sau này người ấy sẽ phải đọa làm con cáo ăn cá ăn chim, hết quả-báo ấy, lại phải đọa vào địa-ngục. Xem thế mới biết ba cõi tức là một cái nhà tù lớn, cõi đời chỉ là một cái bể khổ lớn, ngoại đạo cũng như sa xuống hố bầy, người tu hành phải cẩn thận lắm mới được.

Niết bản nguyên là tiếng Phạm, nghĩa là viên-tịch **vô du**, nghĩa là muôn đức đều tròn, hai cái chướng đều giết hẳn, không còn dính dấp một tí nào vậy. **Diệt độ** nghĩa là giết trừ nghiệp chướng, độ thoát nỗi khổ, Đây là Phật bảo ngài Tu-bồ-đề rằng, các bậc đại bồ-tát trong hàng bồ-tát, muốn hàng phục cái tâm thì tất phải mở lòng rộng lớn, thấy các chúng-sinh trong ba cõi chín loài, bị trầm-luân trong bể khổ, luân-hồi cầu sinh-tử, thì mở lòng thương xót đều khiến cho viên-mãn rộng lặng, giết trừ hết chướng ngại mà độ thoát ra vậy.

Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh thực vô chúng sinh đặc diệt độ giả. Hà gĩ cố ? —
Tu-bồ đề ! nhược bồ tát hữu ngã tướng, nhân tướng chúng sinh tướng, thọ giả tướng tức phi bồ tại

Đoạn này nói rõ phép hàng tâm **Vô lượng, vô số, vô biên** đều nghĩa là rất nhiều cả. **Ngã tướng** nghĩa là người ta đều cho cái thân bởi tứ-đại ngũ-âm, hòa hợp liên nối, tạo ra hình-tướng giả giới này là thân ta ; **Nhân tướng** là đối lại với ngã-tướng như nhận mình là mình, thì người khác mình là nhân-tướng . **Chúng sinh tướng** tức là các hình-tướng chín loài chúng-sinh khác nhau vậy ; **Thọ giả tướng** tức là cái hình-tướng tinh mạng lâu giải nối mãi không rứt vậy. Lại phạm là các giống hữu-tình đều có đủ cả bốn tướng

ấy ; Như chấp cái thân này là ta, thế là có ngã-tướng rồi ; so sánh nhân-cách mình và người thế là nhân-tướng ; Ta thuộc về loài sinh-vật, thế là chúng-sinh tướng ; Ta có sinh mạng sống còn đây, thế là thọ-giả-tướng. Bồ-tát đã mở lòng rộng lớn, độ cho vô-lượng vô-số vô-biên chúng-sinh trong ba cõi chín loài rồi, mà tâm không chấp trước là thiệt có chúng-sinh được nhờ ta diệt-độ, thì trong tâm tự nhiên không phiền não, tự nhiên hàng-phục mà không tổn hại gì đến lòng bồ-đề vậy. Sao biết ? -- Vì rằng bồ-tát tế-độ chúng-sinh, không có chấp-trước bồ-tát là cái hình tướng hay độ, chúng-sinh là cái hình tướng đã được độ, nên coi cái tướng bồ-tát, chúng-sinh đều là bởi tứ-đại ngũ-uẩn hòa hợp cùng liên nối nhau, đều là thanh-tịnh rảo, thì tuy độ mà thiệt không có người hay độ và kẻ đã được độ. Trái lại, nếu bồ-tát bảo rằng, ta hay độ được người, thế là chấp-trước ngã-tướng rồi ; rằng ta hay độ cho người và chúng-sinh, thế là chấp-trước nhân-tướng chúng-sinh-tướng rồi, mà đã có cái tướng ngã nhân, chúng-sinh rồi, thế tức là đã chấp-trước cả thọ-giả-tướng nữa. Nói tóm lại tức là đã chấp-trước ngã-tướng, chấp-trước ngã-tướng, thì bốn tướng đều chấp-trước. Tâm đã có chỗ chấp-trước, tức là không hàng-phục được, mà hết thảy các sự phiền-não, điên-đảo đều theo đó mà nổi lên cả, như thế là không bằng cả cái quả Thanh-văn còn chứng được chỗ sinh-không, còn nói chi cái bậc bồ-tát nhân-pháp đều không kia được ư ?

KINH

Lại nữa, ông Tu-bồ-đề này ! Bồ-tát đối với phép tu, đều phải bố-thí mà đừng chấp-trước. Nghĩa là bố-thí không chấp-trước vào sắc, không chấp-trước vào thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ông Tu-bồ-đề ơi ! bồ-tát nên bố-thí như thế, đừng có chấp-trước hình-tướng. Sao thế ? -- Vì rằng nếu bồ-

tát bồ-thí không chấp-trước hình-tướng, thì phúc-đức không thể nghĩ lường xiết được.

« Nay ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : thì hư không ở phương đông kia có nghĩ lường được không ?

— Bạch đức Thế-tôn, không ạ.

Nay ông Tu-bồ-đề ! hư không cả phương nam phương tây phương bắc và trên trời dưới đất kia có thể nghĩ lường được không ?

— Bạch đức Thế-tôn, không ạ.

Đó, ông Tu-bồ-đề ! bồ-thí mà không chấp-trước hình tướng, phúc đức cũng lại không thể nghĩ lường xiết được như thế đó. Vậy ông Tu-bồ-đề ơ ! bồ tát cứ nên theo đúng như lời dạy đó mà yên trụ.

GIẢI

IV CÔNG HÀNH VÔ TRỤ MÀU NHIỆM

妙行無住分第四

Đoạn này đáp về câu hỏi trụ tâm. Lây công tu làm cả muôn hạnh mà không thấy chỗ nào là làm thế là diệu-hành, vì đối với pháp biết trụ vào nơi vô-sở-trụ, thế là ung trụ vậy ».

Phục thứ, Tu-bồ-đề ! Bồ-tát ư pháp. ung vô sở trụ hành ư bồ-thí. Sở vị bất trụ sắc bồ thí, bất trụ thanh hương vị xúc pháp bồ-thí. Tu-bồ đề ! Bồ-tát ung như thị bồ-thí bất trụ ư tướng Hà gì cố ?

Nhược bồ-tát bất trụ ư tướng bồ thí, kì phúc đức bất khả tư nghị

Đoạn này nói rõ cái lẽ tu-hạnh bồ-tát không chấp-trước tướng, tức là yên trụ bồ-đề-tâm. Bồ-thí có ba thứ : 1. Tài-thí ; 2. Pháp-thí ; 3. Vô-úy-thí. Bồ-thí là đầu lục-độ, nói bồ-thí là cai cả lục-độ rồi ; Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là lục-trần, nói lục-trần là cai cả lục-căn lục-thức cho chí hết thảy

mọi pháp rồi. Đây là nói bồ-tát làm ba thứ bồ-thí, mà đối với hết thầy pháp-tướng : như tài vật của kẻ thí người thụ cho chỉ động tĩnh nói lặng, cũng dằng cung kính, nhân-quả báo-ứng, đều không chấp-trước gì cả, ấy thế là vô-sở-trụ vậy. Vì sao mà làm phép bồ-thí lại không chấp-trước các hình-tướng ? — Vì rằng bồ-thí không chấp-trước hình-tướng thì được phúc-đức nhiều đến không thể nghĩ lường xiết. Nếu bồ-thí mà chấp-trước tướng, thì cái phần sở-đắc chỉ là cái phúc-báo nhân-thiên, có chừng có hạn không phải là cái đạo chơn thiện bồ-đề, cũng không phải là cái đạo tỏ được Kim-cương bát-nhã vậy.

Tu bồ-đề, ư ý vân hà ? Đông phương hư không-khả tư lượng phủ ? Phật già Thế-tôn Tu-bồ-đề ! nam tây bắc phương tứ duy thượng hạ hư không khả tư lượng phủ ? — Phật già Thế-tôn — Tu-bồ-đề ! vô trụ tướng bồ-thí phúc đức diệc phục nhu' thị bất khả tư lượng

Đoạn này là thí-dụ cho biết cái công-hạnh to tát của phúc-đức. Vì cái chỗ hư-không trong mười phương kia không thể nghĩ lường xiết, ai cũng biết rồi, nay Phật đem tỉ với cái phúc-đức bồ-thí không chấp-trước tướng cũng như chỗ hư-không trong mười phương kia, thì người ta mới hiểu được là lớn vô cùng vậy.

Tu bồ-đề ! bồ tát dân ưng như sở giáo trụ

Đoạn này kết luận rằng cứ y như lời bồ thí đừng có chấp tướng đã bảo ở trên kia mà trụ vậy.

KINH

Này ông Tu-bồ-đề, cứ như ý ông, có thể cứ coi cái thân-tướng ta đây mà thấy được chân-tướng Như-lai không ? —

Bạch đức Thế-tôn, không thể coi thân tướng ngài mà thấy chân-tướng Như lai được. Sao vậy ? —

Vì rằng cái thân-tướng Như-lai nói đó, tức không phải là thân-tướng chân-thiệt.

—Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Hết thầy cái gì mà có hình-tướng đều là giả dối hết. Nếu thấy rõ được hết mọi tướng đó không phải là tướng chân thiệt, tức là thấy tỏ được chân-tướng Như lai.

V NHƯ LÝ THỰC KIẾN

(Thấy đúng như lý chân thực)

如理實見分第五

Tu bồ đề ! ư ý vân hà ? Khả gī thân tướng kiến Như lai phủ ? Phất giã Thễ Tôn, bất khả gī thân tướng đắc kiến Như lai Hà gī cổ ? Như lai sở thuyết thân tướng, tức phi thân tướng.

Trên kia đã nói rằng đối với pháp làm hạnh bố-thí cũng không chấp-trước, làm sao mà thành thân tướng Phật được ư ? — Đó là vì pháp-thân như-lai tuy không phải là cứ cái tướng, mà cũng không phải là lia hẩn tướng, tất tu phải đúng với cái lý chân-như mới là thực-kiến được, chứ không thể chấp-trước 32 tướng kia tức là pháp-thân Như-lai được. Vì muốn chứng rõ xem ông Tu-bồ-đề đã hiểu thấu hẩn cái lẽ ấy chưa, cho nên đức Thế-tôn mới hỏi xem đã được tới chỗ như lý thực kiến chưa ; Nếu đã được thì tức là đã đủ Kim-cương bát-nhã rồi ; đã đủ Kim-cương bát-nhã thì cứ coi ngay thân tướng ấy cũng thấy rõ pháp-thân Như-lai, mà chưa được thì là chưa đủ Kim-cương bát-nhã, chưa đủ Kim-cương bát-nhã thì dù chẳng chấp cái thân tướng, cũng chẳng có thể thấy pháp-thân Như-lai được vậy. Cái lối truyền đạo xưa nay, đều chỉ cốt về chỗ khiến cho người ta tự hiểu thấu lấy, mới là hiểu thực, nếu không hiểu thế chỉ là nói cho thích kiêu, thiệt ra

không có trí-tuệ gì, cũng như người đói mà chỉ nói chuyện ăn, nghèo mà chỉ nói chuyện vàng, kết cục chẳng có ích gì vậy. Như ông Tò-đồng-Pha biết tán Phật rằng : « bát phong xuy bất động » nghĩa là tám cái thói đời như : khen, chê, vinh, nhục v. v. không thể lay động được thân Phật, thế mà lúc gặp ngài Phật-ấn, bị ngài bác cho một câu liền cuống lên ngay, đủ biết chỉ là cái lối miệng nói một đằng tâm nghĩ một nẻo, không đúng với nhau vậy. **Thân tướng** tức là hình-tướng thân mình có thể trông thấy như đức Thế-tôn có đủ 32 tướng tốt cùng 80 thứ đẹp cũng tức là hóa thân của Phật vậy. Ngài Tu-bồ-đề tuy hiện thân Thanh-văn, mà trong tâm ngài đã lĩnh-ngộ được rằng cái hình tướng Như-lai. Bồ-tát, chúng-sinh kia đều là cái hình bóng do tự tâm mình vọng-tưởng mà ra, cho nên vừa nghe lời Phật hỏi rằng có thể coi thân-tướng mà thấy chân-tướng như-lai được không, thì ngài liền đáp ngay rằng không. Bởi vì cái thân-tướng như-lai nói đó, tức là cái hình-tướng giả dối do tứ-đại ngũ-âm giả-hợp mà thành, chứ không phải là chân-tướng chơn thiệt của Như-lai vậy.

Phật cáo Tu-bồ-đề ! Phạm sở hữu tướng. giai thị hu' vọng. Nhược kiến chu' tướng phi tướng tức kiến Như-lai.

Đoạn này nói rõ rằng không những cái thân-tướng kia không phải là chân tướng chơn thiệt, nội phạm hết thảy các hình các sắc của căn thân khí giới, đều là giả dối hão huyền như bóng trong gương, trăng dưới nước, không có cái gì là thực cả vậy. Nếu đã thấu rõ được các tướng đều là giả dối, tức là hiểu được cái tướng chơn thiệt, tức là trí-tuệ tột bậc, tức là cái tâm Kim-cương bát-nhã mẫu nhiệm, tức là đã nhận được pháp-thân Như-lai không thể chấp nê cái phép bố-thí chấp-tướng mà tu chứng cái sắc-thân Phật vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế-tôn ! chẳng biết có nhiều chúng-sinh được nghe lời nói, chương, câu của Phật như thế, mà sinh lòng tin thiết không ?

— Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Ông chớ có nói như thế ? sau khi Như-lai diệt-độ rồi, đến năm trăm sau trót kia, có người trì-giới tu phúc, đối với chương câu kinh này, hay sinh lòng tin, tin thế là thiết, nên biết người ấy, không phải là người mới gieo mầm lành trong một Phật, hai Phật, ba bốn năm Phật đâu, mà đã gieo cái mầm lành với vô-lượng ngàn vạn Phật rồi ; Cho chí người nghe đến chương câu kinh này, sinh lòng tin thanh tịnh trong một niệm, ông Tu-bồ-đề ơi ! Như-lai biết rõ thấy rõ các chúng-sinh đó, được phúc đức vô-lượng như thế. Sao vậy ?

— Vì rằng các chúng-sinh ấy, không còn có tướng-ngã, tướng nhân, tướng chúng-sinh, tướng thọ-giả không có tướng pháp, cũng không cả tướng phi-pháp. Bởi có sao vậy ? Vì rằng các chúng-sinh ấy, nếu tâm còn nhận lấy tướng tức là chấp-trước cái tướng ngã, nhân, chúng-sinh thọ-giả rồi ; Nếu còn nhận lấy tướng-pháp, tức là chấp-trước vào cái tướng ngã, nhân chúng-sinh, thọ-giả rồi. Sao vậy ? — Vì nếu còn nhận thấy có cái tướng phi-pháp, tức là chấp-trước cái tướng ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả rồi. Vì thế cho nên không nên nhận là có pháp, không nên nhận là có

phi-pháp, vì cái nghĩa ấy, nên Như lai thường nói :
« Tỉ-khưu các ông, nên biết pháp ta nói ra đó,
cũng ví như bè dùng để qua sông thôi : pháp còn nên
bỏ đi, huống chi là phi-pháp ».

GIẢI

VI CHÍNH TÍN HY HỮU

(Lòng tin chân chính rất là hiếm có)

正信稀有分第六

Tu bồ đề bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Phả hữu
chúng sinh, đắc văn như thị ngôn thuyết chương
cú, sinh thực tin phủ ? Phật cáo Tu bồ đề ! mặc
tác thị thuyết. Như-lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế,
hữu tri giới tu phúc giả u' thử chương cú, năng
sinh tín tâm, dĩ thử vì thực, đương tri thị nhân,
bất u' nhất Phật, nhị Phật, tam tứ ngũ Phật, nhị
trùng thiện căn, dĩ u' vô lượng thiên vạn Phật sở
trùng chu thiện căn Văn thị chương cú, nãi chí
nhất niệm sinh tịnh tín giả. Tu-bồ đề ! Như-lai tất
tri tất kiến thị chu chúng sinh, đắc như thị vô-lượng
vô biên phúc đức

Đoạn này nói rõ hạng người tín thụ được là rất hiếm có.
Trên kia nói rằng tuy tu cả vạn hạnh, mà không chấp-trước cái
tướng người làm và cái pháp đã làm, thì pháp ấy rất là hiếm
có, rất là khó tin, cho nên ông Tu-bồ-đề mới hỏi Phật rằng :
Chả hay có nhiều chúng-sinh nghe thấy cái pháp mẫu nhiệm
tốt bậc đã nói trên kia mà hay sinh lòng tin thiệt không ?
Phật mới bảo rằng : Ông chớ có ngờ rằng những người hiện
được nghe pháp đây, có tín-thụ được hay không, ngay đến
sau này cũng có người tín-thụ kia. Hậu ngũ bách tuế :

Chánh pháp 500 năm, tượng pháp 500 năm ; 500 năm nói đây tức cuối đời tượng pháp vậy. Sau đời tượng-pháp, pháp sắp suy tẻ, có người xuất-gia tri-giới, tại-gia tu phúc, đối với chương câu trong pháp-môn nói đây, mà hiểu thấu đến nghĩa chân thiết, thông suốt đến cái tướng chân thiết của mọi pháp, nhất tâm chánh-tín cho cái phép làm mà không trước tướng làm, được mà không trước tướng được, đó là chân-thiết không sai, nên biết người tín-tụ ấy, không phải là người mới gieo mầm lành được một ít, một hai vị Phật, mà đã gieo được mầm lành sâu xa hàng vô-lượng ngàn vạn ức Phật rồi. Như ngài Lặc-tô, nghe có một hai câu kinh, liền nở ngay hạt giống Kim-cương, thế thì đủ biết những người gieo mầm lành xâu, thì dù sau bao nhiêu kiếp cũng vẫn nghe mà tin theo được, còn người chưa gieo mầm lành, thì dù được nghe chính miệng Phật nói, cũng không hiểu rõ đến chỗ chân thiết được. Vì dù có người nghe chương câu kinh này chừng trong một niệm, tin thực thanh tịnh, tức là có thể thành Phật. Vả lại kinh này là mẹ đẻ ra các kinh, thường được chư Phật gia-hộ, nếu ai tin và thụ trì được thanh tịnh, thì Như-lai lấy sức trí-tuệ đã biết rõ rằng người ấy làm cái nhân bồ-đề ; đã thấy rõ rằng người ấy tất được cái quả bồ-đề, vì thế cho nên các chúng-sinh thuần tín ấy, được phúc đức vô lượng vậy.

Hà gĩ cổ ? -- Thị chư chúng-sinh, vô phục ngã tu ướng, nhân tu ướng, chúng-sinh tu ướng, thọ giả tu ướng. vô pháp tu ướng, diệc vô phi pháp tu ướng.
Hà gĩ cổ ? -- Thị chư chúng sinh nhược tâm thủ tướng, tức vi trước ngã nhân chúng sinh thọ-giả. nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã nhân chúng-sinh thọ-giả. Hà gĩ cổ ? -- Nhược thủ phi pháp tướng, tức trước ngã nhân chúng sinh thọ-giả. Thị cổ bất ứng thủ pháp, bất ứng thủ phi-pháp. Gĩ thị nghĩa cổ, Như-lai thường thuyết như đẳng Tỉ-khưu, tri ngã thuyết pháp, như phiệt dụ

giả, pháp thượng ứng xử, hà huống phi pháp

Đoạn này nói rõ cái nghĩa tín-thụ ở trên. Pháp với phi-pháp, là cái danh-từ đối đãi nhau. Pháp là công hành chân-chánh, phi pháp thời không phải là công-hành chân-chánh. Pháp-tướng là phải, thời phi-pháp tướng tức là sai. Pháp là phép hay, thời phi-pháp tức là không hay ; Pháp là vô-lậu (viên-mãn) thời phi-pháp tức là hữu-lậu (thiếu thốn). Trên kia nói rằng : được phúc đức vô-lượng, là tại làm sao ? -- Đó là vì cái người ấy đã hiểu thấu rằng chúng-sinh là do tứ-đại giả-hợp, nguyên lai là không, không làm gì có bốn tướng ; Lại hiểu thấu đến cả cái phép ngũ-ấm cũng là đối giả không phải là thiệt, tướng pháp không có, mà tướng phi-pháp cũng không có, trong tâm lặng trong, không có chấp-trước, các chúng-sinh ấy, đã biết rõ : **ngu'ời** và **pháp**, hai cái đó là không, thì cái bệnh không cũng sạch nốt. Trái lại, nếu các chúng-sinh ấy, tâm đối với tướng, không hiểu là giả hợp, liền chấp-trước lấy, thế là đã chấp-trước tướng ngã rồi, đã có tướng ngã thì tất chấp cả tướng nhân tướng chúng-sinh tướng thọ-giả nữa ; Lại nữa, nếu các chúng-sinh ấy, không hiểu muốn pháp là do cái duyên giả-hợp sinh ra, mà chấp-trước tướng pháp, thời bất luận là pháp nào đều chấp-trước hết, và khởi ra cái ý-kiến nhân ngã, chúng-sinh thọ-giả nữa vậy ; Lại nữa, nếu các chúng-sinh ấy cho pháp là không nên lấy, mà lấy cái phi-pháp, thì cũng một lỗi như người lấy tướng pháp vậy. Vì thế cho nên từ pháp-thiện pháp-chính cho chí pháp chân-như niết-bàn không nên chấp lấy, mà đối với những pháp bất-thiện bất-chính và không phải pháp chân-như niết-bàn, lại càng không nên sinh lòng chấp-trước lấy vậy. Nếu không cả hai, mà lại chấp-trước cả hai cái không ấy, cũng là sai lạc, chấp một bên rồi. **Thủ** nghĩa là bám lấy, là tựa vào đấy, như con chim nương tựa cái tổ, hợp đậu bay liệng, đều không ra khỏi ba cõi chín nơi, thế là thấy tướng pháp mà không hay dùng được pháp. Xưa ngài Lục-tổ nói rằng : pháp nào pháp nào cũng đều thông ; pháp nào pháp

nào cũng đều đủ mà không có một pháp nào có thể lấy được, thế là tối-thượng-thừa (bực cao tốt phẩm) niệm niệm đều là trí-tuệ mẫu-nhiệm, như thế thì có thể vận-dụng được hết thầy mọi pháp vậy. Vì đạo-lý ấy, cho nên Phật thường bảo rằng : Tỷ-khuru các ông, nên biết pháp ta đã nói đó, ví như cái bè. Người ta sang sông phải dùng bè đi ; khi đến bờ kia rồi, thì bỏ bè lại, thí-dụ như lúc mới, thì lấy tướng pháp mà bỏ tướng nhân, lấy cái không mà bỏ cái có ; rồi thì pháp-nhân cùng bỏ, không với có đều sạch cả, thế mới là Kim-cương bát-nhã ba-la-mật vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề này ! cứ như ý ông, thì Như-lai có được pháp A-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề không ? Như-lai có nói pháp gì không ?

Ông Tu-bồ-đề bạch rằng : Cứ như ý con đã hiểu cái nghĩa của Phật đã nói, thì không có phép gì nhất định gọi là phép A-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, cũng không có phép gì nhất định mà Như-lai nói được. Sao biết ? — Vì rằng những phép của Như-lai nói đều không lấy được, không nói được, không phải là pháp, cũng không phải là phi-pháp. Tại làm sao thế ? Vì rằng hết thầy thánh hiền, đều lấy phép vô-vi đó mà tu chứng mà có chỗ khác nhau.

GIẢI

VII VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

(Không chấp là có được gì là có nói gì được)

無得無說分第七

Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà ? Như-lai đắc a-lỗc đa-la

tam-riều tam-bồ-đề da ? Như-lai hữu sở thuyết - pháp da ? Tu-bồ-đề ngôn : Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp danh a-lộc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, diệt vô hữu định pháp Như-lai khả thuyết Hà gĩ cố ? Như-lai sở thuyết-pháp, giai bất khả thủ bất khả thuyết, phi pháp phi phi pháp Sở gĩ giả hà ? nhất thiết hiền thánh, giai gĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt.

Trên kia nói rằng thân-tướng không phải là thân-tướng, làm sao lại thấy Như-lai ngồi dưới gốc cây, chứng được đạo bồ-đề và thường thuyết-pháp hóa-độ cho chúng-sinh ư ? Đức Thế-tôn sợ ông Tu-bồ-đề sinh mỗi ngờ ấy, cho nên ngài mới hỏi để thử xem. Ngài hỏi rằng : Như-lai có được pháp a-lộc đa-la tam-riều tam-bồ-đề chăng ? Như-lai có nói pháp gì chăng ? Ông Tu-bồ-đề đã liễu-ngộ rằng cái đạo bồ-đề đó, ai nấy đều có cả, đầy đủ khắp hết, không lấy nói năng văn-tự mà hình-dung được, mà phô tả được, không thể vẽ lấy được, không thể lấy cái tên gì mà đặt được, không thể lấy lòng phàm mà đo lường được, lại càng không thể chấp cái đạo bồ-đề. Như-lai nói đó tức là bồ-đề được, cho nên ông mới trả lời Phật rằng : Cứ như ý con đã hiểu cái nghĩa của Phật nói thì không có phép gì nhất định, gọi là phép a-lộc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, cũng không có phép gì Như-lai đã nói cả. Nếu bảo rằng Như-lai có nói, thì kẻ nghe có chỗ nhận lấy, có nhận lấy thì chưa hết chỗ nói năng, chưa diệt hẳn tâm-hành, thế là vẫn có cái tướng tướng-tượng hư sắc, tức là đọa vào phần hữu-lậu, không thể gọi là sự làm đúng theo của Kim-cương bát-nhã mẫu-nhiệm vậy. Cho nên pháp của Như-lai đã nói, diệt hết chỗ tâm-hành thì không có thể lấy ; hết đường nói năng, thì không có thể nói. Vả lại cái tướng chân-thiết của mọi pháp, không phải hẳn là có, không phải hẳn là không. Không phải hẳn là có nên phi cả pháp ; không phải hẳn là không

nên không phải là phi cả pháp, đã li cả có, cả không, thì còn có gì mà nói có gì mà lấy, cho nên người nói không nói, không bảo, kẻ nghe không nghe, không được. Sở dĩ hết thầy thánh hiền có chỗ sai khác nhau, không phải là vì phép tu vô-vi không phải cùng nhau đâu, chỉ vì phép tu tuy cùng mà chỗ ngộ khác nhau, cho nên mới có những ngôi tu quả thập-địa cao thấp hơn kém nhau ; cũng như ba con chim vượt lưới, ba con thú sang sông, mà bay vượt bơi sang, đều có cao thấp nông sâu khác nhau vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề này ! Cứ như ý ông, nếu có người nào đem đồ thất-bảo đầy cả ba ngàn thế-giới lớn mà bố-thí, người ấy có được nhiều phúc đức không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn, rất nhiều ạ. Sao thế ? — Vì phúc đức ấy, tức không phải là cái chân-tính phúc-đức, vì thế nên Như-lai ngài nói là phúc-đức nhiều.

Nếu lại có người nào đối với kinh này, lĩnh thụ và hành-trì được, cho chí đến bốn câu kệ, và lại đem nói cho người nghe mà làm, thì lại phúc hơn người kia. Vì có gì vậy ? — Nay ông Tu-bồ-đề ! hết thầy chư Phật và phép A-lốc đa la tam riều tam bồ-đề của chư Phật, cũng đều bởi kinh này mà ra. Ông Tu-bồ-đề, cái pháp ta gọi là Phật-pháp đo, tức không phải là Phật-pháp.

GIẢI

VIII Y PHÁP XUẤT SINH

(Nương theo pháp mà sinh ra)

依法出生分第八

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà ! nhược nhân mãn tam thiên đại thiên thế-giới thất bảo, gī dụng bố thí, thị nhân sở đắc phúc-đức, ninh vi đa phủ ? Tu-bồ-đề ngôn : Thập đa, Thế tôn ! Hà gī cổ ? — Thị phúc-đức, tức phi phúc-đức tính, thị cổ Như-lai thuyết phúc-đức đa. Nhược phục hữu nhân, ư thủ kinh trung thụ trì, nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phục thắng bỉ Hà gī cổ ? — Tu-bồ-đề, nhất thiết chư Phật, cập chư Phật A-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề pháp, giai tòng thủ kinh xuất Tu-bồ-đề ! sở vi Phật pháp giả, tức phi Phật pháp.

Đoạn này nói rõ cái công-đức trì-kinh là hơn cả. **Tam-thiên đại thiên thế-giới** ; Cứ một thái-dương-hệ là một tiểu-thế-giới, một nghìn tiểu-thế-giới, gọi là một tiểu-thiên thế-giới, một nghìn tiểu-thiên thế-giới là một trung-thiên thế-giới, một nghìn trung-thiên thế-giới là một đại-thiên thế-giới, hợp ba nghìn thế-giới lại là cõi Sa-bà thế-giới. **Thất-bảo** : vàng, bạc, lưu-li, sà-cừ, mã-nã, hồ-phách, san-hô. **Kệ** một câu bốn chữ hoặc năm chữ bảy chữ, đủ bốn câu là một kệ. Văn Phạm thường lấy 32 chữ là một kệ. Phật nói : Nếu người nào đem nhiều đồ thất-bảo đầy cả ba nghìn đại-thiên thế-giới mà bố thí, thế là cái hạnh tài-thí, người ấy có được nhiều phúc không ? Ông Tu-bồ-đề thưa rằng rất nhiều, là vì cái phúc-đức trước-tướng, bất quá chỉ là cái nhân hữu-lậu, còn phải đọa ở cõi nhân cõi thiên, tuy là hưởng phúc sống lâu, nhưng vẫn có hạn.

Cái phúc-đức ấy nguyên không có tự-tính, viên-mãn thành-tựu, thời là vô-lậu, mới thiết là không có hạn-lượng vậy. Phật lại nói rằng : Nếu lại có người nào, đối với kinh này tự mình đã lĩnh-thụ hành-tri, cho chí đến bốn câu kệ nữa, mà lại nói cho người biết thế là pháp-thí. Dem pháp-thí cho chúng-sinh, nhờ sạch mầm khổ cho chúng-sinh, khiến cho được hưởng cái thú niết-bàn, thì lại được phúc hơn cái phúc-đức của người tài-thí kia, là cái phúc-đức không phải là chân-chính phúc-đức. Sao thế ? Bởi vì thập-phương tam-thế chư Phật và pháp mầu vô-thượng chính-đẳng chính-giác, đều bởi kinh này mà ra, kinh này chương cầu tinh-vi mầu-nhiệm, những lời nói và văn-tự đều đúng với cái lẽ chân-như mầu-nhiệm, bao quát hết cả giáo-lý hành-quả, không sót tí gì ; không những tự mình lĩnh-thụ hành-tri bốn câu kệ, được tới cái quả cùng tốt ; mà đem nói cho người khác, người khác cũng lĩnh-thụ hành-tri được, rồi do từ chỗ mở lòng bồ-đề mà làm lục-độ vạn-hạnh, chứng được phần cán-bản-trí, hậu-đắc-tri mà thẳng tới cái quả cùng tốt nữa, thế cho nên kinh này mới là mẹ cả chư Phật. Chư Phật bởi đó mà có, bồ-đề bởi đó mà tự tỏ, là phép tuyệt-đối không gì hơn. Cho nên cái phúc của người thụ-tri kinh ấy, còn hơn người tài-thí kia vậy. Song cái phép tuyệt-đối không gì hơn này, nó không có năng-sở, tuyệt cả đối-đãi không thể nói được, không thể lấy được, phải biết rằng : Như-lai là một cái tên mượn, nguyên không có ai là người hay nói (năng-thuyết) ; Phật pháp cũng là pháp mượn, chớ không có pháp nào là pháp đã nói (sở thuyết) ; lấy lời đưa lời, nên quyền gọi là Phật-pháp vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : bậc Tu-đà-hoàn có thể nghĩ rằng ta đây đã chứng quả Tu-đà-hoàn rồi không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn ! không ạ. Sao vậy ? — Vì rằng Tu-đà-hoàn kêu là bực đã vào giòng thánh, mà không còn thấy có chỗ nào là mình đã vào ; không vào trong cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.thế nên kêu là Tu-đà-hoàn.

Vậy ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : bực Tư-đà-hàm có thể nghĩ rằng ta đây đã chứng quả Tư-đà-hàm rồi không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng: Bạch đức Thế-tôn ! không ạ. Sao vậy ? — Vì rằng Tư-đà-hàm kêu là bực còn « một phen đi lại trên trời nhân-gian nữa » mà thiết không có chỗ nào là trên trời nhân-gian có thể đi lại nữa, thế nên kêu là Tư-đà-hàm.

Vậy ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : bực A-na-hàm có thể nghĩ rằng ta đây đã chứng quả A-na-hàm rồi không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn ! không ạ. Sao vậy ? — Vì rằng A-na-hàm kêu là « không lại thụ sinh ở cõi dục » mà thiết không có chỗ nào là cõi dục nữa mà lại thụ sinh, thế nên kêu là A-na-hàm.

Vậy ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : bực A-la-hán có thể nghĩ rằng ta đây đã chứng được quả A-la-hán rồi không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn ! không ạ. Sao vậy ? — Vì rằng thiết không có pháp gì kêu là A-la-hán. Bạch đức Thế-tôn ! nếu bực A-la-hán còn nghĩ rằng : « ta đây đã chứng được đạo A-la-hán thế tức là chấp-trước ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-

giả rồi. Bạch đức Thế-tôn ! ngay như con, Phật từng bảo rằng : con đã chứng được tới chỗ thứ nhất trong các người được vô-tránh tam-muội, là một A-la-hán thoát ly ái-dục thứ nhất ; nhưng, bạch đức Thế-tôn ! con không hề nghĩ đến chỗ con là A-la-hán đã thoát-ly ái-dục bao giờ. Bạch đức Thế-tôn ! nếu con còn nghĩ con là người chứng được đạo A-la-hán, thì đức Thế-tôn đã không bảo rằng : Tu-bồ-đề con đây, là người thích làm cái hạnh A-lan-na. Vì rằng Tu-bồ-đề con đây, thực không có hành động gì mà gọi là Tu-bồ-đề, thế là thích làm cái hạnh A-lan-na.

GIẢI

IX NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

一 目 無 相 分 第 九

(Chư pháp nguyên là một tướng, tùy duyên mà sinh ra, không thể chấp lấy được, không thể nói được, cho nên gọi là nhất tướng vô tướng).

Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà ? Tu-đà-hoàn năng tác thị niệm : ngã đắc Tu-đà-hoàn quả phủ ? Tu-bồ-đề ngôn : Phất dã Thế tôn ; Hà gī cổ — Tu-đà-hoàn danh vi nhập lưu, nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-hoàn ; Tu bồ đề ! ư ý vân hà, Tư-đà-hàm, năng tác thị niệm, ngã đắc Tư-đà-hàm quả phủ ? Tu-bồ-đề ngôn : Phất dã Thế-tôn. Hà gī cổ ? — Tư-đà-hàm danh nhất vãng lai nhi thực vô vãng lai, thị danh Tư-đà-hàm ; Tu bồ-đề, ư ý vân hà ? A-na-hàm năng tác thị niệm : ngã đắc a-

na-hàm quả phủ ? Tu-bồ-đề ngôn : Phất dã Thế-tôn. Hà
gĩ cố ? — A-na-hàm danh vi bất lai nhi thực vô
bất lai, thị cố danh A-na-hàm. Tu-bồ-đề, ư ý vân
hà ? A-la-hán năng tác thị niệm, ngã đắc A-la-hán
đạo phủ ? Tu-bồ-đề ngôn : Phất dã thế-tôn, Hà gĩ cố ?
Thực vô hữu pháp danh A-la-hán. Thế-tôn ! nhược
A-la-hán tác thị niệm; ngã đắc A-la-hán đạo, tức
vi trước ngã, nhân, chúng-sinh thọ giả. Thế-tôn !
Phật thuyết ngã đắc vô tránh tam muội, nhân
trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất lý dục a-la-hán.
Thế-tôn ! ngã bất tác thị niệm, ngã thị lý dục a-la-
hán. Thế-tôn, ngã nhược tác thị niệm, ngã đắc a-la-
hán đạo, Thế-tôn tác bất thuyết Tu-bồ-đề thị nhạo
a-lan-na hành giả, gĩ Tu-bồ-đề thực vô sở hành nhi
danh tu-bồ-đề, thị nhạo a-lan-na hành

Đoạn này là nói rõ tứ-quả cũng đã được tới chỗ không có
gì là được. Trên kia nói rằng bồ-đề được chỗ không có gì
là được, thì làm gì còn có tứ-quả mà được nữa ư ! Thế-tôn
muốn giải thích mỗi ngò ấy nên Ngài mới hỏi đoạn này. **Tu-
đà-Hoàn** là tiếng Phạm, là quả thứ nhất trong hàng Thanh-
văn. Tàu dịch là nhập-lưu hay dự-lưu. Lưu nghĩa là giòng, là
bực, cũng như dự vào giòng, vào bực thánh vậy. **Tu-đà-Hàm**
là tiếng Phạm, là quả thứ hai trong hàng Thanh-văn. Tàu dịch
là nhất-vãng-lai, nghĩa là một phen lên trời một phen xuống
trần nữa mới được tới bực sạch hết ái-dục. **A-na-Hàm** là
tiếng Phạm, là quả thứ ba trong hàng Thanh-văn. Tàu dịch
là Bất-lai, nghĩa là không lại thụ-sinh ở cõi dục nữa ; **A-la-
Hán** là tiếng Phạm, là quả thứ tư trong hàng Thanh-văn. Tàu
dịch có ba nghĩa : 1) Vô-sinh ; 2) Sát-tặc ; 3) Ứng-cúng
nghĩa là không phải sinh-tử, phá hết phiền-não, đáng cho nhân-
thiên cúng-dâng vậy. **Tam-muội** là tiếng Phạm, Tàu dịch là

Chánh-định **Vô-ránh tam muội**, tức là cõi chánh-định hơn hết, đã được phần chánh-định này thì xa lìa được hết thấy phiền-não và các cái làm chướng-ngại phép-định. **Lý dục** tức là xa lìa được cái tính tham muốn nắm món trần-dục vậy **A-lan-na** là tiếng Phạm, Tàu dịch là vô-huyên-tập, nghĩa là ưu-du nhàn-tĩnh không bị trần-lụy nó bó buộc vậy. Phật hỏi ông Tu-bồ-đề rằng : Những bậc tu chứng tứ-quả, có nghĩ rằng đã được quả, đã thực là chứng quả rồi hay không ? Ông Tu-bồ-đề đã hiểu thấu được ý ấy nên đáp lại ngay, không có ngần ngại gì cả, đủ biết ông Tu-bồ-đề đã không còn có ngờ rằng có tứ-quả gì mà được nữa, cho nên ông mới đáp rằng : Tu-đà-hoàn mà còn nghĩ rằng ta đã chứng quả Tu-đà-hoàn, thế tức là chưa chứng được quả Tu-đà-hoàn. Vì rằng Tu-đà-hoàn gọi là đã dự vào bậc thánh, mà thiệt không thấy có người nào dự vào bậc thánh cả, cũng không có dự vào những pháp : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thế nên kêu là Tu-đà-hoàn ; Bậc Tu-đà-hàm mà còn nghĩ rằng ta đây đã chứng được quả Tu-đà-hàm, thế tức là chưa chứng được quả Tu-đà-hàm. Vì rằng Tu-đà-hàm kêu là bậc còn đi lại trên trời nhân-gian một phen nữa, mà thiệt không có đi lại trên trời nhân-gian, cũng không có chỗ nào là trên trời, là nhân-gian mà đi lại nữa, thế mới kêu là Tu-đà-hàm : Bậc A-na-hàm mà còn nghĩ rằng ta đây đã chứng được quả A-na-hàm, thế tức là chưa chứng quả A-na-hàm, vì A-na-hàm kêu là bậc không lại thụ-sinh ở cõi dục mà thiệt không có thụ-sinh nữa, thế nên kêu là A-na-hàm ; bậc A-la-hán mà còn nghĩ rằng ta đây đã chứng được đạo A-la-hán, thế tức là chưa chứng được đạo A-la-hán, vì A-la-hán kêu là vô-sinh, mà thiệt không có người vô-sinh, cũng không có pháp gì gọi là vô-sinh cả, nếu A-la-hán còn nghĩ rằng ta đã chứng được vô-sinh, thế tức là chấp-trước vào ngã-kiến (thấy có ta) đã chấp-trước ngã-kiến, tức là chấp-trước cả nhân kiến chúng-sinh kiến, thọ-giả kiến, năng sở đủ cả, bốn tướng

rõ ràng, còn gọi là A-la-hán thế nào được ư ? Như đức Thế-tôn bảo rằng : con đã chứng được cõi chính-định hơn hết, là người thứ nhất trong số người chứng được vô-tránh chính-định, con là một bậc A-la-hán lia sạch ái-dục thứ nhất, nhưng con thì không có hề nghĩ con là bậc A-la-hán lia sạch ái-dục, thì mới đáng là bậc A-la-hán lia sạch ái-dục, nếu con mà còn nghĩ rằng con chứng được đạo A-la-hán, thì đức Thế-tôn chẳng thể cho con là người thích cái hạnh tịch-tĩnh (rỗng lặng) vậy. Vì Tu-bồ-đề con đây, thực không có chỗ nào là chỗ làm hạnh tịch-tĩnh mà kêu là Tu-bồ-đề, thế mới là thích cái hạnh tịch-tĩnh. Nói tóm lại mọi pháp như-như, hành mà không thấy chỗ nào là hành, trụ mà không thấy chỗ nào là trụ, đặc mà cũng không thấy có chỗ nào là đặc cả, thế tức là cái phép mẫu-nhiệm tốt bậc mà Như-lai nói rằng : « Phật pháp không phải là Phật pháp » là ý đó vậy, nếu mong tâm động niệm một tí, tức là lạc vào một bên rồi, không thể gọi là cái phép mẫu vô-trụ vô-đặc được vậy.

KINH

Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : cứ như ý ông thì Như-lai xưa tu ở chỗ Phật Nhiên-đăng, đối với pháp có được gì không ?

Bạch đức Thế-tôn, không ạ ! Như-lai ở chỗ Phật Nhiên-đăng, đối với pháp thiết không có được gì cả.

Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : Bồ-tát có trang nghiêm cõi Phật không ? — Bạch đức Thế-tôn, không ạ ! Sao vậy ? — Vì rằng Bồ-tát trang-nghiêm cõi Phật, tức không phải là trang-nghiêm cõi Phật, thế mới gọi là trang-nghiêm cõi Phật.

Vì thế cho nên ông Tu-bồ-đề này ! Các bồ-tát ma-ha-tát, phải nên sinh cái tâm thanh-

tịnh như thế này : « Không nên trụ vào sắc mà sinh tâm, không nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm, nên sinh cái tâm không có trụ trước vào chỗ nào ». Nay ông Tu-bồ-đề ! ví như có người thân như Tu-di san-vương, cứ như ý ông : thì cái thân ấy có phải là to lớn không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn ! thân ấy rất to lớn. — Sao vậy ? Vì Phật đã bảo rằng : cái thân không phải là thân, ấy mới gọi là thân to lớn.

GIẢI

X TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

(Trang nghiêm cõi thanh tịnh)

莊嚴淨土分第十

Phật cáo Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà : Như lai tích tại Nhiên-đăng Phật sở, ư pháp hữu sở đặc phủ ? Phất già Thế-tôn ! Như-lai tại Nhiên-đăng Phật sở, ư pháp thực vô sở đặc.

Đoạn này giải thích lại cái nghĩa vô-thuyết vô-đặc ở trên. Trên kia đã nói rằng : « Vô-thuyết vô-đặc », làm sao lại có sự « lúc xưa Phật tu mấy A-tăng ki kiếp ở chỗ Phật Nhiên-đăng, đức Nhiên-đăng thụ-ký cho rằng trong hiện-kiếp sẽ thành Phật ư ? » Phật e đại-chúng nghe thấy thế mà sinh ngờ, nên Phật mới hỏi ông Tu-bồ-đề để giải cho rõ rằng : « Như-lai ta xưa ở chỗ Phật Nhiên-đăng, đối với pháp có được gì không ? » Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Những lời đức Nhiên-đăng nói lúc bấy giờ và Như-lai đã nghe lúc bấy giờ đều là lời nói cả, không có tự-tính, cho nên đức Nhiên-đăng tuy có nói mà thiệt không

có chỗ nào là chỗ mà Như-lai được thụ-ký, cũng không có cái gì mà thụ. Không được gì mà không có cái gì là không được, ấy mới gọi là được thụ-ký, cho nên nói rằng thực không có chỗ nào là được vậy.

Tu bồ-đề, ư ý vân hà : Bồ-tát trang nghiêm Phật độ phủ ? Phất già Thế tôn ! Hà gi cố ? Trang-nghiêm Phật độ giả tức phi trang-nghiên, thị danh trang-nghiêm. Thị cố Tu bồ-đề ! chư bồ-tát ma-ha-tát, ưng như thị sinh thanh tịnh tâm, bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc pháp sinh tâm, ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.

Đoạn này nói rõ công-quả trang-nghiêm cõi Phật không nên chấp tướng Trên kia đã nói rõ là không nên chấp lấy, mà đây và chỗ khác lại nói đến công việc bồ-tát trang-nghiêm cõi Phật, tựa hồ có trái nhau, đức Thế-tôn e chúng-sinh ngờ, cho nên ngài lại hỏi lại ông Tu-bồ-đề để giải thích cho rõ ra, **Độ** nghĩa là cái chỗ có thể nương ở được. **Tịnh-độ** tức là cõi đối lại với cái cõi sa-bà uế-độ của năm ngã cùng nương ở Uế-độ là do cái nghiệp không thanh-tịnh còn sa đọa của chúng-sinh hiện ra Tịnh-độ cũng có mấy thứ Tịnh-độ. 1. Phạm thành đồng cư tịnh-độ, tức là cõi của các chúng-sinh tu cái hạnh thanh-tịnh, mới cảm được cái cõi thanh-tịnh, mà được cùng ở với các bậc thánh-hiền trong tam-thừa ; 2. Phương-tiện hữu dư tịnh-độ, tức là cõi của các bậc nhị-thừa ở ; 3. Thực báo trang-nghiêm độ, là do tu cái trí vô-lậu mà cảm triệu được, cõi này tốt đẹp vô cùng, trang-nghiêm vô-lượng ; 4. Pháp tính tịnh-độ, tức là cõi lấy cái tướng chân thiết của mọi pháp làm nơi tịnh-độ, lại gọi là cõi Tạng - tịch-quang độ. Đức Thế-tôn hỏi ông Tu-bồ-đề rằng : Bồ-tát có trang-nghiêm cõi Phật không ? Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Không, sao vậy ? — Vì Bồ-tát có công tự-tu đã xong, tự-tính là tịnh-độ, nguyên-lai vẫn thanh-tịnh, còn trang-nghiêm làm gì. Nhưng

cái công tự-tu tự-độ đã xong, mà giáo-hóa chúng-sinh, thì phải có sự hành-động thiết. Chúng-sinh là cõi Phật của Bồ-tát, giáo-hóa chúng-sinh tức là trang-nghiêm cõi Phật. Tuy có thị-hiện ra hình-tướng trang-nghiêm, mà cũng không chấp-trước cái hình-tướng đó, cho nên Bồ-tát mới bảo rằng trang-nghiêm tức không phải là trang-nghiêm, thế mới gọi là trang-nghiêm vậy. Đức Thế-tôn lại bảo ông Tu-bồ-đề và các Bồ-tát rằng : Tu cái hạnh trang-nghiêm cõi Phật nên biết rằng cõi Phật kia, nguyên-lai vẫn đủ hết đức tốt, sạch hết lụy trần, phải nên lấy phép quán vô-sở-đắc mẫu-nhiệm như thế (làm như) lấy cái trí-tuệ vô-sở-trụ mẫu-nhiệm như thế (làm như), mà sinh ra tâm thanh-tịnh, không nhận lấy, không chấp-trước, không phân-biệt sáng là phải, không nên trụ vào lục-trần mà sinh tâm. Lục-trần là cái cảnh cho lục-thức duyên theo, dính liú vào lục-trần mà có lục-thức, rồi thành ra nghĩ ngợi xem xét lan man, mà tâm thành ra vẫn đục, nên phải ly cả lục-căn lục-thức lục-trần, đều không có trụ, thì tự khắc tâm Kim-cương bất-nhã sáng láng mẫu-nhiệm tốt bộc hiện ra mà cõi Phật tự nhiên trang-nghiêm vậy (quả), xưa ngài Lục-tổ nghe ngài Ngũ-tổ nói đến chỗ này liền than rằng : « Hay đâu tự tính mình, vốn vẫn tự thanh-tịnh ! Hay đâu tự tính mình vốn không có sinh-diệt ! Hay đâu tự tính mình, vốn vẫn tự đầy đủ ! Hay đâu tự tính mình, vốn không có lay động ! Hay đâu tự tính mình là cái như sinh ra muôn pháp ! » Thực là bậc mới nghe rút lời nói đã đại-ngộ vậy.

Tu-bồ-đề, thí như hữu nhân, thân như Tu-di sơn vương; ư ý vân hà : Thị thân vi đại phủ ? Tu-bồ-đề ngôn : Thập đại, Thế-tôn ! Hà gi cổ ? — Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân

Đoạn này nói rõ cái báo-thân không thể chấp lấy được. **Tu-di-sơn vương**, Tàu gọi là Diệu-cao-sơn, cao mười vạn do tuần, mỗi do tuần chừng ba bốn mươi dặm, cho nên Phật mới

lấy núi ấy làm cái thí-dụ với cái thân Đại-pháp-vương. Núi Diệu-cao kia hình thể cao lớn, mà không tự nhận cái cao lớn ấy cho là cao lớn, cho nên ông Tu-bồ-đề mới thưa rằng rất lớn. Nếu tự nhận cái tướng lớn ấy mà trụ, và trụ vào chỗ thấy là lớn thì dù lớn cũng vẫn có hạn lượng, không thể gọi là lớn được. Cái thân pháp-vương cũng thế, cái thân tuy to mà tâm không dính lưu, không trụ vào nơi thấy mình là người, không nhận cái sắc thân, cho nên gọi là **phi thân** (không phải là thân). Phi thân mà vẫn có thân, có thân mà vẫn phi-thân, cho nên gọi là đại-thân vậy.

KINH

Này ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : thí dụ mỗi một hạt cát sông Hằng-hà hóa làm một sông Hằng-hà, rồi lấy cả số cát trong những sông Hằng hà ấy mà đếm, thì có gọi là nhiều không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn, rất nhiều ! cứ tính những sông Hằng-hà, cũng đã nhiều đến vô số rồi, huống chi là cát !

Ông Tu-bồ-đề ơi ! nay ta bảo thực ông : giá như có thiện nam tín-nữ nào đem đồ thất bảo bằng số ba ngàn thế-giới lớn như số cát các sông Hằng kê trên kia mà bố-thí, được phúc có nhiều không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn, rất nhiều ạ.

Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Nếu có thiện-nam tín-nữ nào, đối với kinh này cho chí thụ-tri bốn câu kệ nữa mà nói cho người khác nghe, thì cái phúc-đức ấy lại hơn phúc-đức trước.

XI. VÔ VI PHÚC THẮNG

(Cái phúc của sự vô-vi là lớn hơn cả)

無爲福勝分第十一

Tu-bồ đề, ư hằng hà trung sở hữu sa số. như thị sa đẳng hằng hà, ư ý vân hà, thị chư hằng hà sa, ninh vi đa phủ. Tu bồ đề ngôn : Thập đa, Thệ-tôn ! dân chư hằng hà, thượng đa vô số, hà huống kì sa Tu bồ đề ! ngã kim thực ngôn cáo như : Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân gì thất bảo mãn nhị sở hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới gì dụng bồ thí, đắc phúc đa phủ ? Tu bồ đề ngôn Thập đa Thệ-tôn ! Phật cáo Tu-bồ-đề : Nhược thiện nam tử thiện nữ nhân ư thủ kinh trung, nãi trí thụ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, nhị thủ phúc đức thắng tiền phúc đức.

Đoạn này nói rõ cái công-đức nói kinh hơn cả. Trên kia nói cái công-đức thụ-tri kinh hơn cái công-đức bồ-thí thất-bảo bằng cả ba ngàn thế-giới lớn. Cái công-đức nói kinh đây hơn cả cái phúc-đức bồ-thí thất-bảo bằng vô-lượng vô-số vô-biên ba ngàn thế-giới lớn. Cứ số cát một sông Hằng, cũng đã nhiều vô số rồi, lại kể đến số cát của những sông Hằng bằng số cát sông Hằng kia thì lại càng không có thể nào mà lường được nữa, cho nên ông Tu-bồ-đề nói rằng rất nhiều. Nếu có thiện-nam tín-nữ nào đem thất-bảo nhiều bằng ba ngàn thế-giới lớn như số cát các sông Hằng trên kia mà bồ-thí, đủ biết là bồ-thí nhiều lắm. Bồ-thí nhiều thì phúc-đức tất nhiều, cho nên ông Tu-bồ-đề nói rằng rất nhiều. Nếu lại có thiện-nam tín-nữ nào, đối với kinh này, mới thụ-tri được có bốn câu kệ mà đem ra nói cho người nghe, thì phúc-đức lại hơn phúc-đức trước. Sao thế ?
— Vì rằng đem thất-bảo bồ-thí, tuy nhiều đến vô số, vô lượng,

mà chung quy vẫn là có hạn. Nếu y bốn câu kệ trong kinh này. tự mình thụ-trì, thì tự mình thấy tỏ tính thành Phật ; đem nói cho người khác nghe, người khác thụ-trì, thì người khác tỏ tính thành Phật ; độ cho đến hết vô-lượng, vô-số, vô-biên chúng-sinh, đều tỏ tính thành Phật thì phúc-đức lớn như cõi hư không, không thể hạn lượng được, cho nên hơn phúc-đức trước vậy.

KINH

Lại nữa. ông Tu-bồ-đề : Tùy nơi nói kinh này, cho chí đến bốn câu kệ nữa, nên biết nơi đó, có hết thầy thế-gian, thiên-nhân, a-tu-la đều đến cúng-dàng, như cúng-dàng tháp miếu Phật rồi, huống chi lại có người thụ-trì tụng đọc hết cả kinh, thì này ông Tu-bồ-đề ; ông nên biết người ấy đã về thành được cái pháp cao chót hiếm có thứ nhất vậy ; nên hễ chỗ nào mà có kinh-diễn này tức như là có Phật, hay có các đệ-tử đầu lớp của Phật vậy.

GIẢI

XII. TÔN TRỌNG CHÍNH GIÁO

(Tôn trọng giáo pháp chân chính)

尊重正教分第十二

Phục thứ, Tu bồ đề ! Tùy thuyết thị kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ, nhất thiết thế-gian, thiên-nhân, A tu-la đẳng, giai ưng cung dưỡng như Phật tháp miếu. Hà huống hữu nhân tận năng thụ-trì đọc tụng. Tu bồ đề, đương tri thị nhân thành tựu đệ nhất hy hữu tri pháp. Nhược thị kinh diễn

sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.

Đoạn này nói rõ cái công-đức kinh này rất lớn. **Thiên-nhân A-tu-la**, tức là chỉ cả tám bộ chúng : 1.) Thiên-chúng, tức là sáu cõi thiên ở Dục-giới, bốn cõi thuyề ở sắc-giới và bốn cõi không ở vô-sắc-giới ; 2.) Long-chúng : là vua loài ở dưới nước ; 3.) Dạ-xoa : tức là hạng quỷ-thần bay đi ở trên không ; 4.) Càn-thát-bà Tàu dịch là Hương-ấm. Ấm tức là cái sắc thân ngũ ấm, chỉ ngửi hơi mà sống, nên gọi là Hương-ấm ; 5.) A-tu-la, Tàu dịch là Phi-thiên, vì hạng này được hưởng phúc báo giống chư thiên mà không phải là có đức như chư thiên, cho nên gọi là Phi-thiên ; 6.) Ca-lâu-la Tàu dịch là Kim-sí-diều (chim cánh vàng), thường bắt rồng mà ăn thịt ; 7.) Khẩn-na-la, Tàu dịch là Phi-nhân, nghĩa là loài giống như người mà trên đầu có xừng v. v. cho nên gọi là Phi-nhân ; 8.) Ma-hầu-la-già, Tàu dịch là Đại-mãng-thần, tức là loài Rồng đất. **Tháp**, tiếng Phạm là Tháp-bà, nghĩa là cái mả cao lớn, tức là chỗ để xá-lị-phật. **Miếu** là chỗ thờ hình tượng Phật. **Đệ nhất hy hữu chi pháp** tức là Kim-cương bát-nhã. **Tôn trọng đệ tử**, tức các hực đệ-tử đầu lớp như các ngài Văn-thù, Xá-lợi-Phất v. v. Kinh này là chỗ xuất sinh ra Thập-phương tam-thế chư Phật, vậy muốn tôn trọng Phật, phải tôn trọng Kinh này. Cho nên bất cứ chốn nào, hoặc nói toàn kinh này, hoặc nói bốn câu kệ trong kinh này, thời chốn ấy tức có hết thầy thế-gian, thiên, nhân, bát bộ đều đến cung kính cúng dàng như chốn tháp thờ xá-lị Phật, như miếu thờ hình tượng Phật vậy ». Nếu có người nào mà thụ-trì tụng đọc được hết kinh này, thì người ấy quyết cũng được hết thầy thế-gian thiên-nhân, bát bộ đến cúng dàng, không có ngờ gì. Nên biết người mà thụ-trì tụng đọc được hết kinh này, tức là về thành được phép cao trót hiểm có thứ nhất, tức là về thành được cái phép Kim-cương bát-nhã cao trót thứ nhất, tức cũng gọi là chư Phật

vậy. Cho nên bất cứ chỗ nào hễ có kinh này, tức là chỗ ấy có Phật ở đấy, hay là các đệ-tử đầu lớp của Phật ở đấy. Xem thế thì biết kinh này hơn hết, mà người trì kinh này cũng hơn hết vậy.

KINH

Lúc bấy giờ ông Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế-tôn ! Kinh này nên đặt tên là gì, và chúng con phải phụng-trì như thế nào ?

— Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Kinh này gọi là kinh Kim-cương bát-nhã ba-la-mật, ông cứ y theo cái danh-tự ấy mà phụng-trì. Tại làm sao thế ? ông Tu-bồ-đề này ! Phật nói bát-nhã ba-la-mật, tức không phải là bát-nhã ba-la-mật, ấy mới gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Ông Tu-bồ đề ơi ! cứ như ý ông : Như-Lai có chỗ nào nói pháp không ?

Ông Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế-tôn, Như-lai không có chỗ nào nói pháp cả.

Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : kể số bụi nhỏ ở trong ba ngàn thế giới lớn, có nhiều hay không ? — Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn, rất nhiều ạ.

Ông Tu-bồ-đề này ! những bụi nhỏ ấy, Như-Lai nói không phải là bụi nhỏ, thế mới gọi là bụi nhỏ ; Như-lai nói thế-giới, không phải là thế-giới, thế mới gọi là thế-giới.

Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : Có thể coi ba mươi hai tướng mà thấy chân-tướng Như-lai

không ?

Bạch đức Thế-tôn, không ạ ! Không thể coi ba mươi hai tướng mà thấy tổ chân tướng Như-lai được. Bởi có gì vậy ? — Vì rằng Như-lai nói ba mươi hai tướng, tức không phải là tướng, thế mới gọi là ba mươi hai tướng.

Ông Tu-bồ-đề này ! nếu có thiện-nam tín-nữ nào đem số thân mạng bằng số cát sông Hằng mà bố-thí, nếu lại có người đối với kinh này, cho chí thụ-trì được bốn câu kệ nữa mà đem nói cho người khác biết, thì phúc lại rất nhiều.

GIẢI

XIII NHƯ PHÁP THỤ TRÌ

(Thụ trì đúng như pháp)

如法受持分第十三

Nhĩ thời Tu bồ-đề bạch Phật ngôn : Thế-tôn ! đương hà danh thủ kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì ? Phật cáo Tu-bồ-đề Thị kinh danh vi Kim-cương bát-nhã ba-la-mật, gĩ thị danh tự, nhữ đương phụng trì Sở gĩ giả hà ? Tu-bồ-đề ! Phật thuyết bát-nhã ba-la-mật, tức phi bát-nhã ba-la-mật, thị danh bát-nhã ba-la-mật.

Đoạn này Phật ấn định cho tên kinh và phép thụ-trì. Trên kia đã nói rõ rằng kinh này là hơn hết, lẽ tự nhiên phải tôn-trọng thụ-trì, nhưng vì ông Tu-bồ-đề không biết tên kinh và phép phụng-trì như thế nào, cho nên mới hỏi đức Thế-tôn rằng : Kinh này nên đặt tên là kinh gì, chúng con phải phụng-trì như thế nào ? Phật đáp rằng : Kinh này nên gọi là Kim-

cương bát-nhã ba-la-mật. Kim-cương không phải là thí-dụ mà lại là thí-dụ ; Bát-nhã không phải là pháp mà lại là pháp, là mượn tên tạm đặt là Kim-cương bát-nhã, cứ y lấy danh-tự ấy mà phụng-trì, mà tâm không chấp-trước ta là người phụng-trì, cũng không được chấp-trước pháp ấy là pháp mình phụng-trì nữa. Tại làm sao thế ? — Vì rằng Kim-cương bát-nhã, đã là danh-tự, thì không phải là có tự-tướng, không thể chấp lấy, không thể nói được, đó là ứng theo cái tâm chúng-sinh dùng phép phương tiện mà nói ra cái tên ấy thôi.

Tu-bồ đề ! ư ý vân hà ? Như-ai hữu sở thuyết pháp phủ ? Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn : Thế-tôn ! Như-lai vô sở thuyết.

Đoạn trên là nói rõ cái lẽ giả danh không có thực của hết cả các chỗ tâm-hành. Đức Thế-tôn còn e các Bồ-tát còn nệ vào chỗ nói năng, cho nên mới hỏi ông Tu-bồ-đề rằng : Như-lai có nói pháp gì không ? Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : « Tới chỗ chân-trí thì không có thể lấy lời mà nói ra được. Chư Phật cùng chứng như thế cả, vì dù có nói ra nữa, cũng là vì chư Phật dùng phép phương-tiện hóa-độ chúng-sinh, cứ như chân-như đã chứng mà nói, không có thấy chỗ nào là chư Phật nói nữa, tức là không có nói gì, vì thế nên nói rằng Như-lai không có nói câu gì khác cả.

Tu-bồ đề ? ư ý vân hà ; Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu vi trần, thị vi đa phủ ! Tu-bồ-đề ngôn : Thập đa thế-tôn ? Tu-bồ-đề ! chư vi trần, Như-lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần, Như-lai thuyết thế-giới, phi thế-giới, thị danh thế giới.

Thế-giới là chỗ y-báo (chỗ cho báo thân nương) của chúng-sinh, nó là giả, không phải là thật, mà giả cũng lại là không, không có thể nhận là có thực được. Hiểu thấu được cái lẽ không với giả ấy, tức là trung-đạo, cho nên Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : ba ngàn thế-giới lớn kia, nguyên là do những

bụi nhỏ nó tích góp lại ; nay đem những thế-giới ấy nghiền ra bụi nhỏ cả, thì có nhiều không ». Ông Tu-bồ-đề thưa rằng rất nhiều. Phật còn ngại ông chấp-trước cái tướng nhiều, nên lại bảo rằng : bụi nhỏ lặn không, không có hình-tướng chân-thiết, Như-lai nói bụi nhỏ, không phải là bụi nhỏ, tạm gọi là bụi nhỏ thôi. Bụi nhỏ đã không, không có gì cả, thì cái thế-giới bởi bụi nhỏ tích góp lại kia, lẽ tất nhiên cũng là không, không có gì cả, vì thế nên Như-lai nói thế-giới tạm gọi là thế-giới đó thôi.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà ; Khả gĩ tam thập nhị tướng kiến Như-lai phủ ? Phật dã Thế-tôn ! Bất khả gĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như-lai. Hà gĩ cố ? Như-lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng.

Ba mươi hai tướng là phân chính-báo (tu nhiều sinh ra thân đẹp) của Phật Trên kia đã nói rõ cái quả-báo đề-nương (y-báo) kia đã là không, thì cái chính-báo hay-nương kia cũng không. Phạm-phu không xét kỹ, nhận 32 tướng là Phật, chấp-trước truy-cầu, càng lạc xa lắm, cho nên Phật mới đặt lời hỏi ông Tu-bồ-đề để giải-thích cho rõ. Phật hỏi ông Tu-bồ-đề rằng : Có thể coi ba mươi hai tướng mà thấy tỏ chân-tướng Như-lai không ? Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : 32 tướng là cái công-năng mẫu-nhiệm cao quý của Như-lai giáo-hóa chúng-sinh, nếu chấp là thực, thế là không thấu được cái tướng chân-thiết của mọi pháp, thành ra gặp cái gì chấp cái nấy, thì vĩnh-viễn không thấy tỏ chân-tướng Như-lai được. Sao thế ? — Vì rằng Như-lai nói 32 tướng tức không phải là 32 tướng, tức là cái tướng chân-thiết của mọi pháp, không thể nghĩ nghị được, không thể chấp lấy được, nên gọi ép là 32 tướng đó thôi.

Tu bồ-đề ! nhược hữu thiện-nam tử thiện nữ nhân gĩ hằng hà sa đẳng thân mệnh bố-thí Nhược phục hũu nhân, ư thủ kinh trung. nãi chí thụ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kì phúc thậm đa,

Bố-thí thân mạng có ba thứ : 1.) Bố-thí thân, nghĩa là lấy xác thịt mình thí cho chúng-sinh ; 2.) Bố-thí mạng, nghĩa là đem cả tính mạng thí cho chúng-sinh ; 3.) Bố-thí cả thân mạng, thứ này rất khó, ngoài sự thực nhận Kim-cương bát-nhã ra, thời không thể làm phép khỗ-hạnh ấy được ; Nếu đã hiểu thấu thì mình với kẻ khác không phải là hai, đã không thấy mình là bên thí, cũng không thấy kẻ khác là bên nhận, lại không thấy có cả cái thân mạng đã thí nữa. Minh tức là đất đai, sông núi, cây cỏ, hoa lá ; đất đai, sông núi, cây cỏ, hoa lá, tức là mình, mình tức là pháp-vương ; đất đai, sông núi, cây cỏ, hoa lá, cái gì cũng là pháp-vương cả. Vả lại chính mình đây từ vô-thủy sinh-tử trở lại, đọa làm bao thân, luân-hồi không ngơi, không biết đã là mấy ngàn vạn ức hằng hà sa số cái thân rồi, thế mà không biết y pháp mà thí cái thân mạng đi, thì vẫn phải chịu luân-hồi, không biết còn đến mấy ngàn vạn ức hằng hà sa số thân mạng chịu trầm-luân trong bể khổ nữa. Huống chi cái thân mạng này nó nguyên là vô-thường, là khỗ-không, là vô ngã (không có cái ta), hết thầy đều không tự-chủ được cả, nếu cứ tham tiếc mà không biết thí, nghiệp báo đã hết thì duyên tan, chung quy cũng không còn mãi được, vì dù có tu tiên đắc đạo, sinh vào cõi trời vô-tướng, thọ ngang trời đất, hết kiếp vẫn phải luân-hồi, làm trâu làm ngựa, làm chim làm cá, làm ma-dối, đọa địa-ngục, phải chịu biết bao nỗi khổ-báo. Vì thế cho nên Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng con người bố-thí thân mạng rất là hiếm có. Nay có thiện-nam tín-nữ xả cả thân mạng mà bố-thí, lại xả đến hằng hà sa số thân mạng mà bố-thí, thì được phúc đức rất nhiều, đến nỗi không tính xiết được nữa, nhưng vẫn còn không bằng cái phúc-đức của người đối với kinh này, thụ-tri được bốn câu kệ, lại nói cho người khác biết, lợi mình và lợi cả người, thế thì đủ biết cái phúc-đức thụ-tri kinh này là thế nào vậy. (Thụ-tri nghĩa là tin chịu vâng làm đúng như pháp ở trong kinh này).

KINH

Bấy giờ ông Tu-bồ-đề nghe nói kinh này, hiểu sâu đến nghĩa thú, sụt sùi thương khóc mà bạch Phật rằng : Đức Thế tôn thực là một vị hiếm có ở trên đời lắm thay ! Phật nói kinh điển rất thâm như thế, con đã tu được tuệ-nhãn từ xưa tới nay, chưa từng được nghe kinh nào như thế này. Lạy đức Thế-tôn ! nếu lại có người nào được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh, tức sinh ra cái tướng chân thiết, nên biết người ấy, về thành được cái công đức hiếm có thứ nhất ; bạch đức Thế-tôn ! cái tướng chân-thiết ấy, tức không phải là tướng, cho nên Như-lai mới nói là cái tướng chân-thiết. Bạch đức Thế-tôn ! nay con được nghe kinh điển thế này, tin hiểu thụ-trì, cũng không khó lắm, nếu đến cuối năm trăm năm sang đời sau này, có chúng sinh nào được nghe kinh này, tin hiểu thụ-trì, người ấy tức là người hiếm có thứ nhất. Sao thế ? — Vì rằng người ấy không còn có ngã tướng, nhân-tướng, chúng-sinh tướng, thọ-giả tướng. Bởi sao vậy ? Bởi vì ngã-tướng tức không phải là tướng thực, nhân-tướng, chúng-sinh tướng, thọ-giả tướng tức không phải là tướng thực. Cớ sao ? — Vì ly hết thầy mọi tướng, tức là chư Phật.

Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : chính như thế, chính như thế đấy ! nếu lại có người, được nghe kinh này, không kinh, không hãi, không sợ, phải

biết người ấy, rất là hiếm có. Sao thế ? Ông Tu-bồ-đề này ! Như-lai nói đệ-nhất ba-la-mật, tức không phải là đệ-nhất ba-la-mật, thế nên gọi là đệ-nhất ba-la-mật. Nay ông Tu-bồ-đề ! nhãn-nhục ba-la-mật, Như-lai nói không phải là nhãn-nhục ba-la-mật, thế nên gọi là nhãn-nhục ba-la-mật. Sao thế ? ông Tu-bồ-đề này ! Như ta xưa kia bị ông Ca-lợi-vương chém chặt thân thể, lúc đó ta tịnh không có ngã tướng, nhân tướng, chúng-sinh tướng, thọ-giả tướng. Sao thế ? — Vì xưa kia khi ta bị róc xương, phanh thây, nếu ta còn có ngã tướng, nhân tướng, chúng-sinh tướng, thọ-giả tướng, tất sinh lòng giận dữ. Ông Tu-bồ-đề ơi ! ta nhớ lại năm trăm kiếp xưa kia, ta làm nhãn-nhục tiên nhân, trong lúc đó ta cũng đã không có ngã tướng, nhân tướng, chúng-sinh tướng, thọ-giả tướng rồi. Bởi thế cho nên ông Tu-bồ-đề này ! Bồ-tát phải nên ly hết thấy mọi tướng mà phát-tâm A-lỗc đa-la tam-riêu tam-bồ-đề, không nên trụ vào sắc mà sinh tâm, không nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm, phải sinh cái tâm không trụ vào chỗ nào ; nếu tâm còn có chỗ trụ, tức không phải là trụ thật. Vì thế cho nên Phật bảo cái tâm bồ-tát, không nên trụ vào sắc mà bồ-thí. Ông Tu-bồ-đề này ! Bồ-tát vì làm lợi-ích cho hết thấy chúng-sinh, nên phải bồ-thí như thế. Như-lai nói hết thấy các tướng tức không phải là tướng thật, lại nói hết thấy chúng-sinh, tức không phải là chúng-sinh thật. Ông Tu-bồ-đề

ơi ! Lời Như-lai nói là lời nói chí chân, là lời nói đích thực là lời nói đúng với chân-như, là lời nói không dối giả, là lời nói không có khác thường ! Ông Tu-bồ-đề ơi ! cái pháp Như-lai đã được đó, không phải thực, mà cũng không hư. Nay ông Tu-bồ-đề, nếu bồ-tát làm pháp bồ-thí mà tâm còn trụ vào pháp, thì cũng như người vào chỗ tối, không còn trông thấy gì nữa : Nếu bồ-tát làm pháp bồ-thí mà tâm không trụ vào pháp, thì cũng như người đã có mắt, lại có ánh sáng mặt trời soi vào, tất thấy tỏ hết các sắc. Vậy ông Tu-bồ-đề này, sang đời sau này, nếu có thiện-nam tín-nữ nào, đối với kinh này mà thụ-trì tụng đọc được, thì Như-lai lấy trí-tuệ của Phật, biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều được thành-tựu công-đức vô lượng vô-biên.

GIẢI

XIV. LY TƯỚNG TỊCH DIỆT

(Chứng cõi rộng lạng ly hết mọi tướng)

離相寂滅分第十四

Nhĩ thời Tu-bồ-đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thể lệ bi khắp, nhi bạch Phật ngôn : Hỷ hữu Thễ-tôn ! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã tòng tích lai, sở đắc tuệ nhân, vị tăng đắc văn như thị chi kinh. Thễ-tôn ! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh, tức sinh thực tướng, đương tri thị nhân, thành tựu đệ-nhất

hỷ hữu công-đức. Thế-tôn ! Thị thực tướng giả, tức thị phi tướng, thị cố Như-lai thuyết danh thực tướng Thế tôn ! Ngã kim đắc văn như thị kinh-điển, tín giải thụ trì, bất tức vi nan, nhược đương lai thế, hậu ngũ bách tuế kì hữu chúng-sinh, đắc văn thị kinh, tín giải thụ trì, thị nhân tức vi đệ-nhất hỷ hữu Hà gĩ cố ? — Thử nhân vô ngã tướng vô nhân tướng, vô chúng-sinh tướng, vô thọ giả tướng. Sở gĩ giả hà ! — Ngã tướng tức thị phi tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ-giả tướng tức thị phi tướng Hà gĩ cố ? lý nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật.

Đoạn này nói rõ chỗ đã lĩnh-ngộ được. Bấy giờ ông Tu-bồ-đề, nghe Phật nói kinh Kim-cương bát-nhã, hiểu sâu cái nghĩa thú sâu xa, nghĩ lại đến nỗi xưa mê-mạn không ngộ nên nước mắt chan hòa, thương cảm khôn xiết mà bạch Phật rằng : Đức Thế-tôn thực là một đấng hiem có ở trên đời ! Phật nói kinh điển Kim-cương bát-nhã rất sâu xa này, con tuy đã được tuệ-nhãn từ xưa, đã hiểu thấu được chúng-sinh nguyên-lai là không, nhưng thực chưa từng được nghe kinh nào như kinh này bao giờ. Nếu lại có người được nghe kinh này, lòng tin thanh-tịnh, tức thì hiểu thấu, sinh lòng thanh-tịnh, chính-quán sáng suốt, thực tướng hiển hiện, phải biết người ấy, đã làm được cái công-đức hiem có thứ nhất. Nhưng cái tướng chân-thực ấy không phải rằng ngoài mọi tướng ra, lại còn riêng một cái tướng gọi là cái tướng chân-thực đâu ; nó tức là cái tướng của mọi phép nguyên-lai vẫn như thế, ngộ thời tỏ rõ, mê thời không tỏ rõ, nhưng cũng không thể chấp-trước được, cho nên nói rằng : cái tướng chân-thực đó tức không phải là tướng, ấy mới gọi là cái tướng chân-thực vậy. Đoạn ông lại bạch Phật rằng : Nay con được nghe kinh điển thế này, tin sâu hiểu suốt, lĩnh-thụ hành-trì, không khó cho lắm ; nếu về năm trăm năm đời sau này là cuối đời tượng-pháp, thánh

giáo xuy-đổi, chúng-sinh nghiệp nặng, nghe kinh này mà hay tin-biểu thụ-trì thì thực là khó. Nếu ở cái lúc khó làm được như thế mà lại làm được, thì người ấy tức là người hiếm có thứ nhất. Sao thế ? — Vì người ấy đã hiểu đến chỗ tuyệt-điểm của kinh này, đã thấu suốt đến bốn tướng ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả vậy. Bởi có sao ? — Bởi bốn cái tướng ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả kia, nó như trò dối, không phải là thực, tức không phải là cái tướng chân-thực, lý hẳn hết thấy các cái tướng không phải là tướng chân-thực ra, tức là hết thấy pháp. Đó tức là tới cõi không phải là tới bản, không phải là lý bản, mà đến cõi cứu-kính, tức kêu là chư Phật. Chư Phật đó tức là Kim-cương bát-nhã, tức là một cái bề đại tịch-diệt ly-tướng vậy.

Phật cáo Tu-bồ-đề như thị như thị ! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, bất kinh bất phổ bất úy, đương tri thị nhân thậm vi hy hữu Hà gi cổ ? Tu-bồ-đề Như lai thuyết đệ-nhất ba-la-mật, tức phi đệ-nhất ba la mật, thị danh đệ nhất ba-la-mật. Tu-bồ-đề nhân nhục ba-la-mật Như-lai thuyết phi nhân nhục ba la-mật, thị danh nhân-nhục ba la mật, Hà gi cổ ? Tu-bồ-đề ! như ngã tích vi Ca-lợi vương cát tiệt thân thể, ngã ư nhĩ thời, vô ngã tướng vô nhân tướng, vô chúng-sinh tướng vô thọ giả tướng Hà gi cổ ? Ngã ư vãng tích tiệt tiệt chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng-sinh tướng thọ giả tướng ưng sinh sân hân. Tu bồ đề ! hựu niệm quá khứ ư ngũ bách thể tác nhân nhục tiêu nhân, ư nhĩ sở thể, vô ngã tướng vô nhân tướng, vô chúng-sinh tướng, vô thọ-giả tướng. Thị cổ Tu-bồ-đề ! Bồ-tát ưng ly nhất thiết tướng. Phát a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề tâm. Bất ưng trụ sắc sinh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm, ưng sinh vô sở trụ tâm. Nhược tâm hữu trụ, tức vi phi trụ.

Đoạn này phần trên nói rõ thêm về chỗ ngộ hơn, phần dưới nói rõ cái nghĩa nhãn-nhục cũng ở trong bát-nhã. Đức Thế-tôn nghe ông Tu-bồ-đề khóc lóc sau khi lĩnh-hội ý-chỉ kinh rồi, ngài liền ưng cho là phải mà rằng : Chính như thế, chính như thế, chính như lời ông đã nói đó, chính là đúng không có sai nhầm một chút nào cả đó. Nếu lại có người nào được nghe cái lý bát-nhã mẫu-nhiệm của kinh này, tuy có khác với chỗ vẫn tu tập, vẫn vâng theo từ vô-thủy, mà không cho là quái lạ mà kinh, không sinh lòng yếu hèn sợ sệt, cũng không thấy hãi hùng vì sai với sự trước của mình, mà do nghe sinh tin, do tin rồi hiểu, do hiểu rồi làm ngay, nên biết người ấy, rất là hiếm có. Sao thế ? — Vì rằng trong lục-độ, chỉ có bát-nhã cai được tất cả, chỉ có bát-nhã là thứ nhất, cho nên Như-lai nói là đệ-nhất ba-la-mật. Lấy cái lý chân-thực mà nói, thì nguyên không có phép, còn có đâu mà chấp, thế nên bảo rằng đó cũng không phải là đệ-nhất ba-la-mật, nhưng sở dĩ nói là đệ-nhất ba-la-mật, là vì theo cái nghĩa thế-gian, nên tạm đặt tên là đệ-nhất ba-la-mật mà thôi. "Nhãn-nhục-bồ-thí, tri-giới, thuyến-định, tinh-tiến, nguyên là cái chỗ diệu dụng của Kim-cương bát-nhã, nếu không có Kim-cương bát-nhã, thì cũng như người lòa không có kẻ dẫn, không thể có sự diệu-dụng như thế được. Nay hãy nói về cái nghĩa nhãn-nhục ba-la-mật mà xem. Có đủ Kim-cương bát-nhã, thì người với pháp đều hết, sự với tướng đều không, nguyên đã là không, thì làm gì có **nhãn** nữa, vì thế nên Như-lai nói không phải là nhãn-nhục ba-la-mật, vì theo cái nghĩa của thế-gian, nên tạm gọi là nhãn-nhục ba-la-mật vậy. Sao biết ? — Xem như ta xưa kia bị vua Ca-lợi chém chặt thân-thể ta mà bây giờ ta vẫn thản nhiên, vì ta đây nguyên vẫn không có thì còn làm gì có cái thân thể bị chém chặt, và cũng làm gì có vua Ca-lợi chém chặt ta nữa ; thế tức là không cả bốn tướng đó , trái lại thì lúc bị róc xương sả thịt kia, tất phải sinh lòng sân hận,

Lúc đó ta không có lòng sân-hận, tức là làm được đầy-đủ cái tướng nhĩn-nhục mà tức là nhĩn nhục ba-la-mật vậy. Ta lại nghĩ lại năm trăm kiếp xưa kia, ta từng làm nhĩn-nhục tiên-nhân, bị người tàn hại, không những ta không có lòng sân-hận, lại còn phát cái tâm bồ-đề lớn mà bảo những người tàn-hại ta rằng : « Như tôi đắc-đạo, tôi sẽ độ cho các anh trước » thế là từ lúc đó ta cũng đã không cả bốn tướng ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả rồi vậy. Phật lại gọi ông Tu-bồ-đề mà bảo rằng : Bồ-tát nên ly hết thầy cái tướng hư-vọng phân-biệt hòa-hợp liền nổi đi mà phát cái tâm vô-thượng chính-đẳng chính-giác, không nên y-trụ vào lục-trần mà sinh cái tâm sai biệt, chỉ nên sinh cái tâm không có trụ vào chỗ nào ; nếu tâm còn có chỗ trụ, thì là trụ vào chỗ điên-đảo, không phải là trụ vào bát-nhã vậy.

Thị cổ Phật thuyết bồ-tát tâm, bất ưng trụ sắc bố thí. Tu bồ-đề ! bồ tát vị lợi ích nhất thiết chúng-sinh cố, ưng như thị bố thí. Như-lai thuyết nhất thiết chư tướng, tức thị phi tướng. Hựu thuyết nhất thiết chúng sinh, tức phi chúng-sinh. Tu-bồ-đề ! Như-lai thị chân ngữ giả thực ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả. Tu-bồ-đề ! Như-lai sở đắc pháp, thủ pháp vô thực vô hư. Tu-bồ-đề ! nhược bồ-tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố-thí, như nhân nhập âm, tức vô sở kiến, nhược bồ tát tâm, bất trụ pháp nhi hành bố-thí, như nhân hữu mục, nhật quang minh chiếu, kiến chủng chủng sắc.

Đoạn này là nối đoạn nhĩn-nhục mà nói rõ cái nghĩa bố-thí vô-trụ. Sở dĩ phải làm phép bố-thí vô-trụ, là vì bồ-tát muốn làm lợi ích cho hết thầy chúng-sinh, cho nên phải bố-thí mà không chấp-trước. Vả lại tất phải làm phép bố-thí không chấp-trước gì, mới hay làm lợi ích cho chúng-sinh được. Nếu làm phép bố-thí mà còn có chỗ chấp-trước, thì đã không tự-lợi được

minh mà cũng không làm lợi cho chúng được nữa vậy. Song đã nói rằng bố-thí, rằng lợi chúng, thế tức là có cái hình-tướng người và pháp rồi. Người và pháp đều không phải là thực, nên tuy làm đó mà thiết không thấy chỗ nào là làm, thế cho nên Như-lai nói rằng hết thảy các tướng tức không phải là tướng vậy. Tuy làm lợi cho chúng-sinh, mà thực không thấy có chúng-sinh nào để làm lợi cả, thế cho nên Như-lai nói hết thảy chúng-sinh, cũng không phải là chúng-sinh vậy. Đức Thế-tôn sợ chúng-sinh ngờ, không theo được đúng lời Phật tu hành, mà chấp lời nói, chấp hình-tướng, cho nên Phật lại bảo rằng : Những lời Như-lai đã nói đó, là lời nói chân-thực ; là lời nói bởi chúng được bát-nhã chân-trí mà lưu lộ ra ; là lời nói đích-thực, là bởi dùng trí mẫu-nhiệm quan-sát mọi pháp như trò đối không thực, cứ đúng cái lẽ chân-như mà nói ra ; là lời nói cùng như nhau, là vì thập-phương tam-thế chư Phật cũng nói thế cả ; không phải là lừa dối chúng-sinh mà nói, không phải là lời nói khác nhau, tuy trong đó cũng có lời nói hình như khác nhau, mà cái diệu-dụng của chân-trí như-như, thì thực không khác một chút nào. Vả lại cái đạo vô-thượng mà Phật đã chứng đó, không thực mà lại không hư. **Vô-thực** nghĩa là không thể chấp là thực được, nếu chấp là thực, thế là có chỗ chấp-trước, là thường-kiến (nhận là có thường) tức không phải đạo vậy ; **Vô-hư** nghĩa là không thể chấp là hư hão cả. Nếu chấp là hư-hão, thế là có trụ, là đoạn-kiến (thấy diệt hẳn) cũng không phải là đạo vậy. Vả lại, một đẳng trụ một đẳng vô-trụ, được hổng khác xa, nên mới bảo rằng : nếu bỏ-tát bố thí mà trụ vào pháp bố-thí, như người vào chỗ tối, tuy có mắt mà không trông thấy gì ; Nếu bỏ-tát bố-thí mà không trụ vào pháp bố-thí, cũng như người có mắt mà lại có ánh-sáng mặt trời soi tỏ, thì không hình-sắc gì là không thấy tỏ, ích lợi biết là nhường nào !

Tu-bồ-đề ! đương lai chi thế, nhược hữu thiện-nam tử thiện nữ nhân, năng ư thử kinh. thụ-trì độc tụng

tức vì Như-lai già Phật trí-tuệ, tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành-tựu vô-lượng vô-biên công-đức

Trên kia đã nói rõ cái lợi tu-hành không chấp-tướng, đây lại nói rõ rằng bồ-tát muốn được ích lợi, cần phải tri kinh, cho nên Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Về đời sau này, nếu có thiện-nam tín-nữ nào lĩnh-thụ được nghĩa kinh này, lại làm được đúng như nghĩa, đọc tụng thông thuộc, thế là người ấy đã hiểu thấu Kim-cương bát-nhã, Như-lai lấy sức chân-trí, biết rõ người ấy đã làm được cái nhân bồ-đề, lấy sức mắt Phật, thấy rõ người ấy đã chứng được quả bồ-đề, đều thành-tựu được vô-lượng vô-biên công-đức vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề ơi ! Nếu có thiện-nam tín-nữ, buổi sáng sớm bố-thí hàng hằng hà sa số thân mạng, buổi trưa lại bố-thí hàng hằng hà sa số thân mạng, buổi chiều tối cũng bố-thí hàng hằng hà sa số thân mạng, cho đến vô lượng trăm ngàn vạn ức kiếp bố-thí thân mạng như thế ; Nếu lại có người, nghe kinh điển này, lòng tin không trái, thì phúc lại hơn, huống hồ lại còn viết chép thụ-tri đọc tụng giải-thuyết cho người nghe. Vậy ông Tu-bồ-đề, nói rút lại, thì kinh này có cái công-đức vô-biên không thể nghĩ nghĩ xiết, không thể cân lường xiết, Như-lai vì bậc đại-thừa mà nói, vì bậc tối-thượng-thừa mà nói. Nếu có người nào, hay thụ-tri đọc tụng, lại nói cho nhiều người nghe, Như-lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều được thành-tựu công-đức

không thể lường được, không có bờ bến nào, không thể nghĩ nghĩ được, những người như thế, tức là người gánh vác được đạo a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề của Như-lai. Bởi có gì thế? — Ông Tu-bồ-đề này! nếu thích những pháp nhỏ mọn hay là chấp-trước ngã-kiến, nhân kiến, chúng-sinh kiến, thọ-giả kiến, thì đối với kinh này tất không nghe, chịu, đọc, tụng và giải-thuyết cho người được. Nay ông Tu-bồ-đề! chỗ nào chốn nào, nếu có kinh này, hết thầy thế-gian thiên-nhân a-tu-la đều phải cúng-dâng, phải biết chỗ ấy tức là có tháp Phật, đều nên cung-kính, làm lễ nhiều quanh, lấy những hương hoa mà tán vào đó.

GIẢI

XV TRÌ KINH CÔNG ĐỨC

(Công đức thụ trì kinh)

持經功德分第十五

Tu-bồ-đề! nhược hữu thiện-nam tử thiện-nữ nhân, sơ nhật phạn dĩ hăng hà sa đẳng thân mệnh bồ thí, trung nhật phạn phục gĩ hăng hà sa đẳng thân mệnh bồ-thí, hậu nhật phạn diệc gĩ hăng hà sa đẳng thân mệnh bồ-thí, như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp gĩ thân bồ-thí, nhược phục hữu nhân văn thử kinh diễn tín tâm bất nghịch, kỳ phúc thắng bỉ, hà huống thử tả thụ trì độc-tụng, vị nhân giải thuyết, Tu bồ-đề, gĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xúng lượng vô-biên công đức

Trước đã nói rõ công-đức tri-kinh hơn cái công-đức bố-thí hằng-hà sa số thân mạng ; đây lại nói rõ cái công-đức tri-kinh lại hơn cái công-đức bố-thí hằng-hà sa số thân mạng hàng vô-lượng trăm ngàn muôn ức kiếp. Buổi sáng sớm, buổi trưa, buổi chiều tối, là ba thời trong một ngày. Một ngày như thế, ngày ngày như thế, cho chí vô-lượng trăm ngàn vạn ức, đều đem hằng hà sa số thân ra mà bố-thí. Thời-gian lâu dài như thế, công-đức rộng lớn như thế, thế mà đem so sánh thì cái công-đức nghe kinh-điển này lòng tin không trái, cũng đã hơn công-đức kia nhiều rồi, huống chi tự mình lại viết, chép, thụ-trì, đọc, tụng, hoặc là giảng giải cho người, bảo cho viết chép thụ-trì, đọc tụng, thì phúc lại còn hơn biết là nhường nào ? Nói tóm lại thì kinh này là chúa trong các kinh, là mẹ sinh ra chư Phật, một câu một kệ đều là bát-nhã bồ-đề, nên có cái phúc-đức không thể lấy tấm lòng mà nghĩ tưởng được, lấy lời nói mà phê-bình được, không phải như vật nhẹ nặng, lớn bé, dài ngắn, rộng hẹp mà có thể cân lường được, cũng không phải là có bờ bến mà có thể hạn-lượng được. Nhưng công-đức ấy, cũng không phải là cầu ở ngoài, nó tức là tự tâm mình đã hiển-hiện ra, tuy nghĩ mà không có chỗ nào mà nghĩ được, tuy bàn mà không có chỗ nào mà bàn được, nếu cố cưỡng suy lường, tức là trước-tượng. Cái tượng đây không những các vật dài, ngắn, lớn, bé, trông thấy được mới gọi là tượng; ngay như nghĩa lý : có, không, hư, thực, động, tĩnh, nói, lặng, đều là tượng hết. Đọc sách hiểu ý, tâm tưởng-tượng đến; cũng là tượng, cho nên tư-tưởng cũng gọi là tượng nữa. Tâm nó duyên theo vật, cũng như gương soi vật, vật tới trước gương, tự nhiên thấy rõ hình-vật ở trong gương ; mà lúc vật chưa tới gương, thì trong gương cũng không có hình bóng vật. Cho nên biết hư-không tự nhiên mà không chiếu, thì vật gì cũng chiếu tỏ hết, mà cứ chiếu không hư-không tự-nhiên thì chiếu có hạn thôi. Cái công-đức của kinh này cũng thế, hễ chấp-trước hình-tượng thì chỉ có hạn, mà không chấp-

trước hình-tượng, thì vô-lượng, vô-số, vô-biên vậy.

Như-lai vị phát đại thừa giả thuyết, vị phát tối-thượng-thừa giả thuyết Nhược hữu nhân năng thụ trì độ-tung, quảng vị nhân thuyết, Như-lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành tựu bất khả lượng bất khả xúng vô hữu biên bất khả tư nghị công-đức : Như thị nhân đẳng, tức vi hạ đẳng Như-lai a-lôc đa-la tam-riêu tam-bồ-đề Hà gì cổ ? — Tu-bồ-đề ! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã-kiến nhân kiến chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính thụ độ tung vị nhân giả thuyết. Tu-bồ-đề ! tại tại sử sử nhược hữu thử kinh, nhất thiết thế-gian thiên-nhân a-tu-la, sở ưng cung dượng đương chi thử xứ, tức vi thị tháp, giai ưng cung-kính, tác lễ vi nhiều, gì chư hương hoa nhi tán kì xứ.

Đoạn này nói rõ cái lẽ kinh này là cao tốt, thì người tri-kinh này cũng cao tốt, mà cái phúc-đức của người tri-kinh đã được cũng cao tốt, cho đến chỗ nào có kinh này cũng là cao-tốt nữa. Sao vậy ? — Vì kinh này là kinh Phật nói cho người mở lòng đại-thừa, tức là nói cho bậc bồ-tát mở lòng bồ-đề tốt bậc, chứ không phải là nói cho phàm-phu và nhị-thừa nghe, là nói cho người thượng-trí thượng-căn, tối-thượng-thừa ngang với trí Phật, chứ không phải nói cho ngoại-đạo. Nếu có người nào, hay thụ-trì độ-tung để tự lợi mình, lại đem cái pháp không thể nói năng được đó, mà đặt lời phương-tiện cho người được lợi lạc, thì Như-lai lấy trí-tuệ của Phật, biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, về thành cái công-đức không thể cân lường được, không có bờ bến nào, không thể nghĩ nghĩ xiết. Những người trí-tuệ ngang với Phật như thế, mới gánh vác nổi cái nghiệp nhà vô-thượng chính-đẳng chính-giác của Như-lai đã thành-tựu, thế tức là lấy cái công-đức của Như-lai mà làm công-đức mình vậy. Nếu thích những phép nhỏ mọn, như Thanh-văn Duyên-giác, tham mến cái thú hữu-dư

niết-bàn, không hay bỏ nhỏ làm lớn, tự mình còn thấy có pháp nọ pháp kia, thì đối với kinh này, tất nhiên là không thụ trì đọc tụng và giảng diễn cho người nghe được ; còn những hạng ngoại-đạo phàm-phu vì chấp-trước cái kiến, ngã, nhân, chúng-sinh thọ giả, tuy có mầm lành, nhưng phần thì vì tham cầu sự phú-quý thọ-khảo của thế-gian ; Phần thì mong cầu những sự lợi-lộc yên-vui ; Phần thì muốn tiêu-diệt hết thầy mọi sự phiền-não hiện-tại, để cầu một cõi định ; Phần thì cho thân thể là cái bấu mà muốn sả thân thành không ; Phần thì cho mỗi nghĩ là cái bấu mà tu vào cõi định vô-tưởng ; Phần thì muốn cầu làm thần-tiên mà sinh lên trời ; Cũng có một phần hiền đạo Phật mà chỉ cầu sau này được một thiện-quả, những người như thế, đều không có thể thụ-tri đọc tụng kinh này và diễn giải cho người nghe được. Nếu thụ-tri được kinh này, tức là người gánh vác được Phật pháp. Kinh đã cao quý, cho nên người trì-kinh cũng cao quý, mà đến những chốn có kinh cũng thế nữa. Bất cứ là nơi nào chốn nào, hề có kinh này thì hết thầy thế-gian thiên-nhân a-tu-la và tám bộ, đều biết chốn ấy tức là có tháp thờ Phật, đều phải làm lễ nhiễu quanh, đều lấy hương hoa mà rắc khắp chỗ ấy, để mà cúng-dâng, đó là kinh ở chốn nào, thì chốn ấy cao quý vậy, xem thế đủ biết kinh này quý-trọng biết là nhường nào !

KINH

Lại nữa, ông Tu-bồ-đề này ! Nếu thiện-nam tín nữ nào, thụ-tri đọc-tụng kinh này, nhược bằng lại bị người khinh rẻ, thế là tội-nghiệp kiếp trước của người ấy, đáng phải đọa vào ác-đạo, nhân bây giờ bị người đời khinh rẻ, mà tội nghiệp kiếp trước, liền tiêu diệt ngay, và sẽ được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề nữa. Ông Tu-bồ-đề ơi ! ta nhớ lại vô-lượng a-tăng-ki kiếp xưa kia, ta tu

ở trước cửa đức Phật Nhiên-đăng, được gặp tám trăm bốn ngàn vạn ức na-do-tha chư Phật, ta đều cúng dàng hầu hạ, không bỏ qua một vị nào ; Nếu lại có người, ở đời sau này, mà hay thụ-tri đọc tụng được kinh này, thì được công-đức, so-sánh thời cái công-đức cúng-dàng chư Phật trăm phần không bằng một, nghìn muôn ức phần, cho chí số tính thí-dụ cũng không bì kịp. Ông Tu-bồ-đề ơi ! nếu ở đời sau này mà có thiện-nam tin-nữ nào, thụ-tri đọc-tụng được kinh này, thì được công-đức vô cùng, nếu nói hết ra, có khi có người nghe đến, tâm liền cuồng loạn, hồ nghi không tin. Ông Tu-bồ-đề ơi ! ông nên biết cái nghĩa của kinh này không thể nghĩ nghĩ được, mà cái quả-báo của kinh này cũng không thể nghĩ nghĩ được.

GIẢI

XVI NĂNG TỊNH NGHIỆP CHƯỚNG

(Kinh này hay tiêu sạch nghiệp chướng)

能淨業障分第十六

Phục thứ Tu-bồ-đề, Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thụ trì đọc tụng thử kinh, nhược vi nhân khinh tiện, thị nhân tiên thể tội nghiệp, ưng đọa ác đạo, gī kim thể nhân khinh tiện cố, tiên thể tội nghiệp, tức vi tiêu diệt, đương đắc a-lỗc đa-la tam riểu tam-bồ-đề.

Đoạn này nói rõ cái công trì-kinh tiêu được tội-chướng. Chướng có ba thứ : 1) Phiền-não chướng, tức là những sự tham, sân, si, kiêu-mạn, ngờ vực v. v. ; 2.) Nghiệp-chướng : tức là tâm không tự-tại, điên-đảo vọng-động ; 2.) Báo-chướng : như con chim thì bị nghiệp-báo chỉ biết bay không biết lội, con cá chỉ biết lội không biết bay, người bị nghiệp-báo của người, không bay được cũng không lội được. Chướng như dơ bẩn vậy. Phần hay làm cho sạch dơ bẩn ấy là Kim-cương bát-nhã, phần phải chịu làm sạch ấy, tức là dơ bẩn ; Nghiệp-chướng cũng như sương móc, kinh này cũng như vừng tuệ nhật (mặt trời sáng) Tuệ nhật lòi ra, thì sương móc tan hết. Thiện-nam tín-nữ, thụ-trì độc-tụng kinh này, đáng lẽ được người tôn-trọng mới phải, nay lại bị người khinh rẻ, thế là cái tội-nghiệp kiếp trước của người ấy, đáng phải đọa vào ba ngạ ác địa-ngục ngã-quỷ súc-sinh, nhân bị người đời này khinh rẻ mà tội-nghiệp kiếp trước, liền tiêu-diệt ngay, lại sẽ chứng được a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề vậy.

Tu-bồ-đề ! ngã niệm quá-khứ, vô lượng a-tăng-kì kiếp, ư Nhiên đấng Phật tiền, đắc trí bát bách tứ thiên vạn ức na-do tha chư Phật tất giai cung dưỡng thừa sự, vô không quá giả ; Nhược phục hữu nhân ư hậu mạng thể năng thụ-trì độc tụng thử kinh, sở đắc công-đức, ư ngã sở cung dưỡng chư Phật công-đức bách phạt bất cập nhất, thiên vạn ức phạt, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập

Đoạn này nói rõ công-đức trì-kinh, hơn cả cái công-đức Như-lai cúng Phật kiếp trước. Đức Thế-tôn nói rằng : Ta nhớ vô lượng a-tăng-kiếp xưa kia, tu ở trước cửa Phật Nhiên-đăng được gặp chư Phật nhiều tới tám trăm bốn nghìn vạn ức na-do-tha, ta đều cúng-dâng hầu hạ hết, không có bỏ qua một vị nào, nói về phần phúc-đức, như thế cố-nhiên là nhiều rồi, nhưng

nếu lại có người, ở đời cuối cùng sau này mà hay thụ-trì kinh này, thì được công-đức so với cái công-đức cúng-dàng chư Phật của ta, thì trong trăm ngàn vạn ức phần, ta không bằng một phần, cho chí không bằng một phần trong phần số-tính, thí-dụ cũng không xiết của người ấy kia Sao thế ? — Vì rằng cúng Phật là cái công-đức còn có vi mà làm (hữu vi) còn có cầu được (hữu đắc) không thể mau tới được bồ-đề, nên không bằng công-đức tự-lợi lợi-tha của người trì-kinh, là cái công-đức không vi gì mà làm (vô vi) là không cầu được gì (vô-đắc) nó khiến cho mau được đạo vô-thượng bồ-đề vậy.

Tu-bồ đề ! Nhượng thiện-nam tử, thiện nữ nhân ư hậu mạt thế, hữu thụ trì độc tụng thử kinh, sở đắc công-đức, ngã nhượng cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn, tâm tức cuồng loạn, hồ nghi bất tín. Tu bồ đề ! đương trì thị kinh nghĩa, bất khả tư nghị quả báo diệc bất khả tư nghị.

Đây là nói rõ cái công-đức trì-kinh vô-lượng, trên kia đã so sánh đến năm lần, vẫn còn chưa đủ, nên Phật lại nói rằng : Nếu có thiện-nam tín-nữ nào, ở đời cuối cùng sau này, mà hay thụ-trì độc-tụng kinh này, được công-đức vô-lượng vô-số, khó lấy lời nói mà hình-dung ra hết được, nếu ta nói tả tót cho rõ hết từng ly từng tý, e rằng có người nghe thấy, tâm liền cuồng loạn, ngờ vực không tin, thế nên ta mới không nói cho đủ hết vậy. Vì sao mà có người ngờ vực không tin ? — Đó là vì không hiểu thấu nghĩa kinh này ; nếu hiểu thấu được nghĩa kinh này là không thể nghĩ không thể bàn được, thì cái quả-báo của người trì-kinh được hưởng, lẽ tất nhiên cũng không thể nghĩ không thể bàn xiết được, như thế thì còn có ngờ-vực chi nữa ru ?

KINH

Bấy giờ ông Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế-tôn ! thiện-nam tín-nữ, phát tâm cầu đạo a-lốc đa

la tam-riều tam-bồ-đề, thì nên an-trụ cái tâm thế nào, nên hàng phục cái tâm như thế nào ?

Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Thiện-nam tín-nữ, phát tâm a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, nên sinh cái tâm như thế này : « Ta phải diệt-độ hết thầy chúng-sinh, diệt-độ hết thầy chúng-sinh rồi mà không có một chúng-sinh nào thực diệt-độ cả. Bởi có sao thế ? Ông Tu-bồ-đề này ! nếu bồ-tát mà còn có ngã-tướng, nhân-tướng chúng-sinh tướng, thọ-giả tướng, tức không phải là bồ-tát. Bởi có sao thế ? Ông Tu-bồ-đề này ! thực không có pháp gì để phát cái tâm a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề cả Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : Như-lai ta ở chỗ đức Phật Nhiên-đăng, có pháp gì được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề không ?

Bạch đức Thế tôn ! không ạ... cứ như ý con đã hiểu lời Phật nói, thì Phật ở chỗ đức Phật Nhiên-đăng, không có pháp gì được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề cả.

Phật nói : như thế đó, chính như thế đó, này ông Tu-bồ-đề ! thực không có pháp gì khiến cho Như-lai được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề cả. Này ông Tu-bồ-đề ! nếu có pháp gì khiến cho Như-lai được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, thì đức Phật Nhiên-đăng đã không thụ-kí cho ta rằng : « Sang đời sau này, ông sẽ được thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni » ; Vì thực không có pháp gì khiến cho ta được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, cho nên đức Phật

Nhiên-đăng mới thụ-kí cho ta mà nói thế này : « Sang đời sau này, ông sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni ». Bởi có sao thế ? vì Như-lai đó tức là cái nghĩa như-như của mọi pháp. Nếu có người nào nói rằng : Như-lai được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, thì ông Tu-bồ-đề này ! Thực không có pháp gì khiến cho Phật được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề đâu. Ông Tu-bồ-đề ! Cái đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề mà Như-lai đã được đó, ở trong đó không thực cũng không hư, vì thế cho nên Như-lai nói hết thầy pháp đều là Phật pháp. Ông Tu-bồ-đề ơi ! cái mà ta nói là hết thầy pháp đó tức không phải là hết thầy pháp, vì thế cho nên gọi là hết thầy pháp. Ông Tu-bồ-đề ơi ! lẽ đó cũng ví như thân người giải lớn.

Ông Tu-bồ-đề thưa rằng : Bạch đức Thế-tôn ! Như-lai ngài nói cái thân người giải lớn đó, tức không phải là cái thân lớn, thế nên gọi là cái thân lớn.

Này ông Tu-bồ-đề ! bồ-tát cũng như thế đó. Nếu bồ-tát lại nói thế này : ta sẽ diệt-độ cho vô-lượng chúng-sinh, thế tức không thể gọi là bồ-tát được. Sao thế ? Ông Tu-bồ-đề này, thực không có pháp gì gọi là bồ-tát, vì thế cho nên Phật nói hết thầy pháp, không ngã, không nhân, không chúng-sinh, không thọ-giả. Này ông Tu-bồ-đề, nếu bồ-tát nói thế này : ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, thế thì không gọi là Bồ-tát được. Sao thế ? — Vì Như-lai nói trang-nghiêm cõi Phật,

tức không phải là trang-nghiêm thể nên gọi là trang-nghiêm, ông Tu-bồ-đề này ! Bồ-tát hiểu suốt đến pháp vô ngã ấy. Như-lai mới nói là chánh-đang bồ-tát.

GIẢI

XVII CỨU KÍNH VÔ NGÃ

(Xét đến chỗ cùng tột không có gì là ta cả)

究竟無我分第十七

Nhĩ thời Tu bồ-đề bạch Phật ngôn : Thễ-tôn ! Thiện nam tử thiện nữ' nhân, phát a-lỗc đa-la tam-riều tam bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kì tâm ? Phật cáo Tu-bồ-đề ! Thiện nam tử thiện nữ' nhân, phát a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề tâm giả đương sinh như thị tâm : Ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sinh, diệt độ nhất thiết chúng-sinh già, nhi vô hữu nhất chúng-sinh thực diệt độ giả. Hà già cổ ? Tu-bồ-đề ! Nhược bồ-tát hữu ngã tướng nhân tướng chúng sinh tướng thọ-giả tướng, tức phi bồ-tát, Sở già giả hà ? Tu-bồ-đề, thực vô hữu pháp phát a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề tâm giả.

Đoạn này là lời ông Tu-bồ-đề hỏi lại để kết thúc tất cả những nghĩa đã nói ở trên kia. ông hỏi rằng : Thiện-nam tín-nữ, làm thế nào mà phát bồ-đề-tâm và yên-trụ cái tâm cùng hàng-phục cái tâm ? Phật bảo rằng : nên sinh cái tâm diệt-độ hết thấy chúng-sinh, diệt-độ hết thấy chúng-sinh rồi, phải biết những chúng-sinh ta đã độ, đều do tự-tính tự-độ, mà không có một chúng-sinh nào thực diệt-độ cả ; Nếu bảo rằng : ta hay độ được chúng-sinh, thế là chấp-trước ngã-kiến, có chúng-sinh để ta độ, thế là chấp-trước chúng-sinh-kiến ; có

ngã-kiến chúng-sinh-kiến, tức là có cả nhân-kiến và thọ-giả-kiến, như thế thì không phải là bồ-tát rồi. Sao vậy ? — Vì rằng thiết không có pháp gì để phát bồ-đề-tâm cả, nếu có pháp gì để phát bồ-đề-tâm, thì còn có nơi năng-độ (ta) nơi sở-độ (chúng-sinh), có cả bốn phần ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả. Nay đã không thấy có pháp gì để phát bồ-đề-tâm, thì tự-nhiên không có phần năng-độ và sở-độ và bốn phần ngã, nhân, chúng-sinh thọ-giả nữa vậy.

Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà ? Như-lai ư Nhiên-đăng Phật sở, hữu pháp đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề phủ ? — Phất già Thễ-tôn ! Như ngã giả Phật sở thuyết nghĩa. Phật ư Nhiên-đăng Phật sở, vô hữu pháp đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề. Phật ngôn : Như thị như thị ! Tu-bồ-đề, thực vô hữu pháp Như-lai đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề Tu-bồ-đề ! nhược hữu pháp Như-lai đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề giả. Nhiên-đăng Phật tắc bất giữ ngã thụ kí : Nhữ ư lai thễ, đương đắc tác Phật, hiệu Thích ca mâu-ni. Gĩ thực vô hữu pháp đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, thị cố Nhiên-đăng Phật giữ ngã thụ-kí, tác thị ngôn Nhữ ư lai thễ, đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca mâu-ni. Hà gĩ cố ? Như-lai giả tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữu nhân ngôn : Như-lai đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề Tu-bồ-đề ! thực vô hữu pháp, Phật đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề Tu bồ đề ! Như lai sở đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề ư thị trung vô thực vô hư.

Đoạn này nói rõ đã không có cái nhân phát tâm, cũng không có cái quả thụ-ký, để xét cho cùng (cứu kíuh) cái nghĩa vô-ngã vậy. Xét xem đại-thể Phật pháp, không ngoài bốn sự giáo-lý hành quả. Sự hay làm cho sáng tỏ tức là giáo, chỗ sáng

đó tức là lý, rõ lý tu-hành đến cái chỗ do công tu-hành thực tế mà chứng được tức là quả. Tự tu-hành lấy mình cũng ở đó, giáo-hóa kẻ khác cũng ở đó, cho nên lục-độ vạn-hạnh không pháp nào không lạ cái chỗ diệu-dụng của giáo, lý, hành, quả, nhưng mà không thể chấp lấy có chỗ nói năng một mảy may nào được, nếu còn có chỗ chấp lấy, có chỗ nói năng, thì không phải là Kim-cương bát-nhã, không phải là cái tướng chân-thật của mọi pháp, không thể gọi là Phật được, cũng không có thể gọi là bồ-tát được, cho nên đức Thế-tôn ngài hỏi ông Tu-bồ-đề rằng : Như-lai ở chỗ đức Phật Nhiên-đăng có pháp gì mà được đạo a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề không ? Ông Tu-bồ-đề đáp rằng : Không, Ngài liền ấn-định cho rằng, như thế, chính như thế đó, Như-lai thực không có pháp gì được đạo bồ-đề, nếu có pháp gì cho Như-lai được đạo bồ-đề, thì tâm còn thấy chỗ có, không thể gọi là Như-lai được, mà Phật Nhiên-đăng cũng không thể thụ-ký được cho ta rằng : « Sang đời sau này, ông sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca mâu-ny » ; Vì thấu rõ thực không có pháp gì được đạo bồ-đề, thì không có ngã-kiến, cũng không có bồ-đề-kiến, (thấy có đạo bồ-đề) cho nên Phật Nhiên-đăng mới thụ-ký cho ta rằng : Sang đời sau này sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca mâu-ny vậy. Thế thời cái chỗ Phật đã được kia có lẽ cũng như lông rùa sừng thỏ là sự không hão ư ? Xin thưa rằng : Không phải thế. Sao vậy ? — Vì rằng Như-lai tức là cái nghĩa đúng như chân như, lặng yên bất-động là cái nghĩa bình-đẳng không sai khác ; không thiên về hai bên, cũng không trụ ở giữa, làm mà không thấy cái gì là làm ; được mà không thấy cái gì là được, cho nên mới gọi là Như-lai. Nếu có người nào nói rằng Như-lai được đạo bồ-đề, thế là người ấy chấp-trước nhân, pháp, ngã-kiến rồi, thực ra thì không có Phật nào là hay tu được đạo và có đạo bồ-đề nào là đã tu được vậy. Sao thế ? Vì rằng được mà không phải là được, nên không thể nói là thực được ; không phải là được, mà vẫn được, nên không thể nói là hư

được, vì thế nên nói rằng cái đạo bồ-đề Như-lai đã được kia không thực cũng hư vậy.

Thị cổ Như lai thuyết nhất thiết pháp giả, giai thị Phật pháp Tu-bồ-đề ! Sở ngôn nhất thiết pháp giả, tức phi nhất thiết pháp, thị cổ danh nhất thiết pháp Tu-bồ-đề ! thí như nhân thân trưởng đại Tu-bồ-đề ngôn : Như-lai thuyết nhân thân trưởng đại, tức vi phi đại thân, thị danh đại thân.

Trên kia đã nói rõ mọi phép đều như chân-như, nên gọi là Như-lai, cho nên hết thầy pháp đều như chân-như tức là Như lai ; cho nên biết hết thầy pháp đều là Phật-pháp vậy. Song cái pháp đã nói là hết thầy pháp kia, không phải là cái pháp hết thầy đều điên-đảo, tức là hết thầy pháp đều như chân-như, cho nên mới gọi là hết thầy pháp vậy. Đức Thế-tôn nói rằng : Ví như thân người giải lớn, là nói thân người không thực, không hư, là nói pháp thân không phải là có không phải là không vậy. Ông Tu-bồ-đề liền bạch rằng : Như-lai nói cái thân người giải lớn khắp hết mọi nơi, đủ hết thầy công-đức đó là vì chúng-sinh mà tán thán là to, chứ không phải thân Như-lai có to có nhỏ có khắp cùng không khắp đâu, vả lại cũng không có tướng thân lớn chân-thật có thể chấp-trước được, cho nên nói rằng tức không phải là thân to lớn, ấy là cái thân to lớn khắp hết mọi nơi vậy.

Tu-bồ-đề ! bồ tát diệt như thị. Nhược tác thị ngôn : ngã đương diệt độ chúng-sinh, tức bất danh bồ-tát Hà gì cổ ? Tu-bồ-đề ! Thực vô hỷ pháp danh vi bồ-tát, thị cổ Phật thuyết nhất thiết pháp vô ngã vô nhân vô chúng-sinh, vô thọ-giả Tu-bồ-đề ! Nhược bồ tát tác thị ngôn : ngã đương trang-nghiêm Phật độ, thị bất danh bồ-tát. Hà gì cổ ? — Như-lai thuyết trang-nghiêm Phật độ giả, tức phi trang-nghiêm, thị danh trang-nghiêm. Tu-bồ-đề ! nhược bồ-tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như-lai thuyết danh chân thị bồ tát.

Trên kia đã nói rõ Phật không có pháp phát bồ-đề tâm, đây là nói rõ cũng không có pháp gì gọi là Bồ-tát, cho nên đức Thế-tôn nói rằng : Không những phép Phật không có như thế, mà phép bồ-tát cũng không có như thế, nếu bồ-tát nói thế này : « Ta sẽ độ chúng-sinh », thế là còn có thấy có (hữu kiến) thế là không gọi là bồ-tát được. Sao thế ? — Vì rằng thực không có pháp gì gọi là bồ-tát, cho nên Phật bảo hết thầy pháp, không có ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả ; Nếu bồ-tát nói thế này : « Ta sẽ trang-nghiêm cõi Phật », thế là không gọi là bồ-tát được. Sao thế ? — Vì sự trang-nghiêm không thể chấp lấy, không thể nói năng được, cõi Phật không thể chấp lấy được, cũng không thể nói năng được, mà Như-lai sở dĩ nói sự trang-nghiêm cõi Phật đó, là không có cái hình-tướng trang nghiêm, cũng không có cái hình-tướng cõi Phật, cho nên bảo rằng tức không phải là trang-nghiêm cõi Phật, thế nên gọi là trang-nghiêm cõi Phật vậy. Nếu bồ-tát hiểu thấu cái lẽ không nhân không ngã, hiểu thấu cái lẽ không có pháp, không gì không là pháp, như như bất-động, lắng trong thường lặng, thế thời mới gọi là thiệt là bồ-tát, có trí-tuệ ngang với Phật vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : Như-lai có nhục nhãn (mắt thịt) không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! như thế, Như-lai có nhục nhãn.

Ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : Như-lai có thiên nhãn không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! như thế, Như-lai có thiên nhãn.

Ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : Như-lai có tuệ nhãn không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! như thế, Như-lai có tuệ-nhãn.

Ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : Như-lai có pháp-nhãn không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! như thế, Như-lai có pháp-nhãn.

Ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : Như-lai có Phật-nhãn không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! như thế, Như-lai có Phật-nhãn.

Vậy ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : như cát sông Hằng kia, Như-lai có bảo là cát không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! như thế, Như-lai bảo là cát.

Ông Tu-bồ-đề ! cứ như ý ông : mỗi một hạt cát của sông Hằng này là một sông Hằng, bây giờ lại có những thế-giới Phật như số cát trong các sông Hằng kia, như thế có là nhiều không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! rất nhiều ạ.

Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Có bao nhiêu cái tâm của các chúng-sinh ở trong những đất nước đó, Như-lai đều biết hết. Sao thế ? — Vì Như-lai nói những cái tâm đó đều không phải là tâm, ấy mới gọi là tâm. Bởi cơ sao thế ? Ông Tu-bồ-đề này ! Tìm cái tâm quá khứ không thể được, tìm cái tâm hiện-tại không thể được, tìm cái tâm vị-lai không thể được.

GIẢI

XVIII NHẤT THỂ ĐỒNG QUAN

(Tôi chỗ một thể thì cùng thấy tỏ như nhau)

一體同觀分第十八

Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà ? Như-lai hữu nhục-nhãn phủ ? — Như thị Thế-tôn Như-lai hữu nhục-nhãn. Tu

**bồ-đề ! ư ý vân hà : Như-lai hữu thiên nhân phủ ?
— Như thị Thế-tôn ! Như-lai hữu thiên nhân Tu-bồ-
bồ-đề ! ư ý vân hà ? Như-lai hữu tuệ nhân phủ ? —
Như thị Thế-tôn ! Như-lai hữu tuệ nhân. Tu-bồ-đề, ư
ý vân hà, Như-lai hữu pháp nhân phủ ? Như thị Thế-
tôn ! Như-lai hữu pháp nhân Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà :
Như-lai hữu Phật nhân phủ ? -- Như thị Thế tôn !
Như lai hữu Phật nhân**

Từ đoạn này trở xuống là nói về quả. Trong Kim-cương bát
nhã này bao quát cả giáo, lý, hành, quả : Năm phận trên nhất
là nói về lý, từ phận sáu trở xuống là nói rõ về sự tức là
hành. Kinh-diễn tức là giáo, mà những chỗ kinh-giáo giải rõ
ra tức là lý-hành ; Phận thứ 17 do giáo-ly hành-đạo vô-ngã,
tổng kết từ bồ-tát đến Phật, tự làm giáo, lý, hành, quả đã
chu, thì cái nhân-quả giáo-hóa kẻ khác cũng thế, vật với ta
hồn nhiều nhất thể, cùng thấy tỏ như nhau, không có khác gì,
vì thế cho nên phận này gọi là phận nhất-thể đồng-quán vậy.
Trên kia đã thường nói rõ cái lý vô-đắc vô-kiến (không thấy
được gì) không phải là không có mắt mà không thấy đâu, cho
nên Phật mới hỏi ông Tu-bồ-đề rằng : Như-lai có năm mắt
không ? ông Tu-bồ-đề đáp rằng : Như-lai có năm mắt. Nhục-nhãn
tức là con mắt thịt của phàm-phu, phạm-vi rất hẹp, lấy một tờ
giấy che lên cũng không thấy nữa rồi ; Thiên-nhãn, tức là con
mắt của người cõi thiên, có cái năng lực trông xa, trông suốt
cả chỗ ngăn lấp ; Tuệ-nhãn, tức là con mắt tu chứng Thanh-
văn Duyên-giác mới có, có con mắt tuệ mới chiếu tỏ chúng-
sinh đều là không, đều là do tứ-đại ngũ-ấm giả hợp, như bóng
trong gương, như trăng dưới nước, chính thán ông Tu-bồ-đề
đã có đủ những trí-tuệ ấy rồi vậy ; Pháp-nhãn, tức là con
mắt tu chứng bồ-tát mới có. Có con mắt pháp, không những
thấu suốt nhân, ngã, chúng-sinh là không, mà cũng thấu suốt
mọi pháp đều duyên-sinh, không có tự-tính, hết thầy tức là
một, một tức là hết thầy, vận dùng không trở ngại gì nữa ;

Phật nhãn tức là con mắt chứng tới cõi Phật mới có đủ vậy, là đã chứng được vô-thượng chính-đẳng chính-giác, thông suốt hết thấy chúng-sinh, hết thấy pháp của thế-gian và xuất thế-gian, cái trí mầu-nhiệm ấy, năm mắt đều đủ cả. Bồ-tát được bốn mắt, La-hán tuy đủ cả ba mắt, mà không thể trong một sát-na (một thời-gian ngắn nhất) đều xem cả ba cảnh ; Nhị-thừa tuy có thông, cũng còn có ngại, phạm-phu thì toàn ngại không thông, Phật thì trong một sát-na thấy được cảnh-giới của nhân, thiên, La-hán, Bồ-tát đã thấy, cứu-kinh thanh-tịnh, viên-mãn pháp-giới, không chướng không ngại, không thiếu không thừa, tức là con mắt đã thấy cả hình-tượng và công-dụng của mọi pháp vậy. Nhưng xét đến chỗ chân-thật thì cái thể nhất-định, cái tướng nhất-định, công-dụng nhất-định, đều không thể được cả vậy.

Tu-bồ-đề ! ư'ý vân hà : Như hằng hà trung sở hữu sa Phật thuyết thị sa phủ ? Như thị Thế-tôn ! Như-lai thuyết thị sa Tu-bồ-đề ! ư'ý vân hà : như nhất hằng hà trung sở hữu sa. hữu như thị sa đẳng hằng hà, thị chư hằng hà sở hữu sa sở Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ ? Thậm đa Thế tôn ? **Phật cáo Tu-bồ-đề : Nhĩ sở quốc độ trung sở hữu chúng-sinh nhược can chủng tâm, Như-lai tất tri. Hà gi'cổ ? Như-lai thuyết chu' tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm Sở gi' giả hà ?** Tu-bồ-đề ! quá khứ tâm bất khả đắc hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.

Đoạn này nói rõ cái cảnh của con mắt đã coi thấy. Đức Thế tôn hỏi rằng : Tính mỗi hạt cát sông Hằng là một sông Hằng thì những thế-giới Phật bằng số cát của những sông Hằng kia, có là nhiều không ? Ông Tu-bồ-đề thưa rằng rất nhiều. Đức Thế tôn bảo rằng : Không những Như-lai thấy hết biết hết các đất nước trong bao nhiêu thế-giới Phật như thế, mà biết cả bao thứ tâm của chúng-sinh trong các đất nước ở các thế-giới Phật như thế, người ta khó lòng biết được, mà Như-lai cũng biết

hết. Sao thế ? Vì rằng Phật chứng được tha-tâm-thông, được tha-tâm-thông thì hay biết hết các thứ tâm của chúng-sinh. Vì tâm không có hai tâm, cái tâm không hai ấy, đều là cái tâm của hết thầy chúng-sinh trong hết thầy thế-giới. Vả lại cái tâm của chúng-sinh mà Như-lai đã biết kia, đều chỉ ở trong sự hành-động điên-đảo, đều không phải là tâm, ấy mới gọi là tâm vậy. Sao thế ? — Vì rằng tâm nó bao-hàm cả không gian, không hình không tích, không thể nói là có, cũng không thể nói là không. Tới chỗ thời-gian mà phân-biệt thì nó là giả-lập (tạm đặt) cái tâm quá-khứ đã qua rồi thời tìm cái tâm quá-khứ không thể được ; Cái tâm hiện-tại không thể dừng, thời tìm cái tâm hiện-tại không thể được ; Cái tâm vị-lai chưa tới, thời tìm cái tâm vị-lai, cũng không thể được. Cái tâm quá-khứ hiện-tại vị-lai, đều không thể tìm được, thì đủ rõ là giả-lập chứ không phải là có thực rồi. Chúng-sinh không xét, lấy không làm có, thành ra biết bao sự điên-đảo, thế nên bảo rằng hết thầy tâm đều không phải là cái tâm, ấy mới gọi là tâm vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : nếu có người đem đồ thất-bảo đầy cả ba ngàn thế-giới lớn mà bố-thí, người ấy làm nhân-duyên thế, có được nhiều phúc không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! như thế, người đó nhờ nhân duyên ấy, được phúc rất nhiều.

Này ông Tu-bồ-đề, nếu phúc đức có thực, thì Như-lai không nói rằng được phúc-đức nhiều, chỉ vì phúc đức là không có, nên Như-lai mới nói là được phúc-đức nhiều.

GIẢI

XIX PHÁP GIỚI THÔNG HÓA

(Pháp giới trong tâm thông hóa vô cùng)

法界通化分第十九

Tu-bồ đề ! ư ý vân hà : Nhược hữu nhân mãn tam thiên đại thiên thế-giới thất-bảo, gī dụng bồ-thí, thị nhân dĩ thị nhân duyên đắc phúc đa phủ ? — Như thị Thế-tôn ! thử nhân gī thị nhân duyên đắc phúc thậm đa. Tu-bồ đề ! Nhược phúc-đức hữu thực, Như lai bất thuyết đắc phúc-đức đa, gī phúc-đức vô cố, Như-lai thuyết phúc đức đa.

Đoạn này nói rõ cái lẽ phúc-đức không có thực, được hay không được bình-đẳng, cho nên Phật hỏi ông Tu-bồ-đề rằng : Nếu có người nào đem đồ thất-bảo đầy cả ba ngàn thế-giới lớn mà bồ-thí, mà không chấp-trước ba cái tướng : Người thí, người thụ và của thí, thì người ấy nhờ nhân-duyên ấy có được nhiều phúc không ? Ông Tu-bồ-đề đáp rằng người ấy được phúc rất nhiều. Đức Thế-tôn lại bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Nếu phúc-đức có thực, ấy tức là cái phúc-đức còn chấp có chỗ được, Như-lai không cho là được nhiều phúc-đức ; Vì phúc-đức là không, ấy tức là cái phúc-đức không chấp là được, cho nên Như-lai cho là được nhiều phúc-đức vậy. Cái phúc-đức không chấp là được (vô-sở-đắc) ấy, không bởi chỗ có được mà sinh ra, cũng không bởi chỗ không được mà sinh ra, được với không được bằng-đẳng, cho nên mới là vô-sở-đắc, cho nên mới là được nhiều phúc-đức vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : có thể lấy cái sắc-thân đầy đủ mà thấy Phật được không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! không ạ ! không thể lấy cái sắc-thân đầy đủ mà thấy Như-lai được. Bởi có gì vậy?

— Vì rằng Như-lai nói cái sắc-thân đầy đủ kia, tức không phải là cái sắc-thân đầy đủ, ấy mới là cái sắc-thân đầy đủ.

Vậy ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : có thể lấy mọi tướng tốt đẹp đầy đủ mà thấy Như-lai không?

— Bạch đức Thế-tôn ! không ạ. không thể lấy mọi tướng tốt đẹp đầy đủ mà thấy Như-lai được. Bởi có gì vậy ? — Vì rằng Như-lai nói mọi tướng tốt đẹp đầy đủ ấy, tức không phải là đầy đủ, ấy mới là mọi tướng tốt đẹp đầy đủ.

GIẢI

XX LY SẮC LY TƯỚNG

(Lìa cả hình sắc và hình tướng)

離 色 離 相 分 第 二 十

Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà : Phật khả gi cù túc sắc-thân kiến phủ ? Phật già Thế-tôn. Như-lai bất ưng gi cù túc sắc thân kiến. Hà gi cổ ? — Như-lai thuyết cù túc sắc thân, tức phi cù túc sắc thân. thị danh cù túc sắc thân. Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà ? Như-lai khả gi cù túc chư tướng kiến phủ ? — Phật già Thế-tôn Như-lai bất ưng gi cù túc chư tướng kiến. Hà gi cổ ? — Như-lai thuyết chư tướng cù túc, tức phi cù túc, thị danh chư tướng cù túc.

Sắc-thân tức là cái thân có hình sắc có thể trông thấy được, tức là chỉ vào cái thân 32 tướng 80 vẻ đẹp vậy. Cái thân ấy cũng gọi là **báo-thân**, là do phúc báo mà được. **Chư-tướng**

tức là hóa thân, có hàng trăm ngàn vạn ức hình-tướng biến-hóa khôn lường, thân ấy lại gọi là ứng-thân, nghĩa là lấy thân thông diệu-dụng, tùy theo căn cơ chúng-sinh hiển hiện mà thi hành mọi phép giáo hóa đó. **Cụ tức** nghĩa là đủ hết hình-tướng tốt đẹp vậy. Đoạn này là nói rõ báo-thân hóa-thân cùng pháp-thân không phải là tới hẳn không phải là lìa hẳn. Đức Thế-tôn hỏi ông Tu-bồ-đề rằng : Có thể lấy cái hình-tướng sắc thân tốt đẹp kia mà thấy cái pháp-thân của Phật không ? Ông Tu-bồ-đề đáp rằng không. Cái pháp-thân của Như-lai, không thể lấy hình-tướng sắc-thân tốt đẹp kia mà thấy được. Sao thế ? Vì rằng Như-lai nói cái hình-tướng sắc-thân tốt đẹp kia, tuy không lìa hẳn pháp-thân, nhưng cũng không phải hẳn là pháp thân, sắc-thân không lìa pháp-thân, cho nên sắc-thân không phải hẳn là sắc-thân đầy đủ ; Sắc-thân không phải hẳn là pháp thân, cho nên sắc-thân ấy gọi là sắc-thân đầy đủ vậy. Phật lại hỏi rằng : Có thể lấy các hình-tướng của các hóa-thân tốt đẹp kia mà thấy pháp-thân Như-lai không ? Ông Tu-bồ-đề bạch rằng không, pháp-thân của Như-lai, không thể lấy cái hình-tướng của các hóa-thân tốt đẹp kia mà thấy được. Sao thế ? — Vì rằng Như-lai nói những hình-tướng của các hóa-thân tốt đẹp kia, tuy không lìa hẳn pháp-thân, nhưng cũng không phải hẳn là pháp-thân. Hóa-thân không lìa hẳn pháp-thân : cho nên hóa-thân không phải hẳn là cụ-túc hóa-thân ; Hóa-thân không phải hẳn là pháp-thân, cho nên hóa thân ấy gọi là hóa thân cụ-túc vậy. Xem thế đủ biết báo thân, hóa thân, pháp-thân, không phải là một, không phải là khác nhau, mà cũng vẫn là một, cũng vẫn có khác nhau đó là cái mẫu nhiệm, có tướng đó mà vẫn không có tướng, không có tướng mà vẫn là tướng vậy.

KINH

Này ông Tu-bồ-đề ơi ! ông chớ có bảo rằng Như-lai có nghĩ như thế này : « Ta sẽ thuyết pháp »

ông chớ có nghĩ thế. Bởi có gì vậy? — Vì nếu ai nói rằng Như-lai có thuyết pháp, tức là phỉ báng Phật là không hiểu được cái nghĩa ta nói. Nay ông Tu-bồ-đề : « thuyết pháp đó mà thực không có pháp gì có thể thuyết cả, ấy mới gọi là thuyết pháp.

Lúc đó ông Tuệ-mệnh Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế-tôn ! ở đời sau này, chả hay có nhiều chúng-sinh nghe thuyết pháp này mà sinh lòng tin không ?

Phật bảo rằng : Họ không phải là chúng-sinh, không phải không là chúng-sinh. Bởi có sao vậy ? — Ông Tu-bồ-đề này ! chúng-sinh chúng-sinh đó, Như-lai nói không phải là chúng-sinh, ấy gọi là chúng sinh.

GIẢI

XXI PHI THUYẾT SỞ THUYẾT

(*Những nơi nói đã nói không phải là nói*)

非說所說分第二十一

Tu-bồ-đề ! Như vật vị Như-lai tác thị niệm : ngã đương hữu sở thuyết pháp. — Mạo tác thị niệm : Hà gi cô ? nhược nhân ngôn Như-lai hữu sở thuyết pháp, tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu-bồ-đề ! thuyết pháp giả vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp. Nhĩ thời tuệ mệnh Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn : Thế-tôn ! phả hữu chúng-sinh, ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp sinh tín tâm phủ ? Phật ngôn : Tu-bồ đề ! bỉ phi chúng-sinh, phi bất chúng-sinh Hà gi cô ? — Tu-bồ-đề ! chúng-sinh chúng sinh giả. Như-lai thuyết phi chúng-sinh, thị danh chúng-sinh,

Sắc-thân với pháp thân quan-hệ thế nào, trên kia đã nói rõ, làm sao lại còn bảo rằng Như-lai có thuyết pháp được ư ? Cho nên Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Ông chớ bảo rằng pháp-thân Như-lai cũng có thuyết pháp, thế là rập tằm mống nghĩ, có chỗ chấp-trước, vọng-tưởng phân biệt, tức là hủy báng Như-lai, không hiểu rõ được cái nghĩa của Như-lai nói. Sao thế ? — Vì rằng Như-lai đó nghĩa là mọi pháp đều như chân như, tuy thuyết pháp mà thực không có pháp gì có thể thuyết, nên giả danh là thuyết pháp vậy. Ông Tu-bồ-đề lấy cái trí tuệ thấu suốt sinh-không làm tính, cho nên kêu là Tuệ mệnh Tu bồ đề. Ông bạch Phật rằng : Đây tuy nói cái pháp « nói mà không phải là nói » như thế, chẳng biết sang đời sau này, có được nhiều người nghe nói pháp ấy mà sinh lòng tin không ? — Phật bảo rằng : Chúng sinh với Phật, không phải là hai, không có khác gì, cho nên nói rằng họ không phải là chúng-sinh, chỉ vì họ chưa liễu ngộ hoàn toàn, cho nên không phải không là chúng-sinh vậy. Bởi chung chúng-sinh trong tam-giới cửu-địa, không loài nào là không có đủ hạt giống Kim-cương bát-nhã sáng láng màu-nhiệm tốt bậc ấy, cho nên Như-lai mới nói rằng không phải là chúng-sinh ; lại vì cái hạt giống Kim-cương bát-nhã sáng-láng màu-nhiệm tốt bậc ấy còn chưa hiện tỏ, cho nên Như-lai mới nói rằng cũng là chúng-sinh.

KINH

Ông Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế-tôn, thế ra Phật được phép a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề là không có chỗ nào được ư ?

Phật bảo : Như thế, như thế đấy, ông Tu-bồ-đề này : ta đối với phép a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, cho chí không có chút phép gì là được cả, ấy mới gọi là phép a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề

GIẢI

XXII VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC

(Không có gì là được cả)

無法可得分第二十二

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn : Thế-tôn ! Phật đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, vi vô sở đắc gia ? Phật ngôn : Như thị như thị, Tu-bồ-đề ! ngã ư a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, nãi chí vô hữu thiểu pháp khả đắc, thị danh a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề.

Đức Thế-tôn dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý mà giáo-hóa chúng sinh. Như trên kia nói đi vào thành xin ăn, du hành giáo-hóa thế tức là lấy thân mà giáo-hóa ; Nhập-định rồi thuyết-pháp, thế tức là lấy khẩu mà giáo-hóa ; Khiến cho chúng-sinh y theo lời nói mà tu-hành, được đạo vô thượng bồ-đề, thế tức là lấy ý mà giáo-hóa. Ngài lại rất lo rằng chúng-sinh chấp-trước, sinh phân biệt sằng, không hay hiểu thấu được cái tướng chân-thật của mọi pháp, cho nên lại nói đi nói lại biết bao nhiêu lẽ phá đi bỏ đi. Như trên kia bảo tướng tốt đẹp, tức không phải là pháp-thân, thế là phá chỗ chấp có thân nghiệp ; Bảo rằng Như-lai thực không có nói gì, thế là phá chỗ chấp có khẩu nghiệp ; Đây bảo rằng được mà không có chỗ nào là được, thế là phá chỗ chấp có ý-nghiệp. Ông Tu-bồ-đề tuy đã hiểu thấu cái nghĩa Như-lai tức là mọi phép đều đúng như chân-như, tức là vô thượng bồ-đề, cố nhiên là được mà vẫn không có chỗ nào là được, mà trong lòng vẫn chưa được hoàn toàn rõ rệt, cho nên lại bạch hỏi Phật rằng : Thế ra Phật được phép a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề là không có chỗ nào là được ư ? Phật ấn định cho rằng : Như thế, chính như thế đó. Ta đối với phép a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, cho chí không có một chút phép nào là được cả, thế tức là a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề vậy. Nếu ta còn nhận thấy là có được một mảy may

nào, thì tức là không được, không gọi là vô-thượng bồ đề được, có chứng rõ cái lẽ « không có được » ấy thực vẹn vẹn mới là được đạo vô-thượng bồ-đề, thế mới gọi là đạo vô-thượng bồ-đề vậy.

KINH

Lại nữa, ông Tu-bồ-đề này ! phép ấy bình đẳng không có cao thấp, thế nên gọi là a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề ; Lấy cái tâm không *ngã* không *nhân* không *chúng-sinh* không *thọ-giả* mà tu hết thấy phép lành, tức thì được a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề. Nay ông Tu-bồ-đề ! phép lành đã nói đó, Như-lai nói tức không phải là phép lành, ấy gọi là phép lành.

GIẢI

XXIII TỊNH TÂM HÀNH THIỆN

(Sạch lòng làm thiện)

淨心行善分第二十八

Phục thứ Tu-bồ-đề ! thị pháp bình-đẳng. vô hữu cao hạ, thị danh a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, gì vô ngã vô nhân vô chúng-sinh vô thọ-giả, tu nhất thiết thiện pháp, tức đắc a-lốc đa-la tam-riều tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề ! sở ngôn thiện pháp giả, Như-lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

Đoạn này tiếp ngay với đoạn trên, Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Cái pháp được mà không có chỗ nào là được kia, bằng đẳng như như, ở các bậc thánh không thêm tí gì, mà ở kẻ

phàm cũng không bớt đi một tí gì, không có chia cao thấp khác nhau, ấy tức là phép vô-thượng chính-đẳng chính-giác, tức là Kim-cương bát-nhã ba-la-mật vậy, lấy cái lòng không chấp bốn tướng ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả mà tu-hành những phép lành như phép lục-độ vạn-hạnh v. v. tức thì chứng được đạo vô-thượng chính-đẳng chính-giác. Cái phép mà gọi là phép lành đó, nguyên không có bản-thể gì mà có thể lấy được, cũng không có thể chấp là thực được, cho nên bảo rằng không phải là phép lành, nhưng theo như pháp mà gọi, cho nên gọi là phép lành vậy.

KINH

Này ông Tu-bồ-đề ! nếu có người nào đem đồ thất-bảo bằng cả các núi Tu-di chứa trong ba ngàn thế-giới lớn mà bố-thí ; Nếu lại có người lấy kinh Bát-nhã ba-la-mật này, cho chí bốn câu kệ nữa mà thụ-trì đọc-tụng, nói cho người nghe, đem so sánh nhau thì phúc đức bố-thí trên kia, trăm phần chẳng bằng một, trăm ngàn vạn ức phần cho chí đến số tính thí-dụ cũng không kịp nữa.

GIẢI

XXIV PHÚC TRÍ VÔ TỶ

(Phúc trí khôn so sánh được)

福智無比分第二十四

Tu-bồ-đề ! nhược tam thiên đại thiên thế-giới trung, sở hữu chư tu di sơn-vương, như thị đẳng thất bảo tụ hữu nhân trì dụng bố thí ; Nhược nhân, gĩ thử bát-nhã ba-la-mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng thụ trì đọc tụng. vị tha nhân thuyết, ư tiền phúc-đức

bách phân bất cập nhất, bách thiên vạn ức phân, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

Trên kia nói rõ rằng tu phép lành được đạo bồ-đề, mà phải biết rằng ngoài Kim-cương bát-nhã ra không có gì là phép lành, tu phép lành tức là phép thụ-tri kinh Bát-nhã ba-la-mật này, cho nên đức Thế-tôn lại bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Nếu có người nào đem thất-bảo bằng cả các núi Tu-di chứa trong ba ngàn thế-giới lớn mà bố-thí, thì được phúc-đức, cố-nhiên là nhiều, nhưng đem so với cái phúc-đức của người thụ-tri kinh Bát-nhã ba-la-mật này, cho chí bốn câu kệ mà nói cho người khác nghe, thì trăm phần không bằng một, trăm ngàn vạn ức phần không bằng một, cho chí số tính thí-dụ cũng không thể bằng được, thế thì đủ biết cái công-đức tri-kinh nhiều biết là nhường nào ! Bởi vì bố-thí thất-bảo, là phép thí của, là phép tu phúc Tri kinh là phép tự làm lợi mình, lại lợi cho người, là phép thí-phép, là phép tu cả phúc cả tuệ, cho nên công-đức tri-kinh này to hơn phúc-đức bố-thí thất-bảo vậy.

KINH

Ông tu-bồ-đề ơi ! ý ông thế nào ? các ông chớ bảo rằng : Như-lai nghĩ như thế này : « ta phải độ chúng-sinh ». Nay ông tu-bồ-đề, chớ có nghĩ thế. Bởi có sao vậy ? — Vì rằng thực không có chúng-sinh nào được Như-lai độ cả, nếu thấy có chúng-sinh nào được nhờ Như-lai độ cho, thì là Như-lai còn có ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả. Nay ông tu-bồ-đề, Như-lai nói có « ngã » đó tức không phải là có « ngã » mà người phạm-phu cứ cho là có ngã. Nay ông Tu-bồ-đề người phạm phu đó, Như-lai nói tức không phải là phạm-phu, ấy mới gọi là phạm-phu.

GIẢI

XXV HÓA VÔ SỞ HÓA

(Hóa độ mà không có chỗ nào là hóa độ)

化無所化分第二十五

Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà : Như đẳng vật vị Như-lai tác thị niệm, ngã đương độ chúng-sinh. Tu-bồ-đề ! mạc tác thị niệm. Hà gi cơ ? — Thực vô hữu chúng sinh Như-lai độ giả ; Nhược hữu chúng-sinh Như-lai độ giả, Như-lai tác hữu ngã nhân chúng-sinh thọ giả. Tu bồ-đề ! Như-lai thuyết hữu ngã giả tức phi hữu ngã, nhi phạm phu chi nhân gi vi hữu ngã. Tu bồ-đề ! phạm phu giả Như-lai thuyết tức phi phạm-phu, thị danh phạm phu

Đoạn này nói rõ cái nghĩa Như-lai hóa-độ chúng-sinh, tuy hóa mà không chấp có chỗ nào là hóa, nên ngài bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Ông chớ bảo Như-lai có nghĩ rằng : « Ta phải độ chúng-sinh ». Sao thế ? - Vì trên kia đã nói Phật với chúng-sinh không có cao thấp khác nhau, thì còn làm gì có chúng-sinh để Như-lai độ, nếu còn có chúng-sinh để Như-lai độ, thì chúng-sinh cũng có thể độ được Như-lai à ? Nếu phân-biệt sáng như thế, thế là có kiến chấp ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả ; Như-lai mà cũng có bốn cái ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả kiến, thì tự độ chả nổi, còn độ ai được ? Thế nên biết rằng Phật không có chúng-sinh kiến ; đã không có chúng-sinh kiến, tất nhiên không có ngã-kiến, (thấy có ta) đã không có ngã-kiến, làm sao chính miệng Phật lại tự xưng là có « ngã » ư ? Bởi thế nên Phật lại bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Như-lai nói có « ngã » đó, tùy danh-tự thế tục mà nói, chứ thật ra thì không làm gì có « ngã » mà nói, đã không làm gì có « ngã » mà nói, làm sao trong thế-tục lại còn có những sự ta đi lại sinh tử ư ? — Đó

là vì phạm-phu thể-tục, trong chỗ vô ngã nhận là có « ngã ». Cho đến cái tên phạm-phu kia, cũng là cái tên gọi tạm chứ không có tính phạm-phu khác, vì mê mất Kim-cương bát-nhã, tức là phạm-phu, cho nên Như-lai mới nói là phạm-phu ; Ngộ được Kim-cương bát-nhã tức là thánh, cho nên Như-lai mới nói tức không phải là phạm-phu. Tới lúc chưa ngộ đó mà nói, cho nên mới gọi là phạm-phu vậy.

KINH

Ông tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : Có thể lấy 32 tướng mà xem tổ chân-tướng Như-lai được không ? — Ông tu-bồ-đề bạch rằng : Như thế, như thế, có thể lấy 32 tướng mà xem tổ chân - tướng Như-lai được.

Phật nói : Này ông tu-bồ-đề ! nếu lấy 32 tướng mà xem tổ chân-tướng Như-lai được, thì ông Chuyển-luân thánh-vương tức là Như-lai à ?

Ông Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế-tôn ! như nay con hiểu được ý của Phật nói, thì không thể lấy 32 tướng mà xem tổ chân tướng Như-lai được. Lúc đó đức Thế-tôn lại nói một bài kệ rằng :

Nếu lấy sắc thấy ta, Lấy tiếng tầm cầu ta.
Người ấy làm đạo tà, Không thể thấy Như-lai.

GIẢI

XXVI PHÁP THÂN PHI TƯỚNG

(Pháp thân không phải lấy hình tướng mà thấy được)

法身非相分第二十六

Tu-bồ-đề ! ư ý vân hà : Khả gĩ tam thập nhị

tướng quán Như-lai phủ ? Tu-bồ đề ngôn : Như thị
như thị, gī tam thập nhị tướng quán Như-lai. Phật
ngôn : Tu-bồ đề ! Nhược gī tam thập nhị tướng quán
Như-lai giả, chuyển luân thánh-vương tức thị Như-
lai. Tu-bồ đề bạch Phật ngôn : Thế-tôn ! như ngã giải
Phật sở thuyết ý, bất ưng gī tam thập nhị tướng quán
Như-lai. Nhĩ thời Thế-tôn nhi thuyết kệ ngôn :

Nhược gī sắc kiến ngã. Gī âm thanh cầu ngã.
Thị nhân hành tà đạo Bất năng kiến như lai.

Đoạn này nói phạn thứ 20 mà nói tách bạch cái nghĩa 32
tướng không phải là pháp thân ; nên Phật hỏi ông Tu-bồ-đề
rằng : Có thể lấy 32 tướng mà xem tỏ chân-tướng Như-lai
không ? Ông Tu-bồ-đề vẫn còn chột mẽ chột ngộ, cho nên mới
bạch Phật rằng : như thế như thế, có thể lấy 32 tướng mà xem
tỏ chân-tướng Như-lai được. Đức Thế-tôn liền bác ngay rằng :
Nếu cho cái tướng tốt đẹp ấy tức là pháp-thân Như-lai, thì ngôi
Truyền-luân thánh-vương, cũng đủ 32 tướng, cũng tức là Như-
lai ư ? Ông Tu-bồ-đề rất minh sực ngộ mới bạch Phật rằng
như bây giờ con đã hiểu ý của Phật nói thì pháp-thân tuy
không lìa sắc thân, mà cũng không nên nhận sắc thân đó tức
là pháp thân Như-lai được. Bây giờ đức Thế-tôn lấy bài kệ chỉ
bảo cho rõ thêm rằng : Nếu lấy sắc tướng mà nhận là pháp-
thân Như-lai, thì ông Chuyển-luân thánh-vương cũng là Như-lai,
mà lấy tiếng tăm mà nhận là pháp thân Như-lai, thời con chim
Ca-lăng tân-già cũng là Như-lai, người nhận như thế, tức là
chưa hiểu được Kim-cương bát-nhã mà làm đạo tà, vĩnh viễn
không thể thấy pháp thân Như-lai được ; Nếu đã thể được Kim-
cương bát-nhã, thì dù chẳng tới sắc-tướng tiếng tăm cũng thấy
tỏ chân-tướng Như-lai, không lìa sắc-tướng tiếng tăm cũng vẫn
thấy tỏ chân-tướng Như-lai ; phi cả sắc cả thanh, có thể thấy

tổ chân-tướng Như-lai, cho chí không phi sắc phi thanh cũng vẫn thấy tổ chân-tướng Như-lai, xem thế đủ biết cái diệu-dụng của Kim-cương bát-nhã nó mau nhiệm biết là nhường nào ? !

KINH

Ông tu bồ-đề ơi ! nếu ông nghĩ thế này : « Như-lai không cần có tướng tốt đầy đủ, mà được đạo a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề ». Nay ông tu-bồ-đề ! ông chớ có nghĩ thế ! ông chớ có nghĩ rằng : « Như-lai không cần có tướng tốt đầy đủ mà được cái đạo a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề ». Nay ông Tu-bồ-đề, nếu ông nghĩ như thế, mà phát cái tâm a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, thì tất cho mọi pháp đều đoạn diệt hết, ông chớ có nghĩ thế. Bởi cớ sao vậy ? — Vì đã phát cái tâm a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, đối với pháp không có nói cái tướng đoạn-diệt.

GIẢI

XXVII VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT

(Không chấp đoạn không chấp diệt)

無斷無滅分第二十七

Tu-bồ-đề ! nhược nhữ' tác thị niệm : như-lai bất gī cụ túc tướng cố, đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề Tu-bồ-đề ! mặc tác thị niệm. Như-lai bất gī cụ túc tướng cố, đắc a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề. Tu bồ-đề ! nhữ' nhược tác thị niệm phát a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề giả; thuyết chư pháp đoạn diệt. Mặc tác thị niệm Hà gī cố ? — Phát a-lỗc đa-la tam-

riều tam-bồ-đề tâm giả ư pháp bất thuyết đoạn diệt-tướng

Đoạn này nói cái nghĩa không thiên lạc vào chỗ đoạn diệt, 32 tướng nguyên là cái quả của Phật, trên nói không lấy 32 tướng mà xem pháp thân Như-lai, không phải là không nhận cái nhân-quả phúc-đức đâu. Cho nên Phật bảo ông Tu-bồ-đề rằng : « Nếu ông khởi mỗi nghĩ rằng : Như-lai không cần cái tướng tốt đầy đủ được đạo bồ-đề, thời tâm ông nó lạc về bên thiên, lạc về chỗ đoạn (đứt hẳn) tức là không hợp với chính-đạo ; ông đừng có khởi mỗi nghĩ rằng : Như-lai không cần cái tướng tốt đầy đủ được đạo bồ-đề, thời tâm ông không lạc về bên thiên về chỗ đoạn, tức là hợp với chính đạo. Sao thế ? Nay ông Tu-bồ-đề ! nếu ông khởi mỗi nghĩ ấy phát bồ-đề-tâm, tức là cái trí-tuệ ngông cuồng, là xóa hết nhân-quả, thế là nói mọi pháp đều đoạn diệt hết vậy. Cồ-lai thánh-biën từ lúc mới phát tâm cho đến chứng quả Phật. Đối với pháp không nói là thường, cho nên không chấp-trước thường-kiến ; cũng không nói là dứt hẳn, cho nên không chấp-trước đoạn-kiến, thế nên mới gọi là đạo vô-thượng chính-đẳng chính-giác vậy.

KINH

Này ông Tu-bồ-đề ! Nếu có vị bồ-tát nào, đem đồ thất-bảo đầy cả hằng hà sa thế-giới mà bố-thí, bằng lại có người biết hết thầy pháp là vô-ngã, chứng thành đức « nhân » thì vị bồ-tát ấy được nhiều công-đức hơn vị bồ-tát trước. Bởi có gì thế ? — Ông Tu-bồ-đề này ! đó là vì các bồ-tát không hưởng thụ phúc-đức vậy.

Ông Tu-bồ-đề bạch Phật rằng : Bạch đức Thế-tôn ! Vì sao bồ-tát lại không hưởng thụ phúc-đức ?

— Này ông Tu-bồ-đề ! Vì bồ-tát làm việc phúc-đức,

không nên tham-trước, cho nên ta bảo là không hưởng-thụ phúc-đức.

GIẢI

XXVIII BẤT THAM BẤT THỤ

(Không hưởng thụ không tham trước)

不貪不受分第二十八

Tu-bồ-đề ! Nhược bồ-tát già mãn Hằng hà sa đấng thế giới thất-bảo, trì dụng bồ-thí, nhược phục hữu nhân, tri nhất thiết pháp, đắc thành ư nhân, thử bồ tát thắng tiền bồ tát sở đắc công-đức Hà già cổ ? — Tu-bồ-đề : già chư bồ-tát bất thụ phúc-đức cổ Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn : Thế-tôn ! Văn hà bồ-tát bất thụ phúc-đức ? — Tu-bồ-đề ! bồ-tát sở tác phúc-đức, bất ưng tham-trước thị cổ thuyết bất thụ phúc-đức.

Đoạn này nói rõ cái công-đức của vị bồ-tát chứng được « Pháp vô ngã » hơn cái công-đức của vị bồ-tát bồ-thí thất-bảo mới chứng được « nhân vô ngã » chưa chứng được « pháp vô ngã », nên Phật bảo rằng : Nếu đem công-đức của vị bồ-tát nào đem đồ thất-bảo đầy cả hằng hà sa thế giới mà bồ-thí, mà so sánh với cái công-đức của vị bồ-tát, biết rõ hết thấy mọi pháp là không có ta, lại còn hiểu thấu giữ vững được, không quên không rời, mà chứng thành đức (1) nhân, thì cái công-đức của vị bồ-tát ấy hơn vị bồ-tát trước nhiều lắm. Sao thế ? — Vì rằng vị bồ-tát ấy không hưởng thụ cái phúc-đức đã làm được, cho nên được phúc-đức hơn vị bồ-tát trước vậy. Ông Tu-bồ-đề vẫn còn chưa ngộ hẳn, cho nên lại bạch Phật rằng : Làm sao bồ-tát làm ra phúc-đức, mà lại không hưởng-thụ

(1) Nhân được mọi pháp là không.

phúc đức ư ? — Đức Thế-tôn mới bảo cho hay rằng : Vì bồ-tát không có lòng hưởng thụ phúc đức, cho nên không tham-trước phúc-đức, vì thế nên nói rằng không hưởng-thụ phúc-đức vậy. Vì đã không có lòng hưởng-thụ lại không có lòng tham, hiểu thấu hết thấy mọi pháp là không có ta, chính-trí như-như xứng lý cũng đúng như chân-như, là vô-thượng bát-nhã ngang với cảnh Phật, cho nên số lượng phúc-đức như hư-không, làm lợi ích cho chúng, vô cùng vô tận, thế cho nên mới tán thán rằng công-đức hơn công-đức vị bồ-tát trước.

KINH

Này ông Tu-bồ-đề ! nếu có người nào nói rằng : Như-lai đi thế lại thế, ngồi thế, nằm thế, thế là người ấy không hiểu cái nghĩa của ta nói. Bởi có gì vậy ? — Vì Như-lai đó là không bởi đâu mà lại, cũng không về đâu, cho nên kêu là Như-lai.

GIẢI

XXIX UY NGHI TỊCH TĨNH

(Uy nghi rỗng lặng)

威儀寂靜分第二十九

Tu bồ-đề ! nhược hữu nhân ngôn : Như-lai nhược lai nhược khứ, nhược tọa nhược ngọa. Thị nhân bất giải ngã sở thuyết nghĩa. Hà gi cố ? - Như-lai giả vô sở tòng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như-lai.

Trên kia đã nói rõ cái nghĩa không hưởng-thụ phúc-đức làm sao lại có những sự phúc tuệ viên-mãn ngồi tòa bồ-đề và vào cõi niết-bàn ư ? Đức Thế-tôn muốn giải thích cho mỗi ngò ấy, cho nên bảo rằng : Những sự uy-nghi như đi đứng nằm ngồi đó, Như-lai tuy không lia hẳn những uy nghi đó, mà cũng



không chấp hẳn những uy nghi đó. Nếu người nào chấp cái uy nghi ấy tức là Như-lai, thế tức là chấp cái hóa-thân lợi ích chúng-sinh là thực, không hiểu cái nghĩa pháp-thân của Như-lai nói. Sao thế ? — Vì rằng Như-lai nói pháp-thân là bản-lai thường-trụ, không phải xuất hiện ra ở đâu mà lại, cũng không phải nhập-diệt mà về đâu, là vì cái kế phương-tiện tế-độ chúng sinh nên mới trụ ở thế-gian, ngồi thiền nằm thiền mà làm việc giáo-hóa, cho nên kêu là Như-lai vậy.

KINH

Ông Tu-bồ-đề ơi ! cứ như ý ông : nếu có thiện-nam tin-nữ nào, đem cả ba ngàn thế-giới lớn mà nghiền nhỏ ra bụi nhỏ, thì cái số bụi nhỏ ấy có nhiều không ?

— Ông Tu-bồ-đề thưa rằng: Bạch đức Thế-tôn ! rất nhiều ạ. Sao con dám nói là nhiều ? — Vì rằng nếu những bụi nhỏ ấy là có thực, thì Phật không có nói là những bụi nhỏ. Bởi có sao vậy ? — Bởi Phật nói những bụi nhỏ, tức không phải là những bụi nhỏ, ấy mới gọi là những bụi nhỏ. Bạch đức Thế-tôn ! Như-lai nói ba ngàn thế giới lớn đó, tức không phải là thế-giới, ấy mới gọi là thế-giới. Sao thế ? — Vì rằng nếu thế-giới là có thực, thì tức là một cái hình-tướng hợp lại, Như-lai nói một cái hình-tướng hợp lại đó tức không phải là một cái hình-tướng hợp lại, ấy mới gọi là một cái hình-tướng hợp lại.

Này ông Tu-bồ-đề ! một cái hình-tướng hợp lại đó, tức là không thể nói được, nhưng đáng thương cho người phạm phu cứ tham trước mới sinh lầm sự.

GIẢI

XXX NHẤT HỢP LÝ TƯỚNG

(Nói về lý tướng nhất với hợp)

一 合理相分第三十

Tu-bồ-đề ! nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân. gĩ tam thiên đại thiên thể-giới toái vi vi trần ! ư ý vân hà ? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ ? Tu-bồ đề ngôn : Thập đa Thệ-tôn. Hà gĩ cổ ? — Nhược thị vi trần chúng thực hữu giả. Phật tác bất thuyết thị vi trần chúng, Sở gĩ giả hà ? — Phật thuyết vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thệ-tôn ! Như-lai sở thuyết tam thiên đại thiên thể-giới, tức phi thể-giới, thị danh thể-giới. Hà gĩ cổ ? — Nhược thể-giới thực hữu giả, tác thị nhất hợp tướng. Như-lai thuyết nhất hợp tướng, tức phi nhất hợp tướng, thị danh nhất hợp tướng. Tu-bồ-đề ! nhất hợp tướng giả tức thị bất khả thuyết, đân phạm-phu chi nhân, tham-trước kì sự.

Thế-giới nguyên là bởi bụi nhỏ hợp lại mà thành, nói trái lại tức là bụi nhỏ hợp lại mà thành thế-giới. Thế-giới tuy khó mà thực-hành được sự nghiền nhỏ mà phân tách ra, nhưng lấy phần lý tướng mà tạm đặt, cũng có thể phân tách hết cho đến phần rất nhỏ, nhỏ đến gần như hư-không, thì không thể lại phân được nữa. Nếu lại phân nữa, tức là hư-không, thế là bụi nhỏ, ấy là không chứ không phải là thực. Bụi nhỏ không, không phải là thực, thì cái thế-giới bởi bụi nhỏ hợp thành kia cũng là không, không phải là thực. Bụi nhỏ không, thế-giới không, một thế-giới với những bụi nhỏ kia có khác gì, cho nên nói rằng thế-giới bụi nhỏ, không thể bảo là khác, không thể nói là một, cũng không thể bảo là nhiều vậy. Lấy

thế-giới mà ví dụ với pháp-thân, có thể gọi là nhất-chân pháp-giới, mà pháp-thân của mười phương chư Phật, không thể nói là mọi pháp-giới mọi pháp-thân được. Sao thế ? — Vì rằng pháp-giới với pháp-thân, không thể bảo là một, cũng không thể bảo là nhiều được, cũng như các ánh sáng cùng chiếu vào nhau, cùng chan hòa nhau, một hay nhiều không thấy khác gì, một hay nhiều không có ngại gì. Nên đức Thế-tôn mới bởi ông Tu-bồ-đề rằng : Dem ba ngàn thế-giới lớn mà nghiền thành bụi nhỏ, thì số bụi nhỏ ấy có nhiều không ? Ông Tu-bồ-đề thưa rằng rất nhiều, nhưng số bụi nhỏ ấy rất nhiều thật mà nó vẫn là không, là không có tự-tính, là tạm đặt cái tên là những bụi nhỏ đó thôi, nếu những bụi nhỏ ấy mà có thực thì Phật đã không nói là những bụi nhỏ. Sao thế ? — Vì rằng Phật nói những bụi nhỏ ấy là không, là không có gì cả, cho nên nói rằng không phải là bụi nhỏ, ấy là tạm đặt là những bụi nhỏ, cái ba ngàn thế-giới lớn Phật nói đó cũng thế Thế-giới cũng là không, là không có gì cả, cho nên nói rằng không phải là thế-giới, ấy là tạm đặt là thế giới. Sao thế ? — Vì rằng nếu thế-giới là có thực, tức là một cái hình-tướng hợp lại, tức là bởi những bụi nhỏ mà thành ra một cái hình-tướng thế giới, mà một cái hình-tướng hợp lại Phật đã nói đó, cũng là một cái tên tạm đặt ra, nghĩa là những bụi nhỏ hợp thành một thế-giới, nghiền nhỏ phân tách ra, thì cái hình-tướng thế-giới kia cũng nguyên không có, mà cái hình-tướng bụi nhỏ, cũng không thấy được, cho nên nói rằng tức không phải là một cái tướng hợp lại, ấy là tạm đặt là một cái tướng hợp lại vậy. Đức Thế-tôn thấy ông Tu-bồ-đề đã thấu tỏ thế-giới bụi nhỏ, không không có gì, một mấy nhiều không khác gì, nhưng vẫn e rằng còn chấp-trước cái hình-tướng hợp lại đó, cho nên lại bảo rằng : một cái tướng hợp lại đó tức là cái tướng không thể nói được, không thể được đó, nghĩa là không thể nói là một, không thể nói là khác, không thể nói là hợp, cũng không thể nói là không hợp được. Cũng như pháp-thân bao

khắp pháp-giới, cũng không thể nói là một là nhiều là hợp hay không hợp được, thế mà kẻ phàm-phu không hiểu rõ nghĩa ấy, cho thế-giới là thực, mới khởi lên biết bao nhiêu sự phân-biệt hư-sống rằng một rằng nhiều, rằng hợp rằng không hợp mà tham-trước không rời, gây nên bao nhiêu nghiệp-nhân chôn-nổi trong vòng sinh-tử mà không tự biết, thực đáng thương thay

KINH

Này ông Tu-bồ-đề ! nếu có người bảo rằng Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, vậy thì ông Tu-bồ-đề, cứ như ý ông : người ấy có hiểu cái nghĩa của ta đã nói không ?

— Bạch đức Thế-tôn ! không ạ ! người ấy không hiểu cái nghĩa Như-lai đã nói. Vì cớ sao ? — Vì rằng Thế-tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng-sinh kiến, thọ giả kiến, tức không phải là ngã kiến nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ-giả kiến, ấy mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

Ông Tu-bồ-đề này ! ai đã phát tâm a-lỗc đa-la tam-riều tam-bồ-đề, đối với hét thầy pháp, phải nên biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, không sinh tương pháp. Này ông Tu-bồ-đề ! cái tương pháp đã nói đó, Như-lai nói tức không phải là tương pháp, ấy mới gọi là tương pháp.

XXXI TRI KIẾN BẤT SINH

(Không nên sinh ra tri kiến)

知見不生分第三十一

Tu bồ-Đề ! nhược nhân ngôn Phật thuyết ngã kiến

**nhân kiến, chúng-sinh kiến, thọ giả kiến. Tu-bồ-đề !
ư ý vân hà : Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?
— Phất giả Thế-tôn.. Thị nhân bất giải Như-lai sở
thuyết nghĩa Hà gĩ cố ? — Thế-tôn thuyết ngã kiến
nhân kiến chúng-sinh kiến thọ giả kiến, tức phi ngã
kiến nhân kiến chúng-sinh kiến thọ-giả kiến; thị danh
ngã kiến nhân kiến chúng-sinh kiến thọ-giả kiến
Tu-bồ-đề ! phát a-lôc đa-la tam-riều tam bồ đề tâm giả
ư nhất thiết pháp, ưng như thị tri, như thị kiến như
thị tín-giải, bất sinh pháp tướng. Tu-bồ-đề ! Sở ngôn
pháp tướng giả, Như-lai thuyết tức phi pháp tướng,
thị danh pháp tướng.**

Đoạn này nói rõ rằng sinh ra tri kiến (tức cái thấy nghe hay biết) cũng là tham-trước. Con người phàm-phu sở gĩ cứ tham-trước vào sự, là vì có ngã-kiến, có ngã-kiến tức là có nhân, chúng-sinh, thọ-giả kiến. Nếu bốn phần kiến ấy đã không, thời không có phần chủ-thể hay tham, còn làm gì có sự vật để tham, huống chi những sự vật ở ngoài đều là do tâm ta tự hiển hiện ra cả, nguyên vẫn là không, không có gì cả, tuy có tham-trước, cũng như hoa trong gương trắng trong nước vậy. Cho nên bực bồ-tát mới phát-ý mà phát bồ-đề-tâm, ngã-kiến đã không, mà pháp-kiến cũng không nên có nữa. Tuy nhiên, vì sao Phật lại nói rằng chúng-sinh có ngã-kiến ư ? — Phật nói chúng-sinh chấp-trước ngã-kiến, thì tựa hồ Phật cũng có ngã-kiến rồi. Đức Thế-tôn muốn giải rõ mối ngờ ấy, cho nên đặt lời hỏi ông Tu-bồ-đề để giải rõ ra. Ngài hỏi rằng : Có người bảo Phật có nói ngã-kiến nhân-kiến chúng-sinh kiến thọ giả kiến, thì người ấy có hiểu cái nghĩa của ta nói không ? Ông Tu-bồ-đề đáp rằng : Người ấy không hiểu cái nghĩa của Như-lai nói. Vì sao con biết ? Vì rằng đức Thế-tôn nói ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả kiến đó là biết rõ ngã, nhân, chúng-sinh thọ-giả kiến là không, tức không phải là ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả kiến, ấy là tạm đặt tên là ngã, nhân, chúng-sinh.

thọ-giả kiến đó thôi, chứ không phải là nhân thấy có nói ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả kiến mà chấp là nhất định có ngã, nhân, chúng-sinh, thọ-giả kiến được. Đức Thế-tôn thấy ông Tu-bồ-đề đã rõ cái nghĩa « ngã » nguyên lai là không có thiệt, nhưng vẫn còn e chưa rõ được cái nghĩa « pháp » nguyên lai cũng là không, cho nên ngài lại bảo rằng : Đã phát bồ-đề-tâm thì đối với hết thầy pháp lục-căn lục-trần lục-thức đó, phải biểu cho rõ rằng nguyên lai cũng là không, không có gì cả, nguyên lai vẫn như hoa trong gương, trăng trong nước, xét hết là không thể có được cả, biết được thấy được tin biểu được như thế rồi, không sinh một mảy may hình tướng pháp gì nữa, tức là chứng được đạo vô-thượng bồ-đề. Còn cái tướng pháp đã nói đó, cũng như cái nghĩa « ngã » vậy, ngã đã không phải là có, mà pháp cũng không thể có được thực, cho nên nói rằng tức không phải là tướng pháp, ấy là tạm đặt tên là tướng pháp vậy.

KINH

Này ông Tu-bồ-đề ! nếu có người nào đem số thất bảo đầy cả vô lượng a tăng kỳ thế giới mà bố thí. Nếu lại có thiện nam tín nữ nào phát tâm bồ đề trì được kinh này, cho chí đến bốn câu kệ mà thụ trì đọc tụng, lại diễn thuyết cho người nghe, thì phúc lại hơn người kia. Diễn thuyết cho người phải thế nào ? — Phải đừng chấp lấy tướng, đúng như chân như, không hề động tâm. Bởi cơ sao thế ? Vì rằng :

Hết thầy phép hữu vi,

Nên coi như thế này :

Như mộng, huyễn, bọt, bóng, Như móc cũng như chớp.

GIẢI

XXXII ỨNG HÓA PHI CHÂN

(Ứng cơ hiện thân hóa độ không phải là thật)

應化非真分第三十二

Tu bồ-đề ! Nhược hữu nhân gì mãn vô-lượng a-tăng kì thế-giới thất-bảo, trì tụng bồ thí , Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân phát bồ đề-tâm giả, trì ư thủ kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thụ trì đọc tụng, vị nhân diễn thuyết, kì phúc bằng bỉ Vân hà vị nhân diễn thuyết ? — Bất thủ ư tướng, như như bất động. Hà gì cổ ?

Nhất thiết hữu vi pháp, Như mộng huyễn bào ảnh.
Như lộ diệc như điện, Ứng tác như thị quán

Đoạn này nói rõ cái phúc-đức coi sự ứng thân hóa-độ như trò rồi không nên chấp lấy, thì lại cao quý hơn hết, cho nên đức Thế-tôn mới bảo ông Tu-bồ-đề rằng : Nếu có người nào đem số thất-bảo đầy cả a-tăng-kỳ thế-giới mà bồ-thí, thì được phúc-đức, nguyên cũng rất nhiều ; Nếu lại có thiện-nam tin-nữ nào, phát bồ-đề tâm, mà trì kinh này, hoặc được bốn câu kệ, tự mình thụ trì đọc tụng, lại vì người nghe, nói mà không nói, không nói mà nói, thì phúc-đức lại hơn cái phúc bồ-thí đồ thất-bảo đầy vô-lượng a-tăng-kỳ thế-giới. Thế nào là nói mà không nói, không nói mà nói ? — Nghĩa là không chấp là có cái hình-tướng kể nói ra, cũng không chấp là có hình-tướng người nghe nói, lại không chấp cả cái hình-tướng đã nói, cứ, đúng như pháp-tính mà nói, không động lòng mong nghĩ như chân-như kia, lặng yên bất động vậy. Cái phép vô-vi cô nhiên như thế, không như cái phép hữu-vi, như chiêm-bao vậy, lúc mê thấy có, tỉnh rồi lại không. Như người làm trò quỳ-

thuật, hiện ra bao sự vật giả dối, mà thật không có sự vật gì cả ; Như bọt nước vậy, ánh mặt trời chiếu vào, long lanh như ngọc ma-ny, khiến người sinh lòng tham thích mà thật không phải là ngọc ma-ny ; Như cái bóng vậy, vật còn bóng còn, vật mất bóng mất, vật đã là không, bóng cũng là giả, không phải là thật nữa ; Như hạt móc vậy, sáng lạnh giót lại, mặt trời loe ra là tan hết, không phải là thường có ; Như cái chớp vậy, thốt hiện, thốt biến, thốt đây, thốt đó, không phải là thường, không phải là khắp hết. Cái phép hữu-vi (1) đã y như sáu sự đó, người tu vào cõi bát-nhã sâu xa phải nên quán như thế, đừng có chấp trước gì cả vậy.

KINH

Phật nói xong kinh này, ngài trưởng-lão tu-bồ-đề và các tử-khuru, tử-khuru-ny, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hết thầy thế-gian thiên-nhân a-tu-la. được nghe Phật nói, đều rất vui mừng, mà tin chịu vâng làm.

GIẢI

Phật thuyết thử kinh già. trưởng lão Tu-bồ-đề, cập chư tử-khuru, tử-khuru-ny, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhất thiết thế gian, thiên-nhân a-tu-la, văn Phật sở thuyết. giai đại hoan hỷ, tín thụ phụng hành

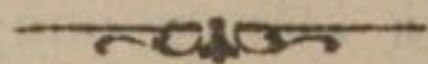
Đoạn này là phần lưu-thông, do người kết-tập kinh ghi lại cái cảnh-tượng lúc Phật nói xong kinh thì vị trưởng-lão là ông Tu-bồ-đề và xuất-gia thì các sư tăng sư ny, tại-gia thì cư-sĩ và vãi, cho chí các hàng thiên nhân, a-tu-la, nghe Phật thuyết xong, thân tâm vui sướng, phát sinh lòng tin thanh-tịnh, hiểu đến chính-lý, vâng giữ tu-hành, chứng lên quả Phật, và cùng làm cho đạo-pháp lưu-thông mãi mãi, khiến cho hết thầy chúng-sinh, cũng đều chứng được quả Phật vậy.

H ẾT

(1) Phép hữu-vi : tức là những phép vì có có gì mà làm ra, như làm việc thiện, mong cầu tiếng khen, bố-thí mong được giàu có v.v



PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÙNG TIỀN
IN KINH KIM - CƯƠNG



Cụ Bùi-thị-Cao	10\$00
— Nguyễn-thị-Tính	1.00
— Phạm-thị-Thảo	1.00
— Nguyễn-hữu-Tiến	2.00
— Nguyễn-hữu-Tuấn	3.00
Bà Nguyễn-thị-Chứng	5.00
— Hồ-thị-Nghiêm	1 00
— Trần-thị-Lê	1.00
Ông Nguyễn đức-Ứng	1,00
Cụ Tân-Thái	0.30
— Trần-thị-Dụ	2.00
Ông Trần-khắc-Thành	1.00
— Trần-khắc-Minh	1.00

金剛般若波羅密經

梁溪寺沙門字普禎

證明

細川監院沙門字清諧

證明

後學比丘字心安

奉寫

北圻佛教會議護念班

全校

後學比丘字清和發心

奉刊

南	NAM	爭	THANH	一	NHẤT	地	ĐỊA	天	THIÊN
無	MÔ	頭	ĐẦU	切	THIỆT	涌	DŨNG	垂	THÙY
祇	KÌ	瞻	CHIÊM	見	KIẾN	花	HOA	寶	BẢO
園	VIÊN	禮	LỄ	聞	VĂN	臺	ĐÀI	蓋	CÁI
會	HỘI	法	PHÁP	霑	CHIÊM	散	TÁN	零	LINH
上	THƯỢNG	中	TRUNG	勝	THẮNG	寶	BẢO	花	HOA
佛	PHẬT	王	VƯƠNG	福	PHÚC	香	HƯƠNG	雨	VŨ
菩	BỒ								
薩	TÁT								
摩	MA								
訶	HA								
薩	TAT								
稱	三								

皆	DAI	普	PHỔ	爲	VÌ	金	KIM	又	
令	LINH	使	SỬ	發	PHÁT	剛	CƯƠNG	讚	
淨	LỊNH	悟	NGỘ	高	CAO	功	CÔNG	本	自
信	TÍN	心	TÂM	乘	THỪA	德	ĐỨC	移	如
入	NHẬP	離	LÍ	廣	QUẢNG	妙	RIÊU	入	如
眞	CHÂN	色	SẮC	演	DIỄN	難	NAN	于	血
常	THƯỜNG	相	TƯỚNG	揚	DƯƠNG	量	LƯỢNG	此	書

此書

書

南	NAM	法	PHÁP	宣	TUYÊN	金	KIM
無	MÔ	中	TRUNG	揚	DƯƠNG	剛	CƯƠNG
祇	KÌ	王	VƯƠNG	受	THỤ	功	CÔNG
園	VIÊN			施	THÍ	德	ĐỨC
會	HỘI			悟	NGỘ	妙	RIỆU
上	THƯỢNG			真	CHÂN	理	LÍ
佛	PHẬT			常	THƯỜNG	難	NAN
菩	BỒ			以	GI	量	LƯỢNG
薩	TÁT			諸	CHƯ	如	NHƯ
摩	MA			花	HOA	來	LAI
訶	HA			香	HƯƠNG	爲	VÌ
薩	TÁT			普	PHỔ	眾	CHÚNG
稱	三			散	TÁN	廣	QUẢNG

讚
日

TÁN
VIẾT

唵^{ÁN} 烏^Ô 倫^{LUÂN} 尼^{NI} 娑^{SA} 婆^{BÀ} 訶^{HA}

補^{BỔ} 闕^{KHUYẾT} 眞^{CHÂN} 言^{NGÔN}

南^{NAM} 無^{MÔ} 喝^{HAT} 囉^{RA} 怛^{ĐAT} 那^{NA} 哆^{ĐÁ} 囉^{RA} 夜^{GIÀ} 耶^{GIÀ} 佉^{GIÀ} 囉^{RA} 佉^{GIÀ}

囉^{RA} 俱^{CÂU} 住^{CHỤ} 俱^{CÂU} 住^{CHỤ} 摩^{MA} 囉^{RA} 摩^{MA} 囉^{RA} 虎^{HỔ} 囉^{RA} 吽^{HÔNG} 賀^{HẠ}

賀^{HẠ} 蘇^{TÔ} 怛^{ĐAT} 拏^{NOA} 吽^{HÔNG} 潑^{BAT} 沫^{MAT} 拏^{NOA} 娑^{SA} 婆^{BÀ} 訶^{HA}

般BAT若NHÃ無VÔ盡TÂN藏TANG真CHÂN言NGÔN

納NẠP謨MÔ薄BẠC伽GIÀ伐PHẠT帝ĐẾ鉢BAT唎LÍ若NHÃ波BA羅LA密MẬT多ĐA

曳DUỆ怛ĐẠT姪ĐIỆT他THA唵ÁN訖HỘT唎LÍ地ĐỊA唎LÍ室THẬT唎LÍ戍THÚ嚧RÔ

合IRI二TAM知MẬT三LẬT密TRI栗PHẬT知XÃ佛DUỆ社SA曳HA莎HA訶

金KIM剛CƯỜNG心TÂM真CHÂN言NGÔN

金剛般若波羅密經

KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH

喜信受奉行。

HÍ TÍN THU PHỤNG HÀNH

閒天人阿修羅聞佛所說皆大歡

GIAN THIÊN NHÂN A TULÀ VÂN PHẬT SÔ THUYẾT GIẢI ĐẠI HOAN

丘比丘尼優婆塞優婆夷一切世

KHUU TÍ KHUU NÍ ƯU BÀ TẮC ƯU BÀ DI NHẤT THIẾT THẾ

佛說是經已長老須菩提及諸比

PHẬT THUYẾT THỊ KINH DÌ TRƯỞNG LÃO TU BỒ ĐỀ CẬP CHƯ TÍ

善女人發菩提心者於此經

至CHI四TỨ句CÚ偈KỆ等ĐẲNG受THỤ持TRÌ讀ĐỌC誦TỤNG爲VÌ人NHÂN演DIỄN說THUYẾT

其Kử福PHÚC勝THẮNG彼BỈ云VÂN何HÀ爲VÌ人NHÂN演DIỄN說THUYẾT不BẤT取THỦ於Ư

相TƯỚNG如NHƯ如NHƯ不BẤT動ĐỘNG何HÀ以Ỗ故CỐ

一NHẤT切THIỆT有HỮU爲VÌ法PHÁP如NHƯ夢MỘNG幻HUYỀN泡BÀO影ẢNH

如NHƯ露LÔ亦DIỆC如NHƯ電ĐIỆN應ỨNG作TÁC如NHƯ是THÌ觀QUÁN

說THUYẾT 卽TỨC 非PHI 法PHÁP 相TƯỚNG 是THÌ 名DANH 法PHÁP 相TƯỚNG

須TU 菩BỒ 提ĐỀ 若NHƯỢC 有HỮU 人NHÂN 以GI 滿MÃN 無VÔ 量LƯỢNG 阿A 僧TĂNG 祇KỶ

世THẾ 界GIỚI 七THẤT 寶BẢO 持TRÌ 用DỤNG 布BỒ 施THÍ 若NHƯỢC 有HỮU 善THIỆN 男NAM 子TỬ

善THIỆN 女NỮ 人NHÂN 發PHÁT 菩BỒ 薩TÁT 心TÂM 者GIÀ 持TRÌ 於Ư 此THỦ 經KINH 乃NÃI

善女人發菩提心。普耕此野。

THIEN NU PHAT BO TAT TAM GIA TRI U THI KINH IAI

世界。寶持。市。無。苦。有。善。畏。子。

THE GIOI THAT BAO TRI DUNG BO THI NI HUU THIEN NAM TU

災。菩。畏。苦。有。人。以。戴。無。量。同。會。無。

TU BO BE NIHOC HUU ANH GI MAI VO LUONG A TANG KY

隨。唱。非。哉。昧。是。各。哉。昧。

THUYET TUC PHI PHAP LUONG THI DANH PHAP LUONG

主我昧冥苦異祖言我昧昏收來

[illegible]

一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 十一 十二 十三 十四 十五 十六 十七 十八 十九 二十 二十一 二十二 二十三 二十四 二十五 二十六 二十七 二十八 二十九 三十 三十一 三十二 三十三 三十四 三十五 三十六 三十七 三十八 三十九 四十 四十一 四十二 四十三 四十四 四十五 四十六 四十七 四十八 四十九 五十 五十一 五十二 五十三 五十四 五十五 五十六 五十七 五十八 五十九 六十 六十一 六十二 六十三 六十四 六十五 六十六 六十七 六十八 六十九 七十 七十一 七十二 七十三 七十四 七十五 七十六 七十七 七十八 七十九 八十 八十一 八十二 八十三 八十四 八十五 八十六 八十七 八十八 八十九 九十 九十一 九十二 九十三 九十四 九十五 九十六 九十七 九十八 九十九 一百

人貝眾主貝壽音貝貳菩口對獎獎回

貝人貝眾坐貝壽脊貝貝各非貝

生	SINH	法	PHÁP	耨	LỘC	人	NHÂN	見	見
法	PHÁP	應	ỨNG	多	ĐA	見	KIẾN	人	見
相	TƯỚNG	如	NHƯ	羅	LA	眾	CHUNG	見	眾
須	TU	是	THÌ	三	TAM	生	SINH	眾	生
菩	BỒ	知	TRÌ	藐	RIÊU	見	KIẾN	生	見
提	ĐỀ	如	NHƯ	三	TAM	壽	THỌ	見	壽
所	SỞ	是	THÌ	菩	BỒ	者	GIẢ	者	見
言	NGÔN	見	KIẾN	提	ĐỀ	見	KIẾN	者	見
法	PHÁP	如	NHƯ	心	TÂM	須	TU	見	是
相	TƯỚNG	是	THÌ	者	GIẢ	菩	BỒ	是	名
者	GIẢ	信	TÍN	於	Ư	提	ĐỀ	名	我
如	NHƯ	解	GIẢI	一	NHẤT	發	PHÁT	我	見
來	LAI	不	BẤT	切	THIỆT	阿	A	見	見

我NGÃ見KIẾN人NHÂN見KIẾN眾CHÚNG生SINH見KIẾN壽THỌ者GIẢ見KIẾN須TU菩BỒ提ĐỀ若NHƯỢC人NHÂN言NGÔN佛PHẬT說THUYẾT我NGÃ見KIẾN人NHÂN見KIẾN眾CHÚNG
不BẤT解GIẢI如NHƯ來LAI所SỞ說THUYẾT義NGHĨA何HÀ以Ỗ故CỐ世THẾ尊TÔN說THUYẾT
人NHÂN解GIẢI我NGÃ所SỞ說THUYẾT義NGHĨA不PHỦ不PHẬT也DÃ世THẾ尊TÔN是THỊ人NHÂN
生SINH見KIẾN壽THỌ者GIẢ見KIẾN須TU菩BỒ提ĐỀ於Ư意Ý云VÂN何HÀ是THỊ
須TU菩BỒ提ĐỀ若NHƯỢC人NHÂN言NGÔN佛PHẬT說THUYẾT我NGÃ見KIẾN人NHÂN見KIẾN眾CHÚNG

夫	菩	合	界
之	提	相	實
人	一	卽	有
貪	合	非	者
著	相	一	則
其	者	合	是
事	卽	相	一
	是	是	合
	不	名	相
	可	一	如
	說	合	來
	但	相	說
	凡	須	一

卽TỨC 非PHI 世THẾ 界GIỚI 是THÌ 名DANH 世THẾ 界GIỚI 何HÀ 以GI 故CỐ 若NHƯỢC 世THẾ
眾CHÚNG 世THẾ 尊TÔN 如NHU 來LAI 所SỞ 說THUYẾT 三TAM 千THIÊN 大ĐẠI 千THIÊN 世THẾ 界GIỚI
說THUYẾT 微VI 塵TRẦN 眾CHÚNG 卽TỨC 非PHI 微VI 塵TRẦN 眾CHÚNG 是THÌ 名DANH 微VI 塵TRẦN
佛PHẬT 則TẮC 不BẤT 說THUYẾT 是THÌ 微VI 塵TRẦN 眾CHÚNG 所SỞ 以GI 者GIẢ 何HÀ 佛PHẬT
世THẾ 尊TÔN 何HÀ 以GI 故CỐ 若NHƯỢC 是THÌ 微VI 塵TRẦN 眾CHÚNG 實THỰC 有HỮU 者GIẢ

故CÓ名DANH如NHƯ來LAI

須TU菩BỒ提ĐỀ若NHƯỢC善THIỆN男NAM子TỬ善THIỆN女NỮ人NHÂN以Ể三TAM千THIỆN

大ĐẠI千THIỆN世THẾ界GIỚI碎TOẠI爲VI微VI塵TRẦN於Ư意Ý云VÂN何HÀ是THỊ

微VI塵TRẦN眾CHUNG寧NINH爲VI多ĐA不PHỦ須TU菩BỒ提ĐỀ言NGÔN甚THÂM多ĐA

說THUYẾT 不BẤT 受THỤ 福PHÚC 德ĐỨC

須TU 菩BỒ 提ĐỀ 若NHƯỢC 有HỮU 人NHÂN 言NGÔN 如NHƯ 來LAI 若NHƯỢC 來LAI 若NHƯỢC 去KHỨ

若NHƯỢC 坐TỌA 若NHƯỢC 臥NGỌA 是THÌ 人NHÂN 不BẤT 解GIẢI 我NGÃ 所SỞ 說THUYẾT 義NGHĨA 何HÀ

以GI 故CỐ 如NHƯ 來LAI 者GIÁ 無VÔ 所SỞ 從TÔNG 來LAI 亦DIỆC 無VÔ 所SỞ 去KHỨ

提	言	諸	菩	切
ĐỀ	NGÔN	CHƯ	BỒ	THIỆT
菩	世	菩	薩	法
BỒ	THẾ	BỒ	TÁT	PHÁP
薩	尊	薩	所	無
TÁT	TÔN	TÁT	SỐ	VÔ
所	云	不	得	我
SỐ	VÂN	BÁT	ĐẮC	NGÃ
作	何	受	功	得
TÁC	HÀ	THỤ	CÔNG	ĐẮC
福	菩	福	德	成
PHÚC	BỒ	PHÚC	ĐUO	THÀNH
德	薩	德	HÀ	Ư
ĐỨC	TÁT	ĐỨC	GÌ	NHÂN
不	不	故	CÔ	忍
BÁT	BÁT	CÔ	TU	THỦ
應	受	須	BỒ	BỒ
ỨNG	福	菩	ĐỀ	TÁT
THAM	德	提	BACH	THAN
TRƯỚC	須	白	PHẬT	TIỀN
是	菩	佛		
THÌ				
CÔ				

是^{THỊ}念^{NIỆM}何^{HÀ}以^{GI}故^{CỐ}發^{PHÁT}阿^A耨^{LỘC}多^{ĐA}羅^{LA}三^{TAM}藐^{RIÊU}三^{TAM}
菩^{BỒ}提^{ĐỀ}心^{TÂM}者^{GIÀ}於^Ư法^{PHÁP}不^{BÁT}說^{THUYẾT}斷^{ĐOẠN}滅^{DIỆT}相^{TƯỚNG}

界^{GIỚI}七^{THẤT}寶^{BAO}持^{TRÌ}用^{DỤNG}布^{BỐ}施^{THÍ}若^{NHƯỢC}復^{PHỤC}有^{HỮU}人^{NHÂN}知^{TRÌ}一^{NHẤT}
須^{TU}菩^{BỒ}提^{ĐỀ}若^{NHƯỢC}菩^{BỒ}薩^{TÁT}以^{GI}滿^{MÃN}恒^{HĂNG}河^{HÀ}沙^{SA}等^{DẰNG}世^{THẾ}

藐	RIÊU	菩	BÔ	相	TUÔNG	須	TU	足	TÚC
三	TAM	提	ĐỀ	故	CÔ	菩	BÔ	相	TUÔNG
菩	BÔ	汝	NHỮ	得	ĐẮC	提	ĐỀ	故	CÔ
提	ĐỀ	若	NHƯỢC	阿	A	莫	MẠC	得	ĐẮC
心	TÂM	作	TÁC	耨	LỐC	作	TÁC	阿	A
者	GIẢ	是	THỊ	多	ĐA	是	THỊ	耨	LỐC
說	THUYẾT	念	NIỆM	羅	LA	念	NIỆM	多	ĐA
諸	CHƯ	發	PHÁT	三	TAM	如	NHƯ	羅	LA
法	PHÁP	阿	A	藐	RIÊU	來	LAI	三	TAM
斷	ĐOẠN	耨	LỐC	三	TAM	不	BẤT	藐	RIÊU
滅	DIỆT	多	ĐA	菩	BÔ	以	GI	三	TAM
莫	MẠC	羅	LA	提	ĐỀ	具	CỤ	菩	ĐỒ
作	TÁC	三	TAM	須	TU	足	TÚC	提	ĐỀ

須	TU	觀	QUÁN
菩	BỒ	如	NHƯ
提	ĐỀ	來	LAI
汝	NHỮ	爾	NHỊ
若	NHƯỢC	時	THỜI
作	TÁC	世	THẾ
是	THÌ	尊	TÔN
念	NIỆM	而	NHỊ
如	NHƯ	說	THUYẾT
來	LAI	偈	KỆ
不	BẤT	言	NGÔN
以	GI		
具	CỤ		

是	THÌ	若	NHƯỢC
人	NHÂN	以	GI
行	HÀNH	色	SẮC
邪	TÀ	見	KIẾN
道	ĐẠO	我	NGÃ
不	BẤT	以	GI
能	NĂNG	音	ÂM
見	KIẾN	聲	THANH
如	NHƯ	求	CẦU
來	LAI	我	NGÃ

我	NGA	卽	TÚC	以	GÍ	三	TAM	觀	QUA
解	GIAI	是	THỊ	三	TAM	十	THẬP	如	NHU
佛	PHẬT	如	NHU	十	THẬP	二	NHỊ	來	LAI
所	SỞ	來	LAI	二	NHỊ	相	TƯỚNG	不	PHỦ
說	THUYẾT	須	TU	相	TƯỚNG	觀	QUÁN	須	TU
義	NGHĨA	菩	BỒ	觀	QUÁN	如	NHU	菩	BỒ
不	BẤT	提	ĐỀ	如	NHU	來	LAI	提	ĐỀ
應	ƯNG	白	BẠCH	來	LAI	佛	PHẬT	言	NGÔN
以	GÍ	佛	PHẬT	者	GIA	言	NGÔN	如	NHU
三	TAM	言	NGÔN	轉	TRUYỀN	須	TU	是	THỊ
十	THẬP	世	THẾ	輪	LUÂN	菩	BỒ	如	NHU
二	NHỊ	尊	TÔN	聖	THÀNH	提	ĐỀ	是	THỊ
相	TƯỚNG	如	NHU	王	VƯƠNG	若	NHƯỢC	以	GÍ

須菩提於意云何可以三十二相

TU

BÔ

ĐỀ

Ư

Ý

VÂN

HÀ

KHA

GÌ

TAM

THẬP

NHỊ

TƯỚNG

凡夫是名凡夫

PHẠM

PHU

THÌ

DANH

PHẠM

PHU

有我須菩提凡夫者如來說卽非

HỮU

NGÃ

TU

BÔ

ĐỀ

PHẠM

PHU

GIA

NHƯ

LAI

THUYẾT

TỨC

PHI

我者卽非有我而凡夫之人以爲

NGÃ

GIA

TỨC

PHI

HỮU

NGÃ

NHỊ

PHẠM

PHU

CHỈ

NHÂN

GÌ

VÌ

我NGÃ人NHÂN眾CHÚNG生SINH壽THỌ者GIA須TU菩BỒ提ĐỀ如NHƯ來LAI說THUYẾT有HỮU
者GIA若NHƯỞC有HỮU眾CHÚNG生SINH如NHƯ來LAI度ĐỘ者GIA如NHƯ來LAI即TỨC有HỮU
是THÌ念NIỆM何HÀ以GÌ故CÓ實THỰC無VÔ有HỮU眾CHÚNG生SINH如NHƯ來LAI度ĐỘ
作TÁC是THÌ念NIỆM我NGÃ當ĐƯƠNG度ĐỘ眾CHÚNG生SINH須TU菩BỒ提ĐỀ莫MẠC作TÁC
須T菩B提Đ於Ư意Ý云V何H汝N等ĐÀ勿V謂V如N來

萬	VẠN	人	NHÂN	經	KINH	持	TRÌ
億	ỨC	說	THUYẾT	乃	NÃI	用	DỤNG
分	PHÂN	於	Ư	至	CHÍ	布	BỐ
乃	NÃI	前	TIỀN	四	TỨ	施	THÍ
至	CHÍ	福	PHÚC	句	CÚ	若	NHƯỢC
算	TOÁN	德	ĐỨC	偈	KỆ	人	NHÂN
數	SỐ	百	BÁCH	等	ĐẲNG	以	GI
譬	THÍ	分	PHÂN	受	THỤ	此	THỦ
喻	DỰ	不	BÁT	持	TRÌ	般	BÁT
所	SỞ	及	CẬP	讀	ĐỌC	若	NHÃ
不	BÁT	一	NHẤT	誦	TỤNG	波	BA
能	NĂNG	百	BÁCH	爲	VÌ	羅	LA
及	CẬP	千	THIỆN	他	THA	密	MẬT

法。PHÁP 菩。Bồ
是。THÌ 提。Đ
名。DANH 所。S
善。THIỆN 言。NG
法。PHÁP 善。TH
者。G 如。NI
來。LA
說。THU
卽。T
非。PH
善。THÌ

諸。CHƯ 須。TU
須。TU 菩。Bồ
彌。DÌ 提。Đ
山。SƠN 若。NHƯỢC
王。VƯƠNG 三。TAM
如。NHƯ 千。THIÊN
是。THÌ 大。ĐẠI
等。ĐẲNG 千。THIÊN
七。THẤT 世。THẾ
寶。BAO 界。GIỚI
聚。TỤ 中。TRUNG
有。HỮU 所。SỞ
人。NHÂN 有。HỮU

法	我	是	復
PHÁP	NGÃ	THÌ	PHỤC
卽	無	名	次
TỨC	VÔ	DANH	THỨ
得	人	阿	須
ĐẮC	NHÂN	A	TU
阿	無	耨	菩
A	VÔ	LỘC	BỒ
耨	眾	多	提
LỘC	CHUNG	ĐA	ĐỀ
多	生	羅	是
ĐA	SINH	LA	THÌ
羅	無	三	法
LA	VÔ	TAM	PHÁP
三	壽	藐	平
TAM	THỌ	RIÊU	BÌNH
藐	者	三	等
RIÊU	GIA	TAM	ĐẲNG
三	修	菩	無
TAM	TU	BỒ	VÔ
菩	一	提	有
BỒ	NHẤT	ĐỀ	HỮU
提	切	以	高
ĐỀ	THIỆT	GÌ	CAO
須	善	無	下
TU	THIỆN	VÔ	HẠ

是	THỊ	三	TAM	如	NHƯ	羅	LA	須	TU
名	DANH	藐	RIÊU	是	THỊ	三	TAM	菩	BỒ
阿	A	三	TAM	如	NHƯ	藐	RIÊU	提	ĐỀ
耨	LỘC	菩	BỒ	是	THỊ	三	TAM	白	BẠC
多	ĐA	提	ĐỀ	須	TU	菩	BỒ	佛	PHẬT
羅	LA	乃	NẠI	菩	BỒ	提	ĐỀ	言	NGÔN
三	TAM	至	CHÍ	提	ĐỀ	爲	VÌ	世	THẾ
藐	RIÊU	無	VÔ	我	NGÃ	無	VÔ	尊	TÔN
三	TAM	有	HỮU	於	Ư	所	SỐ	佛	PHẬT
菩	BỒ	少	THiểu	阿	A	得	ĐẮC	得	ĐẮC
提	ĐỀ	法	PHÁP	耨	LỘC	耶	ĐA	阿	A
		可	KHẢ	多	ĐA	佛	PHẬT	耨	LỘC
		得	ĐẮC	羅	LA	言	NGÔN	多	ĐA

名DANH 眾CHÚNG 生SINH 提ĐỀ 眾CHÚNG 生SINH 眾CHÚNG 生SINH 眾CHÚNG 生SINH 非PHI 眾CHÚNG 生SINH 非PHI 眾CHÚNG 生SINH 非PHI 眾CHÚNG 生SINH 聞VĂN 說THUYẾT 是THÌ 法PHÁP 生SINH 信TÍN 心TÂM 不PHỦ 佛PHẬT 言NGÔN 須TU 菩BỒ 提ĐỀ

有⁴所⁵說⁶法⁷莫⁸作⁹是¹⁰念¹¹何¹²以¹³故¹⁴若¹⁵人¹⁶
言¹⁷如¹⁸來¹⁹有²⁰所²¹說²²法²³即²⁴為²⁵謗²⁶佛²⁷不²⁸能²⁹
解³⁰我³¹所³²說³³故³⁴須³⁵菩³⁶提³⁷說³⁸法³⁹者⁴⁰無⁴¹法⁴²
可⁴³說⁴⁴是⁴⁵名⁴⁶說⁴⁷法⁴⁸爾⁴⁹時⁵⁰慧⁵¹命⁵²須⁵³菩⁵⁴提⁵⁵
白⁵⁶佛⁵⁷言⁵⁸世⁵⁹尊⁶⁰頗⁶¹有⁶²眾⁶³生⁶⁴於⁶⁵未⁶⁶來⁶⁷世⁶⁸

頁TU李BỒ是ĐỀ女NHỮ勿VẬT謂VỊ如NHƯ來LAI作TÁC是THỊ念NIỆM我NGÃ當ĐƯƠNG

具CỤ足TÚC卽TÚC非PHI具CỤ足TÚC是THỊ名DANH諸CHƯ相TƯỚNG具CỤ足TÚC

具CỤ足TÚC諸CHƯ相TƯỚNG見KIẾN何HÀ以GI故CỐ如NHƯ來LAI說THUYẾT諸CHƯ相TƯỚNG

諸CHƯ相TƯỚNG見KIẾN不PHỦ不PHẤT也DÃ世THẾ尊TÔN如NHƯ來LAI不BẤT應ƯNG以GI

須^{TU}菩^{BỒ}提^{ĐỀ}於^Ư意^Ý云^{VÂN}何^{HÀ}佛^{PHẬT}可^{KH}以^{GI}具^{CỤ}足^{TỨC}色^{SẮC}

身^{THÂN}見^{KHIẾN}不^{PHỦ}不^{PHÁT}也^{DẪ}世^{THẾ}尊^{TÔN}如^{NHƯ}來^{LAI}不^{BẤT}應^{ỨNG}以^{GI}具^{CỤ}

足^{TỨC}色^{SẮC}身^{THÂN}見^{KHIẾN}何^{HÀ}以^{GI}故^{CỐ}如^{NHƯ}來^{LAI}說^{THUYẾT}具^{CỤ}足^{TỨC}色^{SẮC}

身^{THÂN}卽^{TỨC}非^{PHI}具^{CỤ}足^{TỨC}色^{SẮC}身^{THÂN}是^{THỊ}名^{DANH}具^{CỤ}足^{TỨC}色^{SẮC}身^{THÂN}

須^{TU}菩^{BỒ}提^{ĐỀ}於^Ư意^Ý云^{VÂN}何^{HÀ}如^{NHƯ}來^{LAI}可^{KH}以^{GI}具^{CỤ}足^{TỨC}

德	ĐỨC	德	ĐỨC	以	GỈ	是	THÌ
無	VÔ	有	HỮU	是	THÌ	因	NHÂN
故	CÔ	實	THỰC	因	NHÂN	緣	DUYÊN
如	NHƯ	如	NHƯ	緣	DUYÊN	得	ĐẮC
來	LAI	來	LAI	得	ĐẮC	福	PHÚC
說	THUYẾT	不	BẤT	福	PHÚC	多	ĐA
得	ĐẮC	說	THUYẾT	甚	THÂM	不	PHỦ
福	PHÚC	得	ĐẮC	多	ĐA	如	NHƯ
德	ĐỨC	福	PHÚC	須	TU	是	THÌ
多	ĐA	德	ĐỨC	菩	BỒ	世	THẾ
		多	ĐA	提	ĐỀ	尊	TÔN
		以	GỈ	若	NHUỘC	此	THỬ
		福	PHÚC	福	PHÚC	人	NHÂN

者何須菩提過去心不可得現在
心不可得未來心不可得。

大千世界七寶以用布施是人以
須菩提於意云何若有人滿三千

覓者心當爲非心。是名爲心。所以
THUYẾT CHƯ TÂM GIẢI VỊ PHI TÂM THỊ DANH VỊ TÂM SỞ GI
若干種心如來悉知。何以故。如來
NHƯỢC CAN CHUNG TÂM NHƯ LAI TẤT TRI HÀ GI CỒ NHƯ LAI
告須菩提。爾所國土中。所有眾生
CAO TU BỒ ĐỀ NHĨ SỞ QUỐC ĐỘ TRUNG SỞ HỮU CHÚNG SINH
世界。如是寧爲多不。甚多。世尊。佛
THẾ GIỚI NHƯ THỊ NINH VỊ ĐA PHÚ THẬM ĐA THẾ TÔN PHẬT
沙等恒河。是諸恒河。所有沙數佛
SA ĐẲNG HẰNG HÀ THỊ CHƯ HẰNG HÀ SỞ HỮU SA SỞ PHẬT

云何。如。一。恒。河。中。所。有。沙。有。如。是。
是。世。尊。如。來。說。是。沙。須。菩。提。於。意。
如。恒。河。中。所。有。沙。佛。說。是。沙。不。如。
尊。如。來。有。佛。眼。須。菩。提。於。意。云。何。
於。意。云。何。如。來。有。佛。眼。不。如。是。世。

意云何如來有天眼不。如是世尊。

如來有天眼須菩提於意云何。如

來有慧眼不。如是世尊。如來有慧

眼須菩提於意云何。如來有法眼

不。如是世尊。如來有法眼須菩提

如是世尊。如來有肉眼。須菩提。於

須菩提。於意云何。如來有肉眼不。

達無我法者。如來說名。真是菩薩。

莊嚴。是名莊嚴。須菩提。若菩薩通

可以故。如來說莊嚴佛土者。卽非。是言。我當莊嚴佛土。是不名菩薩。無眾生。無壽者。須菩提。若菩薩作。菩薩。是故。佛說一切法。無我無人。薩。何以故。須菩提。實無有法。名爲。

言。	NGÔN	大。	ĐẠI	來。	LAI	譬。	THÍ	非。	PH
我。	NGÃ	身。	THÂN	說。	THUYẾT	如。	NHƯ	一。	NH
當。	ĐƯƠNG	須。	TU	人。	NHÂN	人。	NHÂN	切。	TH
滅。	DIỆT	菩。	BỒ	身。	THÂN	身。	THÂN	法。	PH
度。	ĐỘ	提。	ĐỀ	長。	TRƯỜNG	長。	TRƯỜNG	是。	TH
無。	VÔ	菩。	BỒ	大。	ĐẠI	大。	ĐẠI	故。	CÔ
量。	LƯỢNG	薩。	TÁT	卽。	TỨC	須。	TU	名。	DA
眾。	CHÚNG	亦。	DIỆC	爲。	VÌ	菩。	BỒ	一。	NH
生。	SINH	如。	NHƯ	非。	PHI	提。	ĐỀ	切。	THÍ
卽。	TỨC	是。	THÍ	大。	ĐẠI	言。	NGÔN	法。	PH
不。	BẤT	若。	NHƯỢC	身。	THÂN	世。	THẾ	須。	TU
名。	DANH	作。	TÁC	是。	THÍ	尊。	TÔN	菩。	BỒ
菩。	BỒ	是。	THÍ	名。	DANH	如。	NHƯ	提。	ĐỀ

是弗去須菩提是所言一切法者卽
THỊ PHẬT PHÁP TU BỒ ĐỀ SỞ NGÔN NHẤT THIẾT PHÁP GIẢI TỨC
無實無虛是故如來說一切法皆
VÔ THỰC VÔ HỮ THỊ CỒ NHƯ LAI THUYẾT NHẤT THIẾT PHÁP GIẢI
得阿耨多羅三藐三菩提於是中
ĐẮC A LỐC ĐA TAM RIÊU ĐA TAM BỒ ĐỀ TU BỒ ĐỀ NHƯ LAI SỞ
多羅三藐三菩提須菩提如來所
ĐA LA TAM RIÊU TAM BỒ ĐỀ TU BỒ ĐỀ NHƯ LAI SỞ
菩提須菩提實無有法佛得阿耨
BỒ ĐỀ TU BỒ ĐỀ THỰC VÔ HỮ PHÁP PHẬT ĐẮC A LỐC

有人言。如來得阿耨多羅三藐三
尼。何以故。如來者。卽諸法如義。若
言。汝於來世。當得作佛。號釋迦牟
菩提。是故燃燈佛。與我授記。作是
以實無有法。得阿耨多羅三藐三

言^{NGÔN}如[○]是[○]如[○]是[○]須[○]苦[○]提[○]實[○]無[○]有[○]法[○]如[○]
來^{LAI}得^{ĐẮC}阿^A耨^{LỘC}多^{ĐA}羅^{LA}三^{TAM}藐^{RIÊU}三^{TAM}苦^{BỒ}提^{ĐỀ}須^{TU}苦^{BỒ}
提^{ĐỀ}若^{NHƯỢC}有^{HỮU}法^{PHÁP}如^{NHƯ}來^{LAI}得^{ĐẮC}阿^A耨^{LỘC}多^{ĐA}羅^{LA}三^{TAM}藐^{RIÊU}
三^{TAM}苦^{BỒ}提^{ĐỀ}者^{GIA}燃^{NHIÊN}燈^{ĐĂNG}佛^{PHẬT}卽^{TỨC}不^{BẤT}與^{DỮ}我^{NGÃ}授^{THỤ}記^{KÝ}
汝^{NHỮ}於^Ư來^{LAI}世^{THẾ}當^{ĐƯƠNG}得^{ĐẮC}作^{TÁC}佛^{PHẬT}虎^{HIÊU}罽^{THÍCH}加^{CA}半^{MÂU}尼^{NÍ}

有	HỮU	我	NGÃ	多	ĐA	何	HÀ	三	TAM
法	PHÁP	解	GIẢI	羅	LA	如	NHU	藐	RIÊ
得	ĐẮC	佛	PHẬT	三	TAM	來	LAI	三	TAM
阿	A	所	SỞ	藐	RIÊU	於	Ư	菩	BỒ
耨	LỘC	說	THUYẾT	三	TAM	燃	NHIÊN	提	ĐỀ
多	ĐA	義	NGHĨA	菩	BỒ	燈	ĐĂNG	心	TÂM
羅	LA	佛	PHẬT	提	ĐỀ	佛	PHẬT	者	GIẢ
三	TAM	於	Ư	不	PHỦ	所	SỞ	須	TU
藐	RIÊU	燃	NHIÊN	不	PHẬT	有	HỮU	菩	BỒ
三	TAM	燈	ĐĂNG	也	DÃ	法	PHÁP	提	ĐỀ
菩	BỒ	佛	PHẬT	世	THẾ	得	ĐẮC	於	Ư
提	ĐỀ	所	SỞ	尊	TÔN	阿	A	意	Ý
佛	PHẬT	無	VÔ	如	NHU	耨	LỘC	云	VÂN

可。HÀ 眞。TU 幸。BỒ 是。ĐỀ 實。THỰC 無。VÔ 有。HỮU 去。PHÁP 發。PHÁT 何。A 壽。LỘC 多。ĐA 羅。LA 衆。CHÚNG 生。SINH 相。TƯỚNG 壽。THỌ 者。GIÀ 相。TƯỚNG 卽。TỨC 非。PHI 菩。BỒ 薩。TÁT 所。SỞ 以。GỈ 者。GIÀ 以。GỈ 故。CỐ 須。TU 菩。BỒ 提。ĐỀ 若。NHƯỢC 菩。BỒ 薩。TÁT 有。HỮU 我。NGÃ 相。TƯỚNG 人。NHÂN 相。TƯỚNG 生。SINH 已。DĨ 而。NHÌ 無。VÔ 有。HỮU 一。NHẤT 衆。CHÚNG 生。SINH 實。THỰC 滅。DIỆT 度。ĐỘ 者。GIÀ 何。HÀ 我。NGÃ 應。ƯNG 滅。DIỆT 度。ĐỘ 一。NHẤT 切。THIỆT 衆。CHÚNG 生。SINH 滅。DIỆT 度。ĐỘ 一。NHẤT 切。THIỆT 衆。CHÚNG

羅	須	心	善	爾
三	菩	云	女	時
藐	提	何	人	須
三	善	應	發	菩
菩	男	住	阿	提
提	子	云	耨	白
心	善	何	多	佛
者	女	降	羅	言
當	人	伏	三	世
生	發	其	藐	尊
如	阿	心	三	善
是	耨	佛	菩	男
心	多	告	提	子

義NGHĨA 狂CUÔNG 功CÔNG 於Ư
不BẤT 亂LẠN 德ĐỨC 後HẬU
可KHẢ 狐HỒ 我NGÃ 末MẠT
思TƯ 疑NGHỊ 若NHƯỘC 世THẾ
議NGHỊ 不BẤT 具CỤ 有HỮU
果QUẢ 信TÍN 說THUYẾT 受THỤ
報BÁO 須TU 者GIẢ 持TRÌ
亦DIỆC 菩BỒ 或HOẶC 讀ĐỘC
不BẤT 提ĐỀ 有HỮU 誦TỤNG
可KHẢ 當ĐƯƠNG 人NHÂN 此THỨ
思TƯ 知TRÍ 聞VĂN 經KINH
議NGHỊ 是THÌ 心TÂM 所SỐ
經KINH 則TẮC 得ĐẮC

不	及	德	後	供
BÁT	CẤP	ĐỨC	HẬU	CUNG
能	一	於	末	養
NĂNG	NHẤT	Ư	MẠT	DƯỠN
及	千	我	世	承
CẤP	THIÊN	NGÃ	THẾ	THỪA
須	萬	所	能	事
TU	VẠN	SỞ	NĂNG	SỰ
菩	億	供	受	無
BỒ	ỨC	CUNG	THỤ	VÔ
提	分	養	持	空
ĐỀ	PHÂN	DƯỠNG	TRÍ	KHÔNG
若	乃	諸	讀	過
NHUỘC	NÃI	CHƯ	ĐỘC	QUÁ
善	至	佛	誦	者
THIỆN	CHÍ	PHẬT	TỤNG	GIẢ
男	算	功	此	若
NAM	TỐÁN	CÔNG	THỨ	NHUỘC
子	數	德	經	復
TỬ	SỐ	ĐỨC	KINH	PHỤC
善	譬	百	所	有
THIỆN	THÍ	BÁCH	SỞ	HỮU
女	喻	分	得	人
NỮ	DỰ	PHÂN	ĐẮC	NHÂN
人	所	不	功	於
NHÂN	SỞ	BÁT	CÔNG	Ư

八	BÁT	無	VÔ	羅	LA	先	TIỀN	罪	TỘI
百	BÁCH	量	LƯỢNG	三	TAM	世	THẾ	業	NGHIỆP
四	TỨ	阿	A	藐	RIÊU	罪	TỘI	應	ỨNG
千	THiên	僧	TĂNG	三	TAM	業	NGHIỆP	墮	ĐUỘA
萬	VẠN	祇	KỲ	菩	BỒ	卽	TỨC	惡	ÁC
意	Ý	劫	KIỆP	提	ĐỀ	爲	VI	道	ĐẠO
耶	NA	於	Ư	須	TU	消	TIÊU	以	GI
由	DO	燃	NHIÊN	菩	BỒ	滅	DIỆT	今	KIM
也	THA	燈	ĐĂNG	提	ĐỀ	當	ĐƯƠNG	世	THẾ
諸	CHƯ	佛	PHẬT	我	NGÃ	得	ĐẮC	人	NHÂN
弗	PHẬT	前	TIỀN	念	NIỆM	阿	A	輕	KHINH
悉	TẤT	得	ĐẮC	過	QUÁ	耨	LỘC	賤	TIỀN
皆	GIẢI	值	TRỊ	去	KHỨ	多	ĐA	故	CỐ

讀^{ĐỘC} 誦^{TỤNG} 此^{THỦ} 經^{KINH} 若^{NHƯ} 爲^{VI} 人^{NHÂN} 輕^{KHINH} 賤^{TIÊN} 是^{THỊ} 人^{NHÂN} 先^{TIÊN} 世^{THẾ}
復^{PHỤC} 次^{THỨ} 須^{TU} 菩^{BỒ} 提^{ĐỀ} 善^{THIỆN} 男^{NAM} 子^{TỬ} 善^{THIỆN} 女^{NỮ} 人^{NHÂN} 受^{THỤ} 持^{TRÌ}

以^{GI} 諸^{CHƯ} 華^{HOA} 香^{HƯƠNG} 而^{NHÌ} 散^{TÁN} 其^{KỶ} 處^{SÚ}
處^{SÚ} 卽^{TỨC} 爲^{VI} 是^{THỊ} 塔^{THÁP} 皆^{GIÁI} 應^{ƯNG} 恭^{CUNG} 敬^{KÍNH} 作^{TÁC} 禮^{LỄ} 圍^{VI} 繞^{NHIỄ}

開	菩	此	著	菩
天	提	經	我	提
人	在	不	見	何
阿	在	能	人	以
修	處	聽	見	故
羅	處	受	眾	須
所	若	讀	生	菩
應	有	誦	見	提
供	此	爲	壽	若
養	經	人	者	樂
當	一	解	見	小
知	切	說	則	法
此	世	須	於	者

GIÂN
THIÊN

BỒ
ĐỀ

THỦ
KINH

TRƯỚC
NGÃ

BỒ
ĐỀ

NHÂN
A

TẠI
TẠI

BẤT
NĂNG

KIẾN
NHÂN

HÀ
GI

TU
LA

SÚ
SÚ

THÍNH
THỤ

KIẾN
CHUNG

CÓ
TU

SỎ
ƯNG

NHƯỢC
HỮ

ĐỘC
TỤNG

SINH
KIẾN

BỒ
ĐỀ

CUNG
DƯỞNG

THỦ
KINH

VÌ
NHÂN

THỌ
GIÁ

NHƯỢC
NHẠO

ĐƯỞNG
TRÌ

NHẤT
THIỆT

GIẢI
THUYẾT

KIẾN
TẮC

TIỂU
PHÁP

THỦ

THẾ

TU

Ư

GIÁ

卽	無	見	讀	爲
TÚC	VÔ	KIẾN	ĐỘC	VÌ
爲	有	是	誦	發
VÌ	HỮU	THÌ	TỤNG	PHÁT
荷	邊	人	廣	最
HẠ	BIÊN	NHÂN	QUẢNG	TỐI
擔	不	皆	爲	上
ĐAM	BẤT	GIẢI	VÌ	THƯỢNG
如	可	得	人	乘
NHƯ	KHẢ	ĐẮC	NHÂN	THỦA
來	思	成	說	者
LAI	TƯ	THÀNH	THUYẾT	GIẢ
阿	議	就	如	說
A	NGHỊ	TỰ	NHƯ	THUYẾT
耨	功	不	來	若
LỘC	CÔNG	BÀI	LAI	NHƯỢC
多	德	可	悉	有
ĐA	ĐỨC	KHẢ	TẤT	HỮU
羅	如	量	知	人
LA	NHƯ	LƯỢNG	TRÌ	NHÂN
三	是	不	是	能
TAM	THÌ	BẤT	THÌ	NĂNG
藐	人	可	人	受
RIÊU	NHÂN	KHẢ	NHÂN	THỤ
三	等	稱	悉	持
TAM	ĐANG	SUNG	TẤT	TRÌ

量無邊功德如來爲發大乘者說
要言之是經有不可思議不可稱
寫受持讀誦爲人解說須菩提以
經典信心不逆其福勝彼何況書
萬億劫以身布施若復有人聞此

恒	HĂNG	以	GỈ	分	PHÂN	須	TU
河	HÀ	恒	HĂNG	以	GỈ	菩	BỒ
沙	SA	河	HÀ	恒	HĂNG	提	ĐỀ
等	ĐẲNG	沙	SA	河	HÀ	若	NHƯỞC
身	THÂN	等	ĐẲNG	沙	SA	有	HỮU
布	BỒ	身	THÂN	等	ĐẲNG	善	THIỆN
施	THÍ	布	BỒ	身	THÂN	男	NAM
如	NHƯ	施	THÍ	布	BỒ	子	TỬ
是	THỊ	後	HẬU	施	THÍ	善	THIỆN
無	VÔ	日	NHẬT	中	TRUNG	女	NỮ
量	LƯỢNG	分	PHÂN	日	NHẬT	人	NHÂN
百	BÁCH	亦	DIỆC	分	PHÂN	初	SỐ
千	THiên	以	GỈ	復	PHỤC	日	NHẬT

德。	悉	誦	善	見
ĐỨC	TẤT	TỤNG	THIỆN	KIỆN
	見	卽	男	種
	KIỆN	TỨC	NAM	CHUNG
	是	爲	子	種
	THỊ	VÌ	TỬ	CHUNG
	人	如	善	色
	NHÂN	NHƯ	THIỆN	SẮC
	皆	來	女	須
	GIẢI	LAI	NỮ	TU
	得	以	人	菩
	ĐẮC	GI	NHÂN	BỒ
	成	佛	能	提
	THÀNH	PHẬT	NĂNG	ĐỀ
	就	智	於	當
	TỰU	TRÍ	Ư	ĐƯƠNG
	無	慧	此	來
	VÔ	TUỆ	THƯ	LAI
	量	悉	經	之
	LƯỢNG	TẤT	KINH	CHI
	無	知	受	世
	VÔ	TRÍ	THỤ	THẾ
	邊	是	持	若
	BIÊN	THỊ	TRÌ	NHƯỚC
	功	人	讀	有
	CÔNG	NHÂN	ĐỘC	HỮU

法	PHÁP	人	NHÂN	提	ĐỀ	如	NHƯ	語	NGỮ
而	NHÌ	入	NHẬP	若	NHƯỢC	來	LAI	者	GIẢ
行	HÀNH	暗	ÁM	菩	BỒ	所	SỐ	不	BẤT
布	BỒ	卽	TỨC	薩	TÁT	得	ĐẮC	誑	CUÔNG
施	THÍ	無	VÔ	心	TÂM	法	PHÁP	語	NGỮ
如	NHƯ	所	SỐ	住	TRỤ	此	THỨ	者	GIẢ
人	NHÂN	見	KIẾN	於	Ư	法	PHÁP	不	BẤT
有	HỮU	若	NHƯỢC	法	PHÁP	無	VÔ	異	DI
目	MỤC	菩	BỒ	而	NHÌ	實	THỰC	語	NGỮ
日	NHẬT	薩	TÁT	行	HÀNH	無	VÔ	者	GIẢ
光	QUANG	心	TÂM	布	BỒ	虛	HƯ	須	TU
明	MINH	不	BẤT	施	THÍ	須	TU	菩	BỒ
照	CHIÊU	住	TRỤ	如	NHƯ	菩	BỒ	提	ĐỀ

頁	是	應	施	住
TU	THỊ	ƯNG	THỊ	TRỤ
字	非	如	須	是
BỒ	PHI	NHƯ	TU	THỊ
是	相	是	菩	故
ĐỀ	TƯỚNG	THỊ	BỒ	CÓ
如	又	布	提	佛
NHƯ	HỮU	BỒ	ĐỀ	PHẬT
來	說	施	菩	說
LAI	THUYẾT	THỊ	BỒ	THUYẾT
是	一	如	薩	菩
THỊ	NHẤT	NHƯ	TÁT	BỒ
真	切	來	爲	薩
CHÂN	THIỆT	LAI	VÌ	TÁT
語	眾	說	利	心
NGŨ	CHÚNG	THUYẾT	LỢI	TÂM
者	生	一	益	不
GIẢ	SINH	NHẤT	ÍCH	BẤT
實	卽	切	一	應
THỰC	TỨC	THIỆT	NHẤT	ƯNG
語	非	諸	切	住
NGŨ	PHI	CHƯ	THIỆT	TRỤ
者	眾	相	眾	色
GIẢ	CHÚNG	TƯỚNG	CHÚNG	SẮC
如	生	卽	生	布
NHƯ	SINH	TỨC	SINH	BỒ

生	SINH	心	TÂM	羅	LA	提	ĐỀ	無	VÔ
無	VÔ	不	BẤT	三	TAM	菩	BỒ	眾	CHUNG
所	SỞ	應	ƯNG	藐	RIÊU	薩	TÁT	生	SINH
住	TRỤ	住	TRỤ	三	TAM	應	ƯNG	相	TƯỚNG
心	TÂM	聲	THANH	菩	BỒ	離	LÌ	無	VÔ
若	NHƯỢC	香	HƯƠNG	提	ĐỀ	一	NHẤT	壽	THỌ
心	TÂM	味	VỊ	心	TÂM	切	THIỆT	者	GIẢ
有	HỮU	觸	ỨC	不	BẤT	相	TƯỚNG	相	TƯỚNG
住	TRỤ	法	PHÁP	應	ƯNG	發	PHÁT	是	THÌ
卽	TỨC	生	SINH	住	TRỤ	阿	A	故	CỐ
爲	VÌ	心	TÂM	色	SẮC	耨	LỘC	須	TU
非	PHI	應	ƯNG	生	SINH	多	ĐA	菩	BỒ

山	提	眾	昔	生
人	又	生	節	相
於	念	相	節	無
爾	過	壽	支	壽
所	去	者	解	者
世	於	相	時	相
無	五	應	若	何
我	百	生	有	以
相	世	瞋	我	故
無	作	恨	相	我
人	忍	須	人	於
相	辱	苦	相	往

TIÊN NHÂN Ứ NHỊ SỔ THẾ VÔ NGÃ TƯỚNG VÔ NHÂN TƯỚNG
ĐỀ HỮU NIỆM QUÁ KHƯ Ứ NGŨ BACH THẾ TÁC NHẪN NHỤC
CHUNG SINH TƯƠNG THỌ GIẢ TƯƠNG ỨNG SINH SÂN HẬN TU BỒ
TÍCH TIẾT TIẾT CHÍ GIẢI THỜI NHƯỢC HỮU NGÃ TƯỚNG NHÂN TƯỚNG
SINH TƯỢNG VÔ THỌ GIẢ TƯỢNG HÀ GI CỐ NGÃ Ứ VẮNG

我	NGA	提	ĐỀ	說	THUYẾT	羅	LA	密	MẬT
於	Ư	如	NHƯ	非	PHI	密	MẬT	非	PHI
爾	NHĨ	我	NGA	忍	NHÂN	須	TU	第	ĐỆ
時	THỜI	昔	TÍCH	辱	NHỤC	菩	BỒ	一	NHẤT
無	VÔ	爲	VÌ	波	BA	提	ĐỀ	波	BA
我	NGA	歌	CA	羅	LA	忍	NHÂN	羅	LA
相	TƯỚNG	利	LỢI	密	MẬT	辱	NHỤC	密	MẬT
無	VÔ	王	VƯƠNG	何	HÀ	波	BA	是	THÌ
人	NHÂN	割	CÁT	以	GI	羅	LA	名	DANH
相	TƯỚNG	截	TIẾT	故	CÔ	密	MẬT	第	ĐỆ
無	VÔ	身	THÂN	須	TU	如	NHƯ	一	NHẤT
眾	CHUNG	體	THỂ	菩	BỒ	來	LAI	波	BA

卽TÚC是THỊ非PHI相TƯỚNG何HÀ以GỈ故GÓ離LI一NHẤT切THIỆT諸CHƯ相TƯỚNG

卽TÚC名PANH諸CHƯ佛PHẬT佛PHẬT告CAO須TU菩BỒ提ĐỀ如NHƯ是THỊ如NHƯ

是THỊ若NHƯỢC復PHỤC有HỮU人NHÂN得ĐẮC聞VĂN是THỊ經KINH不BÁT驚KINH不BÁT

怖PHÓ不BÁT畏UÝ當ĐƯƠNG知TRỊ是THỊ人NHÂN甚THÂM爲VI希HỊ有HỮU何HÀ

以GỈ故GÓ須TU菩BỒ提ĐỀ如NHƯ來LAI說THUYẾT第ĐỀ一NHẤT波BA羅LA

卽	衆	希	是	來
TÚC	CHÚNG	HÌ	THÌ	LAI
是	生	有	經	世
THÌ	SINH	HỮU	KINH	THẾ
非	相	何	信	後
PHI	TƯỚNG	HÀ	TÍN	HẬU
相	壽	以	解	五
TƯỚNG	THỌ	GI	GIẢI	NGŨ
人	者	故	受	百
NHÂN	GIÁ	CÔ	THỤ	BÁCH
相	相	此	持	歲
TƯỚNG	TƯỚNG	THỦ	TRÌ	TUÊ
衆	所	人	是	其
CHÚNG	SỞ	NHÂN	THÌ	KỶ
生	以	無	人	有
SINH	GI	VÔ	NHÂN	HỮU
相	者	我	卽	衆
TƯỚNG	GIÁ	NGÃ	TÚC	CHÚNG
壽	何	相	爲	生
THỌ	HÀ	TƯỚNG	VÌ	SINH
者	我	人	第	得
GIÁ	NGÃ	NHÂN	ĐỆ	ĐẮC
相	相	相	一	聞
TƯỚNG	TƯỚNG	TƯỚNG	NHẤT	VĂN

是	如	德	實	復
THỊ	NHƯ	ĐỨC	THỰC	PHỤC
經	來	世	相	有
KINH	LAI	THẾ	TƯƠNG	HỮU
典	說	尊	當	人
ĐIỂN	THUYẾT	TÔN	ĐƯƠNG	NHÂN
信	名	是	知	得
TÍN	DANH	THỊ	TRİ	ĐẮC
解	實	實	是	聞
GIẢI	THỰC	THỰC	THỊ	VĂN
受	相	相	人	是
THỤ	TƯƠNG	TƯƠNG	NHÂN	THỊ
持	世	者	成	經
TRÌ	THẾ	GIẢ	THÀNH	KINH
不	尊	卽	就	信
ÊÁT	TÔN	TỨC	TỰU	TÍN
足	我	是	第	心
TÚC	NGÃ	THỊ	ĐỆ	TÂM
爲	今	非	一	清
VÌ	KÌM	PHI	NHẤT	THANH
NÀN	ĐẮC	TƯƠNG	HÌ	TỊNH
NHƯỢC	VĂN	THỊ	HỮU	TỨC
當	如	故	功	SINH
ĐƯƠNG	NHƯ	CỔ	CÔNG	

慧	說	涕	爾
TUÊ	THUYẾT	TIẾ	NHÌ
眼	如	淚	時
NIÂN	NHƯ	LÊ	THỜI
未	是	悲	須
VÌ	THÌ	BÌ	TU
曾	甚	泣	菩
TANG	THÂM	KHÁP	BỒ
得	深	而	提
ĐẮC	THÂM	NHÌ	ĐỀ
聞	經	白	聞
VĂN	KINH	BẠCH	VĂN
如	典	佛	說
NHƯ	ĐIÊN	PHẬT	THUYẾT
是	我	言	是
THÌ	NGÃ	NGÔN	THÌ
之	從	希	經
CHI	TÔNG	HÌ	KINH
經	昔	有	深
KINH	TÍCH	HỮU	THÂM
世	來	世	解
THÊ	LAI	THÊ	GIẢI
尊	所	尊	義
TÔN	SỞ	TÔN	NGHĨA
若	得	佛	趣
NHƯỢC	ĐẮC	PHẬT	THÚ

四	施	男	相	何
TÚ	THÍ	NAM	TƯỚNG	HÀ
句	若	子	是	以
CÚ	NHƯỢC	TỬ	THÌ	GỈ
偈	復	善	名	故
KÊ	PHỤC	THIỆN	DANH	CÔ
等	有	女	三	如
ĐẲNG	HỮU	NỮ	TAM	NHƯ
爲	人	人	十	來
VÌ	NHÂN	NHÂN	THẬP	LAI
他	於	以	二	說
THA	Ư	GỈ	NHỊ	THUYẾT
人	此	恒	相	三
NHÂN	THỦ	HẰNG	TƯỚNG	TAM
說	經	河	須	十
THUYẾT	KINH	HÀ	TU	THẬP
其	中	沙	菩	二
KỶ	TRUNG	SA	BỒ	NHỊ
福	乃	等	提	相
PHÚC	NÃI	ĐẲNG	ĐỀ	TƯỚNG
甚	至	身	若	卽
THẬM	CHÍ	THÂN	NHƯỢC	TỨC
多	受	命	有	是
ĐA	THỤ	MỆNH	HỮU	THÌ
	持	布	善	非
	TRÌ	BỒ	THIỆN	PHI

世尊。不可以三十二相得見如來。
何。可以三十二相見如來不。不也。
非世界。是名世界。須菩提。於意云。
說非微塵。是名微塵。如來說世界。
言甚多世尊。須菩提。諸微塵。如來。

佛PHẬT說THUYẾT般BÁT若NHÃ波BA羅LA密MẬT卽TỨC非PHI般BÁT若NHÃ波BA羅LA

密MẬT須TU菩BỒ提ĐỀ於Ư意Ý云VÂN何HÀ如NHƯ來LAI有HỮU所SỐ說THUYẾT

法PHÁP不PHỦ須TU菩BỒ提ĐỀ白BẠCH佛PHẬT言NGÔN世THẾ尊TÔN如NHƯ來LAI無VÔ

所SỐ說THUYẾT須TU菩BỒ提ĐỀ於Ư意Ý云VÂN何HÀ三TAM千THIỆN大ĐẠI千THIỆN

世THẾ界GIỚI所SỐ有HỮU微VI塵TRẦN是THÌ爲VI多ĐA不PHỦ須TU菩BỒ提ĐỀ

名	DANH	是	THÌ	此	THỦ	爾	NHÌ
字	TỰ	經	KINH	經	KINH	時	THỜI
汝	NHỮ	名	DANH	我	NGŨ	須	TU
當	ĐƯƠNG	爲	VÌ	等	ĐẲNG	菩	BỒ
奉	PHỤNG	金	KIM	云	VÂN	提	ĐỀ
持	TRÌ	剛	CƯỜNG	何	HÀ	白	BẠCH
所	SỞ	般	BÁT	奉	PHỤNG	佛	PHẬT
以	GI	若	NHÃ	持	TRÌ	言	NGÔN
者	GIÀ	波	BA	佛	PHẬT	世	THẾ
何	HÀ	羅	LA	告	CÁO	尊	TÔN
須	TU	密	MẬT	須	TU	當	ĐƯƠNG
菩	BỒ	以	GI	菩	BỒ	何	HÀ
提	ĐỀ	是	THÌ	提	ĐỀ	名	DANH

弟子。 ĐỀ TỬ	經典所在之處 KINH DIỄN SỞ TAI CHỖ SÚ TỨC VỊ HỮU PHẬT NHƯỢC TÔN TRỌNG	人成就最上第一希有之法 NHÂN THÀNH TỰ TỐI THƯỢNG ĐỀ NHẤT HI HỮU CHỖ PHÁP NHƯỢC THỊ	人盡能受持讀誦 NHÂN TÂN NĂNG THỤ TRÌ ĐỌC TỤNG TU BỒ ĐỀ DUỖNG TRÌ THỊ	修羅皆應供養如佛塔廟 TU LA GIẢI ỨNG CUNG DƯỖNG NHƯ PHẬT THÁP MIẾU HÀ HUỖNG HỮU
-----------------	---	---	--	---

受THỤ持TRÍ四TỨ句CÚ偈KỆ等ĐẲNG爲VÌ他THA人NHÂN說THUYẾT而NHÌ此THỬ福PHÚC

德ĐỨC勝THẮNG前TIỀN福PHÚC德ĐỨC

復PHỤC次THứ須TU菩BỒ提ĐỀ隨TUỖ說THUYẾT是THÌ經KINH乃NÃI至CHỈ四TỨ句CÚ

偈KỆ等ĐẲNG當ĐƯƠNG知TRÍ此THỬ處SÚ一NHẤT切THIỆT世THẾ間GIAN天THIÊN人NHÂN阿A

若NHƯỢC 善THIỆN 男NAM 子TỬ 善THIỆN 女NỮ 人NHÂN 於Ư 此THỨ 經KINH 中TRUNG 乃NĂ 至CHÍ

須TU 菩BỒ 提ĐỀ 言NGÔN 甚THẬM 多ĐA 世THẾ 尊TÔN 佛PHẬT 告CAO 須TU 菩BỒ 提ĐỀ

千THIÊN 大ĐẠI 千THIÊN 世THẾ 界GIỚI 以GI 用DỤNG 布BỒ 施THÍ 得ĐẮC 福PHÚC 多ĐA 不PHỦ

女NỮ 人NHÂN 以GI 七THẤT 寶BAO 滿MÃN 爾NHĩ 所SỐ 恒HĂNG 河HÀ 沙SA 數SỐ 三TAM

提ĐỀ 我NGA 今KIM 實THỰC 言NGÔN 告CAO 汝NHỮ 若NHƯỢC 有HỮU 善THIỆN 男NAM 子TỬ 善THIỆN

諸恒河尚多無數。何況其沙。須菩

CHU

HĂNG

HÀ

THƯỜNG

ĐA

VÔ

SỐ

HÀ

HUỐNG

KỶ

SA

TU

BỒ

寧爲多不。須菩提言。甚多世尊。但

NINH

VÌ

ĐA

PHU

TU

BỒ

ĐỀ

NGÔN

THÂM

ĐA

THẾ

TÔN

ĐẢN

沙等恒河。於意云何。是諸恒河沙。

SA

ĐANG

HĂNG

HÀ

Ư

Ý

VÂN

HÀ

THÌ

CHU

HĂNG

HÀ

SA

須菩提。如恒河中所有沙數。如是

TU

BỒ

ĐỀ

NHƯ

HĂNG

HÀ

TRUNG

SỐ

HỮU

SA

SỐ

NHƯ

THÌ

身。 ^{THÂN}	大 ^{ĐẠI}	意 ^Ý	菩 ^{BỒ}	觸 ^{SÚC}
	世 ^{THẾ}	云 ^{VÂN}	提 ^{ĐỀ}	法 ^{PHÁP}
	尊 ^{TÔN}	何 ^{HÀ}	譬 ^{THỊ}	生 ^{SINH}
	何 ^{HÀ}	是 ^{THỊ}	如 ^{NHƯ}	心 ^{TÂM}
	以 ^Ỡ	身 ^{THÂN}	有 ^{HỮU}	應 ^{ỨNG}
	故 ^{CỐ}	爲 ^{VÌ}	人 ^{NHÂN}	無 ^{VÔ}
	佛 ^{PHẬT}	大 ^{ĐẠI}	身 ^{THÂN}	所 ^{SỞ}
	說 ^{THUYẾT}	不 ^{PHỦ}	如 ^{NHƯ}	住 ^{TRỤ}
	非 ^{PHI}	須 ^{TU}	須 ^{TU}	而 ^{NHÌ}
	身 ^{THÂN}	菩 ^{BỒ}	彌 ^{DI}	生 ^{SINH}
	是 ^{THỊ}	提 ^{ĐỀ}	山 ^{SƠN}	其 ^{KỶ}
	名 ^{DANH}	言 ^{NGÔN}	王 ^{VƯƠNG}	心 ^{TÂM}
	大 ^{ĐẠI}	甚 ^{THÂM}	於 ^Ư	須 ^{TU}

心。TÂM	提。ĐỀ	者。GIẢ	土。ĐỘ	得。ĐẮC
不。BẤT	諸。CHƯ	卽。TỨC	不。PHỦ	須。TU
應。ƯNG	菩。BỒ	非。PHI	不。PHẬT	菩。BỒ
住。TRỤ	薩。TÁT	莊。TRANG	也。DÃ	提。ĐỀ
色。SẮC	摩。MA	嚴。NGHIÊM	世。THẾ	於。Ư
生。SINH	訶。HA	是。THỊ	尊。TÔN	意。Ý
心。TÂM	薩。TÁT	名。DANH	何。HÀ	云。VÂN
不。BẤT	應。ƯNG	莊。TRANG	以。GÍ	何。HÀ
應。ƯNG	如。NHƯ	嚴。NGHIÊM	故。CỐ	菩。BỒ
住。TRỤ	是。THỊ	是。THỊ	莊。TRANG	薩。TÁT
聲。THANH	生。SINH	故。CỐ	嚴。NGHIÊM	莊。TRANG
香。HƯƠNG	清。THANH	須。TU	佛。PHẬT	嚴。NGHIÊM
味。VỊ	淨。TỊNH	菩。BỒ	土。ĐỘ	佛。PHẬT

蘭LAN
那NA
行HÀNH

尊 TÔN	燃 NHIÊN	佛 PHẬT
如 NHƯ	燈 ĐĂNG	告 CÁO
來 LAI	佛 PHẬT	須 TU
在 TẠI	所 SỞ	菩 BỒ
燃 NHIÊN	於 Ư	提 ĐỀ
燈 ĐĂNG	法 PHÁP	於 Ư
佛 PHẬT	有 HỮU	意 Ý
所 SỞ	所 SỞ	云 VÂN
於 Ư	得 ĐẮC	何 HÀ
法 PHÁP	不 PHU	如 NHƯ
實 THỰC	不 PHẬT	來 LAI
無 VÔ	也 DÃ	昔 TỊCH
所 SỞ	世 THẾ	在 TẠI

提	須	是	念	一
實	菩	念	我	是
無	提	我	是	第
所	是	得	離	一
行	樂	阿	欲	離
而	阿	羅	阿	欲
名	蘭	漢	羅	阿
須	那	道	漢	羅
菩	行	世	世	漢
提	者	尊	尊	我
是	以	則	我	不
樂	須	不	若	作
阿	菩	說	作	是

NHAT

THI

GE

NHAT

Y

UC

N

A

佛	漢	世	世	我
PHẬT	HÁN	THẾ	THẾ	NGA
說	道	尊	尊	得
THUYẾT	ĐẠO	TÔN	TÔN	ĐẮC
我	則	若	何	阿
NGA	TẮC	NHƯỢC	HÀ	A
得	爲	阿	以	羅
ĐẮC	VÌ	A	GÌ	LA
無	著	羅	故	漢
VÔ	TRƯỚC	LA	CÓ	HÁN
諍	我	漢	實	道
TRÁNH	NGA	HÁN	THỰC	ĐẠO
三	人	作	無	不
TAM	NHÂN	TẮC	VÔ	PHỦ
昧	眾	是	有	須
MUỘI	CHUNG	THỊ	HỮU	TU
人	生	念	法	菩
NHÂN	SINH	NIỆM	PHÁP	BỒ
中	壽	我	名	提
TRUNG	THỌ	NGA	DANH	ĐỀ
最	者	得	阿	言
TỐI	GIA	ĐẮC	A	NGON
爲	世	阿	LA	PHẬT
VÌ	THẾ	A	HÁN	ĐA
第	尊	羅	漢	也
ĐỀ	TÔN	LA		

菩	BÔ	來	LAI	不	PHAT	是	THI	含	HAM
提	ĐỀ	而	NHI	也	DĀ	念	NIỆM	須	TU
於	Ư	實	THỰC	世	THẾ	我	NGÃ	菩	BÔ
意	Ý	無	VÔ	尊	TÔN	得	ĐẮC	提	ĐỀ
云	VÂN	不	BÁT	何	HÀ	阿	A	於	Ư
何	HÀ	來	LAI	以	GÌ	那	NA	意	Ý
阿	A	是	THI	故	CÔ	含	HAM	云	VÂN
羅	LA	故	CÔ	阿	A	果	QUẢ	何	HÀ
漢	HÁN	名	DANH	那	NA	不	PHU	阿	A
能	NĂNG	阿	A	含	HAM	須	TU	那	NA
作	TÁC	那	NA	名	DANH	菩	BÔ	含	HAM
是	THI	含	HAM	爲	VI	提	ĐỀ	能	NĂNG
念	NIỆM	須	TU	不	BÁT	言	NGÔN	作	TÁC

名	DANH	菩	BÔ	含	HÀM	名	DANH	而	NHI
一	NHẤT	提	ĐỀ	能	NĂNG	須	TU	無	VÔ
往	VĂNG	言	NGÔN	作	TÁC	陀	ĐÀ	所	SỞ
來	LAI	不	PHẤT	是	THÌ	洹	HOÀN	入	NHẬP
而	NHI	也	ĐÃ	念	NIỆM	須	TU	不	BẤT
實	THỰC	世	THẾ	我	NGÃ	菩	BÔ	入	NHẬP
無	VÔ	尊	TÔN	得	ĐẮC	提	ĐỀ	色	SẮC
往	VĂNG	何	HÀ	斯	TƯ	於	Ư	聲	THANH
來	LAI	以	GÌ	陀	ĐÀ	意	Ý	香	HƯƠNG
是	THÌ	故	CỐ	含	HÀM	云	VÂN	味	VỊ
名	DANH	斯	TƯ	果	QUẢ	何	HÀ	觸	SÚC
斯	TƯ	陀	ĐÀ	不	PHỦ	斯	TƯ	法	PHÁP
陀	ĐÀ	含	HÀM	須	TU	陀	ĐÀ	是	THÌ

法PHÁP者GIA。即TỨC非PHI佛PHẬT法PHÁP。

須TU菩BỒ提ĐỀ於Ư意Ý云VÂN何HÀ須TU陀ĐÀ洹HOÀN能NĂNG作TÁC是THÌ

念NIÊM我NGÃ得ĐẮC須TU陀ĐÀ洹HOÀN果QUẢ不PHU須TU菩BỒ提ĐỀ言NGÔN不PHẬT

也DÃ世THẾ尊TÔN何HÀ以GI故CỐ須TU陀ĐÀ洹HOÀN名DANH爲VÌ入NHẬP流LƯU。

提	諸	說	經	故
ĐỀ	CHƯ	THUYẾT	KINH	CÓ
法	佛	其	中	如
PHÁP	PHẬT	KỶ	TRUNG	NHƯ
皆	及	福	受	來
GIẢI	CẬP	PHÚC	THỤ	LAI
從	諸	勝	持	說
TÔNG	CHƯ	THẮNG	TRÌ	THUYẾT
此	佛	彼	乃	福
THỦ	PHẬT	BÍ	NÃI	PHÚC
經	阿	何	至	德
KINH	A	HÀ	CHÍ	ĐUỒ
出	耨	以	四	多
XUẤT	LỘC	GI	TỨ	ĐA
須	多	故	句	若
TU	ĐA	CÔ	CÚ	NHƯỢC
菩	羅	須	偈	復
BỒ	LA	TU	KỆ	PHỤC
提	三	菩	等	有
ĐỀ	TAM	BỒ	ĐẲNG	HỮ
所	藐	提	爲	人
SỞ	RIÊU	ĐỀ	VÌ	NHÂN
謂	三	一	他	於
VÌ	TAM	NHẤT	THA	Ư
佛	菩	切	人	此
PHẬT	BỒ	THIỆT	NHÂN	THỦ

尊	TÔN	福	PHÚC	千	THIÊN	須	TU
何	HÀ	德	ĐỨC	世	THẾ	菩	BỒ
以	GÌ	寧	NINH	界	GIỚI	提	ĐỀ
故	CÓ	爲	VÌ	七	THẤT	於	Ư
是	THÌ	多	ĐA	寶	BẢO	意	Ý
福	PHÚC	不	PHỦ	以	GÌ	云	VÂN
德	ĐỨC	須	TU	用	DỤNG	何	HÀ
卽	TỨC	菩	BỒ	布	BỒ	若	NHƯỢC
非	PHÌ	提	ĐỀ	施	THÌ	人	NHÂN
福	PHÚC	言	NGÔN	是	THÌ	滿	MÃN
德	ĐỨC	甚	THÂM	人	NHÂN	三	TAM
性	TÍNH	多	ĐA	所	SỐ	千	THIÊN
是	THÌ	世	THẾ	得	ĐẮC	大	ĐẠI

無	VÔ	非	PHI	來	LAI	亦	DIỆC	有	HỮU
爲	VI	非	PHI	所	SỞ	無	VÔ	定	ĐỊNH
法	PHÁP	法	PHÁP	說	THUYẾT	有	HỮU	法	PHÁP
而	NHÌ	所	SỞ	法	PHÁP	定	ĐỊNH	名	DANH
有	HỮU	以	GÌ	皆	GIÀI	法	PHÁP	阿	A
差	SÀI	者	GIÁ	不	BẤT	如	NHƯ	耨	LỘC
別	BIỆT	何	HÀ	可	KHẢ	來	LAI	多	ĐA
		一	NHẤT	取	THỦ	可	KHẢ	羅	LA
		切	THIỆT	不	BẤT	說	THUYẾT	三	TAM
		賢	HIỀN	可	KHẢ	何	HÀ	藐	RIÊU
		聖	THIÊN	說	THUYẾT	以	GÌ	三	TAM
		皆	GIÀI	非	PHI	故	CÓ	菩	BỒ
		以	GÌ	法	PHÁP	如	NHƯ	提	ĐỀ

法。PHÁP

須。TU

菩。BỒ

提。ĐỀ

於。Ư

意。Ý

云。VÂN

何。HÀ

如。NHƯ

來。LAI

得。ĐẮC

阿。A

耨。LỘC

多。ĐA

羅。LA

三。TAM

藐。RIÊU

三。TAM

菩。BỒ

提。ĐỀ

耶。DA

如。NHƯ

來。LAI

有。HỮU

所。SỞ

說。THUYẾT

法。PHÁP

耶。DA

須。TU

菩。BỒ

提。ĐỀ

言。NGÔN

如。NHƯ

我。NGÃ

解。GIẢI

佛。PHẬT

所。SỞ

說。THUYẾT

義。NGHĨA

無。VÔ

說	是	者	故	取
THUYẾT	THÌ	GIÀ	CÓ	THỦ
法	義	是	若	法
PHÁP	NGHĨA	THÌ	NHƯỢC	PHÁP
如	故	故	取	相
NHƯ	CÓ	CÓ	THỦ	TƯỚNG
筏	如	不	非	卽
PHIỆT	NHƯ	BẤT	PHI	TỨC
喻	來	應	法	著
DỤ	LAI	ỨNG	PHÁP	TRƯỚC
者	常	取	相	我
GIÀ	THƯỜNG	THỦ	TƯỚNG	NGÃ
法	說	法	卽	人
PHÁP	THUYẾT	PHÁP	TỨC	NHÂN
尚	汝	不	著	眾
THƯỜNG	NHỮ	BẤT	TRƯỚC	CHÚNG
應	等	應	我	生
ỨNG	ĐẲNG	ỨNG	NGÃ	SINH
捨	比	取	人	壽
XÁ	TỈ	THỦ	NHÂN	THỌ
何	丘	非	眾	者
HÀ	KHƯU	PHI	CHÚNG	GIÀ
況	知	法	生	何
HUÔNG	TRÌ	PHÁP	SINH	HÀ
非	我	以	壽	以
PHI	NGÃ	GÌ	THỌ	GÌ

心	TÂM	亦	DIỆC	我	NGÃ	無	VÔ	如	NHƯ
取	THỦ	無	VÔ	相	TƯỚNG	量	LƯỢNG	來	LAI
相	TƯỚNG	非	PHI	人	NHÂN	福	PHÚC	悉	TẤT
則	TẮC	法	PHÁP	相	TƯỚNG	德	ĐỨC	知	TRÌ
爲	VÌ	相	TƯỚNG	衆	CHUNG	何	HÀ	悉	TẤT
著	TRƯỚC	何	HÀ	生	SINH	以	GI	見	KIẾN
我	NGÃ	以	GI	相	TƯỚNG	故	CÓ	是	THÌ
人	NHÂN	故	CÓ	壽	THỌ	是	THÌ	諸	CHƯ
衆	CHUNG	是	THÌ	者	GIÀ	諸	CHƯ	衆	CHUNG
生	SINH	諸	CHƯ	相	TƯỚNG	衆	CHUNG	生	SINH
壽	THỌ	衆	CHUNG	無	VÔ	生	SINH	得	ĐẮC
者	GIÀ	生	SINH	法	PHÁP	無	VÔ	如	NHƯ
若	NHƯỢC	若	NHƯỢC	相	TƯỚNG	復	PHỤC	是	THÌ

章	於	一	生	百
CHƯƠNG	Ư	NHẤT	SINH	BÁCH
句	無	佛	信	歲
CÚ	VÔ	PHẬT	TÍN	TUẾ
乃	量	二	心	有
NÃI	LƯỢNG	NHỊ	TÂM	HỮU
至	千	佛	以	持
CHÍ	THIỆN	PHẬT	GÌ	TRÌ
一	萬	三	此	戒
NHẤT	VẠN	TAM	THỦ	GIỚI
念	佛	四	爲	修
NIỆM	PHẬT	TỨ	VÌ	TU
生	所	五	實	福
SINH	SỞ	NGŨ	THỰC	PHÚC
淨	種	佛	當	者
TỊNH	CHUNG	PHẬT	ĐƯƠNG	GIẢ
信	諸	而	知	於
TÍN	CHƯ	NHỊ	TRÌ	Ư
者	善	種	是	此
GIẢ	THIỆN	CHUNG	THÌ	THỦ
須	根	善	人	章
TU	CĂN	THIỆN	NHÂN	CHƯƠNG
BỒ	VĂN	CĂN	BẤT	CÚ
提	是	已	於	能
ĐỀ	THÌ	DĨ	Ư	NĂNG

虛妄若見諸相非相卽見如來。
HƯ VỌNG NHƯỢC KIẾN CHỮ TƯỚNG PHI TƯỚNG TỨC KIẾN NHƯ LAI

須菩提白佛言。世尊。頗有眾生得
TU BỒ ĐỀ BẠCH PHẬT NGÔN THẾ TÔN PHẢ HỮU CHÚNG SINH ĐẮC

聞如是言。說章句。生實信。不佛告。
VĂN NHƯ THỊ NGÔN THUYẾT CHƯƠNG CÚ SINH THỰC TÍN PHỦ PHẬT CÁO

須菩提莫作是說。如來滅後。後五
TU BỒ ĐỀ MẠC TÁC THỊ THUYẾT NHƯ LAI DIỆT HẬU HẬU NGŨ

身	THÂN	如	NHƯ	來	LAI	須	TU
相	TƯỚNG	來	LAI	不	PHỦ	菩	BỒ
佛	PHẬT	何	HÀ	不	PHẬT	提	ĐỀ
告	CAO	以	GÌ	也	ĐÃ	於	Ư
須	TU	故	CỐ	世	THẾ	意	Ý
菩	BỒ	如	NHƯ	尊	TÔN	云	VĂN
提	ĐỀ	來	LAI	不	BẤT	何	HÀ
凡	PHẠM	所	SỐ	可	KHẢ	可	KHẢ
所	SỐ	說	THUYẾT	以	GÌ	以	GÌ
有	HỮU	身	THÂN	身	THÂN	身	THÂN
相	TƯỚNG	相	TƯỚNG	相	TƯỚNG	相	TƯỚNG
皆	GIẢI	卽	TỨC	得	ĐẮC	見	KIẾN
是	THÌ	非	PHI	見	KIẾN	如	NHƯ

但應如所教住。亦復如是。不可思量。須菩提。菩薩無住相。布施福德。四維上下。虛空。可思量。不。不也。世量。不。不也。世尊。須菩提。南西北方。

須	TU	薩	TÁT	如	NHƯ	聲	THANH	行	HÀNH
菩	BỒ	不	BẤT	是	THÌ	香	HƯƠNG	於	Ư
提	ĐỀ	住	TRỤ	布	BỒ	味	VỊ	布	BỒ
於	Ư	相	TƯỚNG	施	THÌ	觸	SÚC	施	THÌ
意	Ý	布	BỒ	不	BẤT	法	PHÁP	所	SỞ
云	VÂN	施	THÌ	住	TRỤ	布	BỒ	謂	VÌ
何	HÀ	其	KỶ	於	Ư	施	THÌ	不	BẤT
東	ĐÔNG	福	PHÚC	相	TƯỚNG	須	TU	住	TRỤ
方	PHƯƠNG	德	ĐỨC	何	HÀ	菩	BỒ	色	SẮC
虛	HƯ	不	BẤT	以	GÌ	提	ĐỀ	布	BỒ
空	KHÔNG	可	KHẢ	故	CÔ	菩	BỒ	施	THÌ
可	KHẢ	思	TƯ	若	NHƯỢC	薩	TÁT	不	BẤT
思	TƯ	量	LƯỢNG	菩	BỒ	應	ƯNG	住	TRỤ

復PHỤC次THỨ須TU菩BỒ提ĐỀ菩BỒ薩TÁT於Ư法PHÁP應ƯNG無VÔ所SỞ住TRỤ

生SINH相TƯỚNG壽THỌ者GIẢ相TƯỚNG卽TỨC非PHI菩BỒ薩TÁT。
故CÓ須TU菩BỒ提ĐỀ若NHƯỢC菩BỒ薩TÁT有HỮU我NGÃ相TƯỚNG人NHÂN相TƯỚNG眾CHÚNG。
邊BIÊN眾CHÚNG生SINH實THỰC無VÔ眾CHÚNG生SINH得ĐẮC滅DIỆT度ĐỘ者GIẢ何HÀ以GI

而	NHI	有	HỮ	有	HỮ	若	NHƯỢC	是	THỊ
滅	DIỆT	想	TƯỚNG	色	SẮC	卵	NOÀN	降	HÀNG
度	ĐỘ	非	PHI	若	NHƯỢC	生	SINH	伏	PHỤC
之	CHỈ	無	VÔ	無	VÔ	若	NHƯỢC	其	KỶ
如	NHƯ	想	TƯỚNG	色	SẮC	胎	THAI	心	TÂM
是	THỊ	我	NGÃ	若	NHƯỢC	生	SINH	所	SỞ
滅	DIỆT	皆	GIẢI	有	HỮ	若	NHƯỢC	有	HỮ
度	ĐỘ	令	LINH	想	TƯỚNG	濕	THẤP	一	NHẤT
無	VÔ	入	NHẬP	若	NHƯỢC	生	SINH	切	THIỆT
量	LƯỢNG	無	VÔ	無	VÔ	若	NHƯỢC	眾	CHÚNG
無	VÔ	餘	DƯ	想	TƯỚNG	化	HÓA	生	SINH
數	SỐ	涅	NIỆT	若	NHƯỢC	生	SINH	之	CHỈ
無	VÔ	槃	BÀN	非	PHI	若	NHƯỢC	類	LOẠI

人發阿耨多羅三藐三菩提心。應

如是住。如是降伏其心。唯然世尊。

願樂欲聞。

佛告須菩提。諸菩薩摩訶薩。應如

汝	NHỮ	來	LAI	言	NGÔN	提	ĐỀ	子	TỬ
今	KIM	善	THIỆN	善	THIỆN	心	TÂM	善	THIỆN
諦	ĐỀ	護	HỘ	哉	TAI	應	ỨNG	女	NỮ
聽	THÍNH	念	NIỆM	善	THIỆN	云	VÂN	人	NHÂN
當	ĐƯƠNG	諸	CHƯ	哉	TAI	何	HÀ	發	PHÁT
爲	VÌ	菩	BỒ	須	TU	住	TRỤ	阿	A
汝	NHỮ	薩	TÁT	菩	BỒ	云	VÂN	耨	LỘC
說	THUYẾT	善	THIỆN	提	ĐỀ	何	HÀ	多	ĐA
善	THIỆN	付	PHÓ	如	NHƯ	降	HÀNG	羅	LA
男	NAM	囑	CHÚC	汝	NHỮ	伏	PHỤC	三	TAM
子	TỬ	諸	CHƯ	所	SỞ	其	KỶ	藐	RIÊU
善	THIỆN	菩	BỒ	說	THUYẾT	心	TÂM	三	TAM
女	NỮ	薩	TÁT	如	NHƯ	佛	PHẬT	菩	BỒ

諸	CHƯ	而	NHI	起	KHỞI	時	THỜI
菩	BỒ	白	BẠCH	偏	THIÊN	長	TRƯỜNG
薩	TÁT	佛	PHẬT	袒	ĐÀN	老	LÃO
善	THIỆN	言	NGÔN	右	HỮU	須	TU
付	PHÓ	希	HÌ	肩	KIÊN	菩	BỒ
囑	CHÚC	有	HỮU	右	HỮU	提	ĐỀ
諸	CHƯ	世	THẾ	膝	TÁT	在	TẠI
菩	BỒ	尊	TÔN	著	TRƯỚC	大	ĐẠI
薩	TÁT	如	NHƯ	地	ĐỊA	眾	CHÚNG
世	THẾ	來	LAI	合	HỢP	中	TRUNG
尊	TÔN	善	THIỆN	掌	CHỦNG	卽	TỨC
善	THIỆN	護	HỘ	恭	CUNG	從	TÒNG
男	NAM	念	NIỆM	敬	KÍNH	座	TÒA

足	TÚC	乞	KHẤT	入	NHẬP	十	THẬP	給	CẤP
已	ĐI	已	ĐI	舍	XÁ	人	NHÂN	孤	CÔ
敷	PHU	還	HOÀN	衛	VÊ	俱	CÂU	獨	ĐỘC
座	TÒA	至	CHÍ	大	ĐẠI	爾	NHĨ	園	VIÊN
而	NHI	本	BẢN	城	THÀNH	時	THỜI	與	DỮ
坐	TỌA	處	SÚ	乞	KHẤT	世	THẾ	大	ĐẠI
		飯	PHẠM	食	THỰC	尊	TÔN	比	TỈ
		食	THỰC	於	Ư	食	THỰC	丘	KHƯU
		訖	NGẬT	其	KỶ	時	THỜI	眾	CHÚNG
		收	THU	城	THÀNH	著	CHÚC	千	THIỆN
		衣	Y	中	TRUNG	衣	Y	二	NHỊ
		鉢	BÁT	次	THỨ	持	TRÌ	百	BÁCH
		洗	TÂY	第	ĐỆ	鉢	BÁT	五	NGŨ

如NHƯ是THÌ我NGÃ聞YĂN一NHẤT時THỜI佛PHẬT在TẠI舍XÁ衛VÊ國QUỐC祇KỶ樹THỤ

姚DAO秦TÂN三TAM藏TANG法PHÁP師SƯ鳩CƯU摩MA羅LA什THẬP譯DỊCH

金KIM剛CƯỜNG般BÁT若NHÃ波BA羅LA密MẬT經KINH

願NGUYỄN解GIẢI如NHƯ來LAI真CHÂN實THỰC義NGHĨA

我NGÃ 百BACH 無VÔ
今KIM 千THIÊN 上THƯỢNG
見KIẾN 萬VẠN 甚THÂM
聞VĂN 億ỨC 深THÂM
得ĐẮC 劫KIỆP 微VI
受THỤ 難NAN 妙RIÊU
持TRÌ 遇NGỘ 法PHÁP

開KHAI
經KINH
偈KỆ

願NGUYỆN
佛PHẬT
開KHAI
微VI
密MẬT

廣QUẢNG
爲VI
眾CHUNG
生SINH
說THUYẾT

云	VÂN	復	PHỤC	云	VÂN	盡	TẬN	若	NHƯỢC
何	HÀ	以	GỈ	何	HÀ	此	THỬ	有	HỮU
於	Ư	何	HÀ	得	ĐẮC	一	NHẤT	見	KIẾN
此	THỬ	因	NHÂN	長	CHANG	報	BÁO	聞	VĂN
經	KINH	緣	DUYÊN	壽	THỌ	身	THÂN	者	GIẢ

究	CỨU	得	ĐẮC	金	KIM	同	ĐỒNG	悉	TÁT
竟	CÁNH	大	ĐẠI	剛	CƯƠNG	生	SINH	發	PHAT
到	ĐÁO	堅	KIÊN	不	BẤT	極	CỰC	菩	BỒ
彼	BỈ	固	CỐ	壞	HOẠI	樂	LẠC	提	ĐỀ
岸	NGẠN	力	LỰC	身	THÂN	國	QUỐC	心	TÂM

			奉 PHỤNG	奉 PHỤNG
上 THƯỢNG	我 NGÃ	稽 KHÊ	請 THỈNH	請 THỈNH
報 BÁO	今 KIM	首 THỦ	金 KIM	金 KIM
四 TỨ	發 PHÁT	三 TAM	剛 CƯƠNG	剛 CƯƠNG
重 TRỌNG	弘 HOẢNG	界 GIỚI	語 NGỮ	愛 ÁI
恩 ÂN	願 NGUYỄN	尊 TÔN	菩 BỒ	菩 BỒ
			薩 TAT	薩 TAT

下 HẠ	持 TRÌ	歸 QUY
濟 TẾ	此 THỦ	命 MỆNH
三 TAM	金 KIM	十 THẬP
途 ĐỒ	剛 CƯƠNG	方 PHƯƠNG
苦 KHỔ	經 KINH	佛 PHẬT

奉	PHỤNG	奉	PHỤNG	奉	PHỤNG	奉	PHỤNG	奉	PHỤNG
請	THỈNH ²	請	THỈNH ²	請	THỈNH ²	請	THỈNH ²	請	THỈNH ²
金	KIM	金	KIM	大	ĐẠI	紫	TỬ ²	定	ĐỊNH
剛	CƯƠNG	剛	CƯƠNG	神	THẦN	賢	HIỀN	除	TRỪ
索	SÁCH	脊	QUYẾN	金	KIM	金	KIM	災	TAI
菩	BỒ	菩	BỒ	剛	CƯƠNG	剛	CƯƠNG	金	KIM
薩	TAT	薩	TAT					剛	CƯƠNG

奉	PHỤNG	奉	PHỤNG	奉	PHỤNG	奉	PHỤNG	奉	PHỤNG
請	THỈNH ²	請	THỈNH ²	請	THỈNH ²	請	THỈNH ²	請	THỈNH ²
赤	XÍCH	白	BẠCH	黃	HOÀNG	辟	TỊCH	青	THANH
聲	THANH	淨	TỊNH	隨	TÙY	毒	ĐỘC	除	TRỪ
火	HỎA ²	水	THỦY ²	求	CẦU	金	KIM	災	TAI
金	KIM	金	KIM	金	KIM	剛	CƯƠNG	金	KIM
剛	CƯƠNG	剛	CƯƠNG	剛	CƯƠNG			剛	CƯƠNG

唵ÁN

誡NGA

誡NGA

曩NĂNG

三TAM

婆BÀ

縛PHA

鞞MIỆT

日NHẬT

囉LA

斛HỘC

三

遍

普PHẢ

供CÚNG

養DÀNG

眞CHÂN

言NGÔN

婆BÀ

縛PHA

𣪠CHUẬT

度ĐỘ

憾HẠM

三

遍

唵ÁN

娑SA

縛PHA

婆BÀ

縛PHA

𣪠CHUẬT

馱ĐÀ

娑SA

縛PHA

達ĐẠT

麼MA

娑SA

縛PHA

淨TỊNH

三TAM

業NGHIỆP

眞CHÂN

言NGÔN

地	ĐIÀ	南	NAM	訶	HA	修	TU
尾	VỈ	無	MÔ	安	AN	唎	L!
薩	TAT	三	TAM	土	THỔ	修	TU
婆	BÀ	滿	MẢN	地	ĐIÀ	唎	L!
訶	HA	多	ĐA	真	CHÂN	摩	MA
三		沒	MỘT	言	NGÔN	訶	HA
遍		馱	ĐÀ			修	TU
		喃	NẨM			唎	L!
		唵	ÁN			修	TU
		度	ĐỘ			修	TU
		嚕	RÔ			唎	L!
		度	ĐỘ			薩	TAT
		嚕	RÔ			婆	BÀ

淨	TỊNH	南	NAM	現	HIỆN	遙	GIAO	爐	LÔ
口	KHẨU	無	MÔ	全	TOÀN	聞	VĂN	香	HƯƠNG
業	NGHIỆP	香	HƯƠNG	身	THÂN	隨	TÙY	乍	SẠ
眞	CHÂN	雲	VÂN			處	SÚ	熱	NHIỆT
言	NGÔN	蓋	CÁI			結	KẾT	法	PHÁP
		菩	BỒ			祥	TƯỜNG	界	GIỚI
		薩	TAT			雲	VÂN	蒙	MÔNG
		摩	MA			誠	THÀNH	熏	HUÂN
		訶	HA			意	Ý	諸	CHƯ
		薩	TAT			方	PHƯƠNG	佛	PHẬT
		三	BÀ			慳	ÂN	海	HẢI
		遍	LƯỢT			諸	CHU	會	HỘI
						佛	PHẬT	悉	TẤT



Kim kang han so ho lo mi king.

Vajracchedikā - Diamond Prajñāpāramitā-sūtra
↳ Prajñāpāramitā

眞空妙旨

金剛般若波羅密經

義講

編譯者 荅 葛 葛